

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 10
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT
Môn: LỊCH SỬ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-BGDĐT ngày 06/9/2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2023

1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên

2. Tham gia biên soạn:

TS. Nguyễn Xuân Trường – Chủ biên

TS. Nguyễn Thị Bích – Thành viên

ThS. Lại Thị Thu Thúy – Thành viên, Thư ký

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai: Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 10 môn Lịch sử, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba: Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Lịch sử lớp 10 Chương trình GDTX cấp THPT. Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	GDPT	Giáo dục phổ thông
3.	ĐGĐK	Đánh giá định kì
4.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
5.	GV	Giáo viên
6.	HV	Học viên
7.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
9.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
10.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
11.	NL	Năng lực
12.	PPDH	Phương pháp dạy học
13.	QTDH	Quá trình dạy học
14.	TCM	Tổ chuyên môn
15.	TCN	Trước Công nguyên
16.	THCS	Trung học cơ sở
17.	THPT	Trung học phổ thông
18.	GDPT	Giáo dục phổ thông
19.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

Phần thứ nhất	8
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT	8
I. MỤC TIÊU	8
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	8
1. Yêu cầu về phẩm chất	8
2. Yêu cầu về năng lực.....	8
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	8
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học	13
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC	15
1. Nội dung giáo dục	15
2. Thời lượng giáo dục.....	17
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	18
1. Định hướng về phương pháp giáo dục.....	18
2. Hình thức tổ chức dạy học.....	18
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	19
Phần thứ hai	21
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN LỊCH SỬ	21
I. MỤC TIÊU	21
1. Mục tiêu chung	21
2. Mục tiêu cụ thể	21
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	22
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	22
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	22
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 10	23
1. Nội dung khái quát.....	23
2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt lớp 10.....	24
3. So sánh yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX môn Lịch sử lớp 10 và Chương trình môn Lịch sử THPT	35
4. Định hướng nội dung Chương trình môn Lịch sử.....	36
5. Định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	38
6. Thiết bị dạy học	42
Phần thứ ba	43
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC LỚP 10 MÔN LỊCH SỬ	43
Chủ đề 1. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	43

Bài 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC	43
Bài 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG	49
Bài 3. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	54
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 1	61
Chủ đề 2: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI.....	62
Bài 4. KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG	62
THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI.....	62
Bài 5. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI	70
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 2	77
Chủ đề 3. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	79
.....	79
Bài 6. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI.....	79
Bài 7. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI	87
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 3.....	93
CHỦ ĐỀ 4: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ TRUNG ĐẠI.....	95
Bài 8. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á.....	95
THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI.....	95
Bài 9. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	99
THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI.....	99
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 4	104
Chủ đề 5: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	106
(TRƯỚC NĂM 1858)	106
Nội dung 1. CÁC NỀN VĂN MINH CỔ TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM.....	106
Bài 10. VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC	106
Bài 11. VĂN MINH CHĂM – PA	111
Bài 12. VĂN MINH PHÙ NAM	116
Nội dung 2. VĂN MINH ĐẠI VIỆT	122
Bài 13. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	123
CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT	123
Bài 14. MỘT SỐ THÀNH TỰU TIÊU BIỂU VÀ Ý NGHĨA	131
CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT	131
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 5	139
CHỦ ĐỀ 6: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM.....	141
Bài 15. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	141
Bài 16. KHÓI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM.....	149
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 6	156
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10	158

Chuyên đề 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC.....	158
Bài 1. THÔNG SỬ VÀ LỊCH SỬ THEO LĨNH VỰC	158
Bài 2. MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM.....	167
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 1.....	174
Chuyên đề 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA	176
Ở VIỆT NAM.....	176
Bài 3. DI SẢN VĂN HÓA, BẢO TỒN.....	177
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	177
Bài 4. TÌM HIỂU MỘT SỐ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TIÊU BIỂU.....	184
Ở VIỆT NAM.....	184
Bài 5. MỘT SỐ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ TIÊU BIỂU	190
Ở VIỆT NAM.....	190
Bài 6. MỘT SỐ DI SẢN THIÊN NHIÊN TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM	197
Bài 7. MỘT SỐ DI SẢN PHỨC HỢP TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM.....	203
Chuyên đề 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	210
Bài 8. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	210
(TRƯỚC NĂM 1858).....	210
Bài 9. NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1945 – 1976).....	218
Bài 10. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	225
TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY.....	225
Bài 11. MỘT SỐ BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM TỪ NĂM 1946 ĐẾN NAY	231
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 3.....	240
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	242

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. – Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. – Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. – Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> – Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. – Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. – Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> – Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. – Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> – Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. – Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. – Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. – Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức và hành động theo lẽ phải. – Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.

	– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	– Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. – Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. – Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. – Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	– Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	– Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.

	<ul style="list-style-type: none"> – Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. – Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. – Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> – Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. – Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân. – Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. – Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. – Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. – Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. – Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

	<ul style="list-style-type: none"> – Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. – Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. – Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. – Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> – Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. – Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. – Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> – Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; – Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. – Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. – Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lý, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lý...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kỹ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thẩm mỹ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp THCS theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do GV chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do giáo viên dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi

sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	107
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	107
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		752	752	752
Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		21,5	21,5	21,5

Nội dung giáo dục	Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)	997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)	28,5	28,5	28,5

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của HV về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDĐT cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDĐT tổ chức thực hiện chương trình GDĐT cấp THPT.

- Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGĐK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.
- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Lịch sử giúp HV hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp THCS; đồng thời góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp HV tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để HV định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giúp HV có hiểu biết hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HV đã được học ở cấp THCS.

- Giúp HV tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng; phát triển cho HV năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội của thế giới, khu vực và Việt Nam.

- Hình thành các khả năng cần thiết trong học tập bộ môn như: Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại), làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu, biết khái quát, xâu chuỗi, tìm mối liên hệ các sự kiện lịch sử. Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. Bồi dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lý thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức thực hiện dự kiến, kiểm tra tính đúng đắn của kết quả, thông báo, trình bày về kết quả, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống và để tiếp nhận kiến thức mới...). Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức lịch sử cho HV thông qua các nguồn sử liệu khác nhau (đã có và phát hiện mới).

- Có tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, trân trọng nền văn hoá của các dân tộc trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, vì hoà bình, tiến bộ xã hội. Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân: thái độ tích cực trong việc

thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước – cộng đồng; yêu lao động; sống nhân ái, có kỉ luật, tôn trọng và làm theo luật pháp, đoàn kết dân tộc và quốc tế...

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chung chủ yếu theo các mức độ phù hợp với môn Lịch sử đó là: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp HV phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. Năng lực lịch sử gồm các thành tố: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Các biểu hiện cụ thể của năng lực lịch sử được trình bày trong bảng sau:

TT	Thành phần năng lực	Biểu hiện
1	Tìm hiểu lịch sử	<p>Thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử: phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. – Tái hiện và trình bày lịch sử: mô tả, trình bày (nói hoặc viết) diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
2	Nhận thức và tư duy lịch sử	<p>Thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lý giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. – Đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.

TT	Thành phần năng lực	Biểu hiện
3	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	Thể hiện qua khả năng kết nối quá khứ với hiện tại, vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Trên nền tảng đó, HV có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 10

1. Nội dung khái quát

Nội dung chương trình môn Lịch sử gồm 2 phần: Phần bắt buộc đối với tất cả các HV và phần lựa chọn cho HV chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp.

1.1. Nội dung bắt buộc

Mạch nội dung	Lớp 10
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
– Lịch sử và Sử học	×
– Vai trò của Sử học	×
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
– Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại	×
– Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	×
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á	
– Văn minh Đông Nam Á	×
LỊCH SỬ VIỆT NAM	
– Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	×
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	×

1.2. Chuyên đề học tập lựa chọn

a) Mục tiêu

Bên cạnh nội dung giáo dục bắt buộc, trong mỗi năm học, những HV có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

– Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

– Giúp HV hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HV có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

– Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp HV phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

b) Nội dung các chuyên đề học tập

Bên cạnh nội dung giáo dục bắt buộc, trong mỗi năm học, những HV có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

– Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp THPT.

– Giúp HV hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HV có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết các vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học suốt đời.

– Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp HV phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

Mạch nội dung	Lớp 10
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
Chuyên đề 10.1: Các lĩnh vực của Sử học	×
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ	
Chuyên đề 10.2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	×
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC	
Chuyên đề 10.3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	×

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt lớp 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	
<i>Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức</i> <i>Lịch sử</i> – Hiện thực lịch sử – Lịch sử được con người nhận thức	– Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
<i>Sử học</i> – Khái niệm sử học – Đối tượng nghiên cứu của sử học – Chức năng, nhiệm vụ	– Trình bày được khái niệm sử học. – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.
<i>Tri thức lịch sử và cuộc sống: Học tập và khám phá lịch sử suốt đời</i>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời – Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử – Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. – Biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. – Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). – Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
<p><i>Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá <p>Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. – Có ý thức tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương.
<p><i>Sử học với sự phát triển du lịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch – Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. – Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	
<p><i>Khái niệm văn minh thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh – Phân biệt văn minh với văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm văn minh. – Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa.
<p><i>Một số nền văn minh phương Đông</i></p> <p><i>Văn minh Ai Cập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Văn minh Trung Hoa</i> – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa	– Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.
<i>Văn minh Ấn Độ</i> – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa	– Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.
Một số nền văn minh phương Tây <i>Văn minh Hy Lạp – La Mã</i> – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa	– Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp – La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
<i>Văn minh thời Phục hưng</i> – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa	– Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học.
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
<i>Cách mạng công nghiệp thời cận đại</i>	– Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp
<i>Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất</i> – Những thành tựu cơ bản	– Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
<i>Cách mạng công nghiệp lần thứ hai</i> – Những thành tựu cơ bản	– Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
<i>Cách mạng công nghiệp thời hiện đại</i>	
<i>Cách mạng công nghiệp lần thứ ba</i> – Những thành tựu cơ bản	– Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
<p><i>Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về xã hội, văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.
<p><i>Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về xã hội, văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa. – Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. – Có ý thức tuân thủ những quy định của pháp luật khi tham gia các mạng xã hội trên Internet.
VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI	
<p><i>Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á</i></p> <p><i>Hành trình phát triển</i></p> <p><i>Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tôn giáo và tín ngưỡng – Văn tự và văn học – Kiến trúc và điêu khắc 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. – Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. – Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. – Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, có ý thức gìn giữ, bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
<p><i>Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam</i></p> <p><i>Văn minh Văn Lang - Âu Lạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc. – Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
<p><i>Văn minh Champa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
<p><i>Văn minh Phù Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. – Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.
<p>Văn minh Đại Việt</p> <p><i>Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh Đại Việt – Cơ sở hình thành <p>– Quá trình phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt. – Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. – Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
<p><i>Một số thành tựu của văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về chính trị – Về tư tưởng, tôn giáo – Về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. – Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. – Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
<i>Các dân tộc trên đất nước Việt Nam</i>	
Thành phần dân tộc theo dân số	– Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
Thành phần dân tộc theo ngữ hệ	– Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
<i>Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam</i>	
– Đời sống vật chất	– Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
– Đời sống tinh thần	– Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
<i>Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i>	
<i>Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i>	
– Sự hình thành khởi đại đoàn kết dân tộc	– Nêu được nét chính về sự hình thành khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
– Vai trò của khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước	– Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.
– Vai trò của khởi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	– Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khởi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
<i>Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay</i>	
– Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc	– Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. – Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học – Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hoá),... – Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. – Tổ chức các câu lạc bộ, cuộc thi “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”, các trò chơi lịch sử. 	<ul style="list-style-type: none"> – Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. – Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. – Tạo hứng thú trong học tập.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 10.1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	
<p><i>Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực</i> <i>Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể chuyện về quá khứ – Lịch sử biên niên 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.
<p><i>Thông sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm – Nội dung chính 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm thông sử. – Nêu được nội dung chính của thông sử.
<p><i>Lịch sử theo lĩnh vực</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử. – Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử dân tộc – Lịch sử thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.
<p><i>Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam</i></p> <p><i>Lịch sử văn hoá Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam – Khái lược tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam.
<p><i>Lịch sử xã hội Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử xã hội – Khái lược về xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội. – Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.
<p><i>Lịch sử kinh tế Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử kinh tế – Khái lược lịch sử kinh tế Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.
Chuyên đề 10.2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	
<i>Di sản văn hoá</i>	
<ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm di sản văn hoá – Ý nghĩa của di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm di sản văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.
<i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</i>	
<p><i>Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm bảo tồn di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá.
<p><i>Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá – Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý)</p> <p><i>Giới thiệu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Dân ca quan họ Bắc Ninh – Ca trù – Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên – Nhã nhạc cung đình Huế – Đờn ca tài tử Nam Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.
<p><i>Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trống đồng Đông Sơn – Thành Cổ Loa – Hoàng thành Thăng Long – Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) – Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh – Thành Nhà Hồ – Cố đô Huế – Tháp Chăm – ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu.
<p><i>Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đòng Vần, Non nước Cao Bằng – Vịnh Hạ Long – Vườn quốc gia Cúc Phương – Vườn quốc gia Cát Tiên – ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu.
<p><i>Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu</i></p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Khu di tích – danh thắng Tràng An (Ninh Bình) – Khu di tích – danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh) 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
Chuyên đề 10.3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
<p>Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) (Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần – Nhà nước quân chủ thời Lê sơ – Nhà nước quân chủ thời Nguyễn 	<ul style="list-style-type: none"> – Su tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.
<p>Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quốc triều hình luật – Hoàng Việt luật lệ 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.
<p>Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1976) <i>Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. – Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
<p>Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. – Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945-1976.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>và xây dựng đất nước thời kì 1945-1976.</p>	
<p><i>Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay</i> <i>Sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> – Bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> – Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế</p>	<p>– Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế</p>
<p><i>Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i> <i>Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i> – Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013 – Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam</p>	<p>– Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. – Trình bày được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.</p>
<p><i>Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam: Hiến pháp năm 1946</i> – Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946</p>	<p>– Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,...</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Ý nghĩa lịch sử	– Trình bày được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
<i>Hiến pháp của thời kì đổi mới: Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013</i> – Hiến pháp năm 1992: Hiến pháp đầu tiên của thời kì đổi mới – Hiến pháp năm 2013: Hiến pháp thứ hai của thời kì đổi mới	– Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị – pháp lí quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,... – Trình bày được điểm mới của Hiến pháp năm 2013: sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kĩ thuật lập hiến,... – Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.

3. So sánh yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX môn Lịch sử lớp 10 và Chương trình môn Lịch sử THPT

– Cách xác định YCCĐ: căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình GDPT 2018 có điều chỉnh và tinh giảm mức độ kiến thức, chủ yếu là mức độ nhận biết, thông hiểu; tăng cường bài học hướng dẫn tự học và bổ sung kiến thức thực hành, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Giảm bớt một số YCCĐ quá khó đối với HV GDTX. Một số YCCĐ giảm mức độ từ giải thích, phân tích sang trình bày hoặc nêu,...

Một số yêu cầu cần đạt khó đã được giảm không dạy ở bảng sau:

Lớp	Nội dung	Yêu cầu cần đạt đã giảm, không dạy Chương trình GDTX cấp THPT
10	Lịch sử và sử học	– Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới hiện đại	– Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội,...
	Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	
	Văn minh Phù Nam	Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	
Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay	- Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng,...

4. Định hướng nội dung Chương trình môn Lịch sử

4.1. Nội dung chương trình lớp 10

Chương trình lớp 10 mở đầu bằng chủ đề định hướng nghề nghiệp: (i) *Lịch sử và Sử học*, (ii) *Vai trò của Sử học*. Chủ đề này nhằm giúp HV nắm được đặc điểm tổng quát của khoa học lịch sử, các ngành nghề có liên quan đến lịch sử, khả năng ứng dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn cuộc sống, sự kết nối giữa Sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để HV lựa chọn định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Tiếp theo, để củng cố và mở rộng nền tảng tri thức thông sử đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản (cấp THCS), HV lớp 10 được học các chủ đề về lịch sử thế giới, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam. Về lịch sử thế giới và khu vực, nội dung chương trình lớp 10 tập trung vào chủ đề về lịch sử văn minh thế giới và khu vực Đông Nam Á, bao gồm: (i) *Những nền văn minh thế giới thời kì cổ trung đại*, (ii) *Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới hiện đại*, (iii) *Văn minh Đông Nam Á*. Những chủ đề này nhằm giúp HV bước đầu nhận thức được khái quát nét chính về những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử thế giới.

Trên cơ sở những hiểu biết nền tảng về lịch sử văn minh thế giới, học viên sẽ được học các chủ đề về lịch sử Việt Nam, bao gồm: (i) *Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)*, (ii) *Lịch sử cộng đồng các dân tộc Việt Nam*. Những chủ đề này sẽ tạo cơ sở để HV tiếp tục học các chủ đề về sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng trong lịch sử Việt Nam ở lớp 11 và 12. Đồng thời, việc tiếp cận các chủ đề này sẽ góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, ý thức trân trọng những giá trị vật chất và tinh thần của văn minh nhân loại nói chung và văn minh Việt Nam nói riêng.

Các chuyên đề ở lớp 10 bao gồm:

– Chuyên đề định hướng nghề nghiệp: *Các lĩnh vực của Sử học* góp phần giúp HV hiểu biết về các lĩnh vực chính của Sử học, làm cơ sở cho việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp của HV;

– Chuyên đề hoạt động trải nghiệm thực tế: *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam* nhằm giúp HV vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, kết nối lịch sử với thực tiễn cuộc sống. HĐTN thực tế là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực HV.

– Chuyên đề nâng cao kiến thức: *Nhà nước và Pháp luật Việt Nam trong lịch sử* nhằm giúp HV nhận thức được những nét chính quá trình phát sinh, phát triển của Nhà nước và quá trình lập hiến trong lịch sử Việt Nam.

4.2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng cho lớp 10 là 87 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Trong đó, thời lượng dành cho các chủ đề của nội dung bắt buộc là 52 tiết. Dự kiến tỉ lệ (số tiết) thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung	Số tiết
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
– Lịch sử và Sử học – Vai trò của Lịch sử	5
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
– Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại	4
– Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	6
– Văn minh Đông Nam Á	4
LỊCH SỬ VIỆT NAM	
– Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	12
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	6
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	10
ÔN TẬP, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	5
Tổng cộng	52 tiết

Thời lượng dành cho các chuyên đề học tập là 35 tiết. Dự kiến số tiết của các chuyên đề học tập như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10 (Số tiết)
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
Chuyên đề 10.1: Các lĩnh vực của Sử học	10
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ	
Chuyên đề 10.2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	15
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC	
Chuyên đề 10.3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	10
Tổng số	35

5. Định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

5.1. Định hướng về phương pháp dạy học

5.1.1. Định hướng chung

PPDH theo quan điểm phát triển năng lực chú trọng việc rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp; đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực sáng tạo, năng lực tự giải quyết vấn đề của HV, đáp ứng mục tiêu của Chương trình GDTX.

5.1.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với môn Lịch sử cấp THPT

Trong dạy học môn Lịch sử cấp THPT, GV lựa chọn những PPDH phù hợp, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, phát triển các năng lực chung và năng lực lịch sử cho HV.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, GV giúp HV từng bước hình thành và phát triển lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua các bài học lịch sử, GV truyền cảm hứng để HV yêu thích lịch sử, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Trong dạy học lịch sử, GV giúp HV hình thành và phát triển năng lực chung thông qua các nội dung học tập và hoạt động thực hành, thực tế như:

– Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin thông qua các nguồn sử liệu; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích lịch sử và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; có hứng thú tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận nhóm, chia sẻ ý kiến trong nhóm; HĐTN trên thực địa, bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa; phỏng vấn nhân chứng lịch sử...

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề trong lịch sử; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống...

c) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử: PPDH lịch sử theo định hướng tiếp cận năng lực được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử:

thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng. GV không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho HV mà chú trọng việc hướng dẫn HV nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, xây dựng và phát triển những năng lực chuyên môn của môn Lịch sử.

PPDH lịch sử theo định hướng phát triển năng lực chú trọng đến các vấn đề như: phát hiện và giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan như: hiện vật lịch sử, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, biểu đồ, sa bàn, mô hình, phim tài liệu lịch sử. HV cần được trang bị phương pháp tự học, biết cách tìm tòi, khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá, tạo cơ sở phát triển năng lực lịch sử (năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học).

Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử bao gồm các hoạt động dạy học ở trong lớp và hoạt động dạy học ngoài lớp học. Thông qua việc kết hợp các hình thức đa dạng như thảo luận theo nhóm, làm việc nhóm đôi, làm việc cá nhân... GV giúp HV trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống. Trong đó, hoạt động thảo luận đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vai trò tích cực, chủ động và sự hợp tác của HV. Thông qua thảo luận, ngoài việc giúp đánh giá được kiến thức, năng lực, phương pháp làm việc của HV, còn giúp hiểu được thái độ của HV. Để phương pháp thảo luận tiến hành có kết quả tốt, cần lưu ý lựa chọn những nội dung học tập tạo cơ hội thuận lợi cho thảo luận, có liên hệ với các vấn đề thực tiễn, mà HV đã có một số vốn tri thức nhất định, hoặc liên quan đến những bài học ở trước. Việc khám phá, tìm tòi, khai thác kiến thức từ các nguồn sử liệu khác nhau sẽ thu hút ý kiến của nhiều HV khác nhau.

Mở rộng không gian dạy học, không chỉ trong lớp học mà còn ở ngoài lớp học, trên thực địa (di tích lịch sử và văn hoá), bảo tàng, khu triển lãm,...; tổ chức cho HV đi tham quan, dã ngoại, kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với HĐTN trên thực tế. Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp của Sử học là chìa khoá thành công của QTDH Lịch sử.

Giáo dục lịch sử là một hoạt động mang tính xã hội cao. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục lịch sử, cần chú trọng đến sự kết hợp giữa giáo dục lịch sử trong nhà trường với gia đình và xã hội. Sự phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội) là nền tảng quan trọng để hình thành năng lực chuyên môn Lịch sử. Trong đó, nhà trường xây dựng và phát triển kiến thức, kỹ năng cho HV; gia đình và xã hội tạo điều kiện để HV vận

dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử vào những tình huống thực tiễn của cuộc sống. GV là người chủ động thiết lập và duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục lịch sử thông qua các mô hình phối hợp như: tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục chủ quyền biển đảo cho HV có sự tham gia của phụ huynh HV và các tổ chức xã hội. Để thực hiện mục tiêu giáo dục của Chương trình môn Lịch sử, cần coi trọng và phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội ở những mức độ và hình thức khác nhau.

Đối với việc ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử, Chương trình nhấn mạnh việc khuyến khích HV tự tìm đọc, thu thập tư liệu lịch sử trên mạng Internet theo hướng dẫn của GV, tra cứu tư liệu lịch sử trong thư viện để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm, có khả năng trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu; xây dựng kỹ năng sử dụng các phương tiện CNTT để hỗ trợ cho việc tái hiện, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.

5.2. Định hướng về kiểm tra, đánh giá

1. Mục đích đánh giá kết quả giáo dục môn Lịch sử là xác định mức độ đáp ứng của HV đối với YCCĐ về kiến thức và năng lực lịch sử ở chủ đề, chuyên đề, từng lớp học, từ đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy nhằm đạt được mục tiêu.

Cùng với việc đổi mới phương pháp giáo dục lịch sử theo hướng phát triển năng lực, việc KT, ĐG kết quả học tập được chuyển đổi theo hướng chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức lịch sử trong những tình huống ứng dụng, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trung tâm của việc đánh giá. Mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là đối chiếu, so sánh năng lực HV đạt được với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức và năng lực môn học Lịch sử ở từng chủ đề, từng cấp học, để từ đó có những biện pháp cải thiện kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học để đạt được mục tiêu giáo dục.

Đánh giá kết quả học tập của HV trong môn Lịch sử là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi HV theo YCCĐ của môn học đã đề ra. Trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp để đánh thức tiềm năng và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập của HV. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của QTDH lịch sử, có vai trò thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại HV, đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của HV. Trong đó, mục đích bao trùm của đánh giá là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập lịch sử của HV.

2. Nội dung đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học trong những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm. Công tác KT, ĐG đối với môn Lịch sử cần tuân thủ các nguyên tắc: phối hợp giữa ĐGTX và ĐGĐK, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HV. Thông qua kết quả KT, ĐG, GV có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân

hóa về trình độ học lực của HV trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ HV chưa đạt chuẩn về kiến thức, năng lực, phát hiện và bồi dưỡng HV giỏi, có năng khiếu về Lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục Lịch sử. Để đánh giá năng lực, GV cần lưu ý đến việc kiểm tra các mức độ đạt được của HV đối với việc xây dựng và phát triển năng lực lịch sử (năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn).

Việc đánh giá kết quả học tập của HV trong môn Lịch sử cần phải đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá trong suốt cả quá trình học tập (đánh giá quá trình) và đánh giá vào cuối kỳ, cuối năm học (đánh giá tổng kết); kết hợp đánh giá của GV đối với HV và việc HV đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá; đánh giá định lượng và định tính; đánh giá trong hoạt động trên lớp và ngoài lớp, ngoài thực địa,...

Đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Lịch sử tập trung chủ yếu vào hai phương diện: việc nhận biết, thông hiểu các kiến thức cơ bản của HV và mức độ hình thành, phát triển năng lực lịch sử trong quá trình học tập; đặc biệt cần tập trung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức lịch sử, năng lực để giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. Đánh giá theo định hướng năng lực chủ yếu là xem xét, đánh giá HV đã vận dụng các kiến thức đã học trong thực tế như thế nào, xác định mức độ năng lực của cá nhân người học so với mục tiêu đề ra của môn học. Đánh giá theo năng lực lịch sử cần thông qua những tình huống, vấn đề có giá trị ứng dụng thực tiễn, sát với thực tiễn, HV hoàn thành được những bài tập đòi hỏi vận dụng kiến thức một cách cụ thể.

Đề thi/kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực coi trọng các câu hỏi yêu cầu sử dụng kiến thức, năng lực và hiểu biết xã hội để trả lời, lí giải các vấn đề xảy ra trong thực tiễn, nhất là những vấn đề có tính thời sự, tạo cơ sở để HV được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam.

3. Về hình thức đánh giá, cần kết hợp giữa ĐGTX và ĐGĐK, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HV; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập thực hành, dự án nghiên cứu; kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV cần căn cứ vào YCCĐ đã quy định, đánh giá phẩm chất và năng lực HV, đánh giá vì sự phát triển của HV.

Về cách thức KT, ĐG: cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp KTĐG khác nhau đối với môn Lịch sử như: kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành; kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng TNKQ và tự luận (đặc biệt đối với cấp THPT) nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá.

Trong quá trình KT, ĐG, có thể sử dụng các câu hỏi, bài tập ở những mức độ khác nhau như: nhận biết (ghi nhớ, tái hiện quá khứ lịch sử trong các tình huống không thay đổi nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản); thông hiểu (có khả năng tóm tắt, giải thích,

lý giải các sự kiện, quá trình, nhân vật lịch sử...); vận dụng (so sánh, phân tích, tổng hợp các sự kiện, nhân vật lịch sử); vận dụng cao (đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào những tình huống thay đổi, kết nối lịch sử với hiện tại), tạo cơ hội phát triển năng lực tự chủ, sáng tạo của HV.

4. ĐGTX linh hoạt: có thể vào đầu tiết học để dẫn dắt vào nội dung mới hoặc sử dụng kết quả tham gia thảo luận, đóng góp vào bài của HV trong quá trình học tập, các sản phẩm học tập của HV, thái độ hành vi trong việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ học tập. Phát triển dần các hình thức kiểm tra khác như trắc nghiệm, tự luận, thực hành,... để nâng cao trình độ nhận thức của HV. Khuyến khích sử dụng kết quả làm việc của HV với các phiếu học tập, bảng kiểm,... Chú trọng đánh giá các kết quả học tập ngoại khoá của HV như: sưu tầm, trưng bày tư liệu lịch sử theo chủ đề, viết báo cáo chuyên đề, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử,...

5. ĐGDK thực hiện theo quy định. Các tiêu chí đánh giá (đáp án và thang điểm) cần được chuẩn bị cụ thể, rõ ràng.

6. Thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới PPDH môn Lịch sử theo hướng phát triển năng lực.

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Các Trung tâm GDTX cần được trang bị các thiết bị dạy học tối thiểu như: hệ thống bản đồ (bản đồ thế giới, bản đồ các châu lục, bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam); tranh ảnh lịch sử, sa bàn, sơ đồ, biểu đồ với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật như máy tính, máy chiếu, tivi, video, các loại băng đĩa,...

Lịch sử là môn học có hệ thống kiến thức thuộc về quá khứ, HV không thể trực tiếp quan sát. CNTT sẽ hỗ trợ việc tái hiện lịch sử thông qua các phim tài liệu, nguồn sử liệu, hình ảnh, video,... GV cần khai thác, sử dụng các chức năng cơ bản của Internet và các phần mềm tin học để đưa vào bài giảng các hình ảnh, âm thanh, tư liệu lịch sử,... góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, truyền cảm hứng để HV yêu thích môn Lịch sử.

Khuyến khích GV và HV chủ động, tích cực tự làm các thiết bị dạy học của môn Lịch sử như: bản đồ, lược đồ, sa bàn; sưu tầm tranh ảnh về các nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, những nội dung có liên quan đến bài học lịch sử.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC LỚP 10 MÔN LỊCH SỬ

Chủ đề 1. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 5 tiết

Chủ đề gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức*; 2) *Tri thức lịch sử và cuộc sống*. GV có thể chủ động chia thành 3 bài học. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được khái niệm lịch sử.
- Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
- Trình bày được khái niệm sử học.
- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học.
- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được các khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của lịch sử và sử học.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Sử dụng tư liệu phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức;

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử; vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản); quan tâm, yêu thích và tham gia tìm hiểu lịch sử, văn hóa các dân tộc Việt Nam và thế giới.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vấn đề liên quan đến lịch sử và sử học (khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học), hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của việc học tập lịch sử và vai trò của sử học đối với sự phát triển của đất nước.

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; tôn trọng các ngành nghề hiện đại khác nhau; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại nói chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác) phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Đọc và tìm hiểu trước các vấn đề có liên quan đến bài học hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

- Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của sử học

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Trình bày và phân biệt được khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

- Không đi sâu phân tích các quan điểm khác nhau về lịch sử, chỉ yêu cầu trình bày cụ thể khái niệm lịch sử là gì? Phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

2. Trình bày được đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của sử học

- Không đi sâu phân tích các quan điểm khác nhau về sử học, chỉ yêu cầu trình bày khái niệm sử học là gì? Xác định đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái niệm sử học, xác định đúng đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị hình ảnh, video tư liệu, thiết bị tổ chức trò chơi,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể tổ chức cho HV sử dụng hình ảnh về một sự kiện lịch sử và dùng các câu hỏi để nhận biết về sự kiện lịch sử đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV nêu nhận thức, đoán các sự kiện lịch sử.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới: Sự kiện lịch sử đã diễn ra, đó là hiện thực lịch sử. Nhưng nhận thức về hiện thực lịch sử này thì khác nhau. Vậy, *hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức là gì, làm cách nào để phân biệt được nó?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc GV tự sưu tầm hình ảnh, video,... để HV tìm hiểu khái niệm lịch sử và hiện thực lịch sử, lịch sử được con người nhận thức, nhấn mạnh mỗi khái niệm được hiểu theo nghĩa khác nhau nhưng có mối quan hệ với nhau: không có lịch sử (hiện thực lịch sử) thì không có lịch sử được con người nhận thức.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị/xem video,... về một hoặc các sự kiện lịch sử và gọi mở câu hỏi:

1) *Lịch sử là gì? Hiện thực lịch sử là gì? Lịch sử được nhận thức như thế nào?*

2) *Phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.*

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.*

+ *Lịch sử loài người là toàn bộ hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.*

+ *Hiện thực lịch sử là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ.*

+ *Lịch sử được con người nhận thức là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử.*

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu khái niệm sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm sử học; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để HV tìm hiểu khái niệm sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học. Nhấn mạnh: mỗi khái niệm được hiểu theo nghĩa khác nhau, có mối quan hệ với nhau: không có lịch sử (hiện thực lịch sử) thì không có lịch sử được con người nhận thức, sẽ không có sử học (khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người). Sử học là một khoa học, có đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu riêng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ/xem video... về một hoặc các sự kiện lịch sử và trao đổi câu hỏi: *Sử học là gì? Sử học có đối tượng, chức năng và thực hiện nhiệm vụ nào?*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ/xem video... và trao đổi câu hỏi.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Sử học là khoa học nghiên cứu về lịch sử (nghiên cứu quá khứ loài người, về các sự kiện, hiện tượng đã diễn ra trong xã hội loài người và phát hiện ra các qui luật phát sinh, phát triển của nó).*

+ *Đối tượng nghiên cứu của sử học rất đa dạng, phong phú, toàn diện: gồm toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ, trên mọi lĩnh vực.*

+ *Chức năng của sử học:*

▪ *Khôi phục hiện thực lịch sử chính xác, khách quan (chức năng khoa học).*

▪ *Phục vụ cuộc sống của con người hiện tại thông qua bài học kinh nghiệm được đúc kết từ quá khứ (chức năng xã hội) nhằm giáo dục nhân cách cho HV.*

+ *Nhiệm vụ của sử học:*

▪ *Nhận thức: cung cấp những tri thức khoa học về lịch sử (tri thức đã được khoa học lịch sử thừa nhận, giúp con người hiểu đúng về quá khứ).*

▪ *Giáo dục: nêu gương (góp phần truyền bá những giá trị và truyền thống tốt đẹp tiến bộ và nhân văn trong lịch sử cho thế hệ sau).*

▪ *Dự báo: Thông qua việc tổng kết thực tiễn rút ra bài học kinh nghiệm, ... góp phần dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến bài học hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học. Với hai đơn vị kiến thức của bài, GV có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong SGK

hoặc có thể tự chuẩn bị, sử dụng nhiều cách khác nhau (Phiếu học tập/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận...) để tổ chức hoạt động luyện tập theo nhóm/cá nhân HV.

Ví dụ: Hoàn thành Phiếu học tập sau:

The image shows a worksheet titled "PHIẾU HỌC TẬP" (Worksheet) on a light pink background. At the top, there are three fields for personal information: "Họ tên" (Name), "Lớp" (Class), and "Ngày/tháng/năm" (Date/month/year), each with a horizontal line for writing. Below these fields are three decorative plus signs. The main body of the worksheet contains three colored boxes for student responses: a large white box with a black border labeled "3 điều em học được" (3 things I learned), a blue box labeled "2 điều em thấy thú vị" (2 things I found interesting), and a pink box labeled "1 điều em muốn chia sẻ" (1 thing I want to share). Each box has several horizontal lines for writing. The bottom of the worksheet is decorated with a red heart, a yellow sun, and various colorful flowers.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về bài học hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Có thể sử dụng bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Sưu tầm tư liệu, hình ảnh liên quan đến sự kiện Vịnh Bắc Bộ (5.8.1964) và cho biết hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức phản ánh qua tư liệu, hình ảnh đó như thế nào?*

- Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu khái niệm sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được khái niệm sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nhận thức lịch sử	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Ktr giữa kì 1/cuối kì 1)

Bài 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.
- Biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.
- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).
- Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.

Bên cạnh việc đảm bảo các yêu cầu cần đạt nêu trên, khi xây dựng kế hoạch bài học, GV cần chú ý xác định mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HV.

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: Biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử; vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới và trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản); quan tâm, yêu thích và tham gia tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vấn đề liên quan đến sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời...), hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử suốt đời; biết giải thích vấn đề thời sự trong nước và thế giới, vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản); quan tâm, yêu thích và tham gia tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của tri thức lịch sử với cuộc sống và giá trị của việc học tập lịch sử suốt đời.

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; tôn trọng các ngành nghề hiện đại khác nhau; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại nói chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm thông tin, tư liệu có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.
- Thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức.
- Kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời

- Không đi sâu vào phân tích ý nghĩa của việc học tập lịch sử nói chung, chỉ tập trung trình bày sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.
- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

2. Thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức

- Không tìm hiểu việc khai thác thông tin sử liệu nói chung, chỉ tập trung trình bày việc hướng dẫn HV biết tự học: biết thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức.
- Mức độ cần làm rõ: Thu thập, xử lí được thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức.

3. Kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn

- Tập trung trình bày sự cần thiết của việc biết vận dụng tri thức lịch sử để kết nối kiến thức trong bài học lịch sử vào thực tiễn.
- Mức độ cần làm rõ: Vận dụng được tri thức lịch sử: kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng vào thực tiễn.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về vai trò, ý nghĩa của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh, theo gợi ý từ SGK hoặc do GV tự chuẩn bị: trò chơi, video...) để HV nhận thức được một sự kiện, hiện tượng của tri thức lịch sử.

- HV: quan sát hình ảnh thực hiện nghi thức tế lễ tại đền thờ Lạc Long Quân (Đền Hùng - Phú Thọ); Nghi lễ thờ cúng tổ tiên và trả lời câu hỏi:

1) *Việc thực hành nghi lễ có ý nghĩa gì?*

2) *Theo em, có nên thực hành nghi lễ này không? Tại sao?.*

- HV đọc thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh và nêu ý nghĩa của sự kiện.

- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các sự kiện, hiện tượng... đều là những tri thức lịch sử thể hiện một nét đặc sắc, một giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. *Vậy tri thức lịch sử là gì? Có cần thiết phải học tập và khám phá tri thức lịch sử không?* Để khám phá, học tập lịch sử suốt đời thì việc thu thập, xử lí thông tin và sử liệu được thực hiện như thế nào?

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu sự cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời

1. Mục tiêu: Giải thích được sự cần thiết của việc học tập lịch sử và cách khám phá, học tập lịch sử.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị để tổ chức hoạt động nhận thức cá nhân/nhóm cho HV giải thích được sự cần thiết của việc học tập lịch sử và cách khám phá, học tập lịch sử.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: đọc thông tin tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh về một hoặc các sự kiện lịch sử và lí giải: *Tại sao phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời?*

- HV thực hiện nhiệm vụ: đọc thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh và lí giải vấn đề.

- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng cần phải có một quá trình lâu dài để tìm hiểu, học tập và khám phá lịch sử suốt đời:

+ *Tri thức lịch sử là những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến lịch sử, giúp con người đúc kết, vận dụng bài học kinh nghiệm trong cuộc sống.*

+ *Việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời là rất cần thiết và phải trải qua một thời gian lâu dài vì tri thức lịch sử rất rộng lớn, đa dạng và phong phú.*

Hoạt động 2.2. Hướng dẫn cách thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử

1. Mục tiêu: Xác định được cách thức thu thập, xử lí được thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức lịch sử

2. Cách tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động: làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi: đọc thông tin trong SGK/quan sát tranh ảnh/sơ đồ... để xác định cách thức thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc nhóm đôi thảo luận: *Trình bày quy trình thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức lịch sử.*

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/sơ đồ, thảo luận.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Kiến thức lịch sử giúp con người có hiểu biết rộng và sâu nhiều vấn đề.*

+ *Việc thu thập, xử lý thông tin sử liệu để làm giàu tri thức cần thực hiện theo quy trình:*

1) Lập danh mục, thư mục nguồn sử liệu cần thu thập; 2) Sưu tầm, đọc và ghi chép thông tin liên quan đến vấn đề cần tìm hiểu; 3) Chọn lọc, phân loại sử liệu để nhận xét, đánh giá; 4) Xác minh, đánh giá nguồn sử liệu phục vụ việc học tập.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu việc kết nối kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống

1. Mục tiêu: Kết nối, vận dụng được kiến thức bài học lịch sử với cuộc sống.

2. Cách tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc cá nhân/toàn lớp: đọc thông tin trong SGK/quan sát tranh ảnh,... để giải quyết vấn đề kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn..

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh kết hợp trao đổi toàn lớp: *Vì sao phải kết nối kiến thức lịch sử với cuộc sống? Kiến thức lịch sử và bài học lịch sử có mối quan hệ như thế nào với cuộc sống hiện tại?.*

- HV làm việc cá nhân kết hợp trao đổi toàn lớp để trao đổi vấn đề.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến trao đổi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Kiến thức lịch sử rộng và sâu, giúp con người có hiểu biết về nhiều lĩnh vực liên quan đến cuộc sống, cần kết nối kiến thức bài học để lí giải vấn đề của thực tiễn cuộc sống.*

+ *Quá khứ lịch sử là di sản mà nhân loại để lại, nhưng lịch sử đã diễn ra, việc tìm hiểu khám phá không dễ dàng, vì vậy để lịch sử trở nên gần gũi cần kết nối kiến thức bài học lịch sử với cuộc sống.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

2. Cách tổ chức hoạt động: Với ba đơn vị kiến thức của bài học, GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời, việc thu thập, xử lý thông tin và sử liệu để học tập, khám phá, làm giàu tri thức và sự kết nối kiến thức bài học lịch sử để vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn qua thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Lập bảng tóm tắt vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với mỗi cá nhân và xã hội.*

- HV làm việc cá nhân kết hợp trao đổi toàn lớp để trao đổi vấn đề.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến trao đổi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được điều đã học về tri thức lịch sử và cuộc sống.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Hãy lấy một ví dụ về việc bản thân đã vận dụng tri thức lịch sử vào học tập và cuộc sống. Chia sẻ bài học học này cùng các bạn trong lớp.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu sự cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Giải thích sự cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Hướng dẫn cách thu thập, xử lí thông tin và sử dụng để làm giàu tri thức lịch sử	Hình thành NL vận dụng thực hành kiến thức, kĩ năng; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Hướng dẫn HV cách thu thập, xử lí thông tin và sử dụng để làm giàu tri thức lịch sử	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Kết nối kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống	Hình thành NL vận dụng thực hành kiến thức, kĩ năng; NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Hướng dẫn HV kết nối kiến thức, bài học lịch sử với cuộc sống	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.

Luyện tập	thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu tri thức lịch sử với cuộc sống.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: - Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nhận thức lịch sử	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận/Bài tập

Bài 3. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.

- Có ý thức tham gia bảo vệ di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương.
- Trình bày được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.
- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản; vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch và tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống:* Thông qua tìm hiểu vai trò của sử học có ý thức tham gia bảo vệ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương; quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến vai trò của sử học, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử; có ý thức tham gia bảo vệ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng vai trò của sử học đối với sự phát triển đất nước.
- *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; tôn trọng các ngành nghề hiện đại khác nhau; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại nói chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Mối quan hệ của sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

- Sử học với sự phát triển du lịch.*

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Sử học với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

- Không tìm hiểu công tác bảo tồn nói chung. Chỉ tập trung nêu mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên; đồng thời nêu vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Mức độ cần làm rõ: Xác định được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên; vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

2. Sử học với sự phát triển du lịch

- Không tìm hiểu vai trò của lịch sử nói chung, chỉ tập trung lí giải vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch và tác động trở lại của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch và tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về vai trò của sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên với sự phát triển du lịch.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị (sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh, trò chơi, xem video: <https://www.youtube.com/watch?v=pгнаftPio9E>) để HV nhận thức được giá trị của một di sản văn hóa, di sản thiên nhiên đối với sự phát triển của du lịch.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu HV đọc thông tin tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh Danh thắng Tràng An – Ninh Bình và trả lời câu hỏi: 1) *Danh thắng này có giá trị gì đối với sự phát triển của đất nước?* 2) *Có cần bảo tồn và phát huy giá trị của danh thắng này không? Tại sao?*

- HV thực hiện nhiệm vụ: đọc thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh và nêu giá trị của di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên... đều là những giá trị vô giá của dân tộc và nhân loại. Những di sản văn hóa và di sản thiên nhiên này có mối quan hệ với sử học như thế nào? Nó có vai trò gì? Vì sao cần bảo tồn và phát huy giá trị của nó?

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

1. Mục tiêu: Phân tích được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động đạt mục tiêu. Có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/xem video ... về một di sản văn hóa/di sản thiên nhiên.

- GV yêu cầu HV xem video giới thiệu Vịnh Hạ Long:

<https://www.youtube.com/watch?v=pгнаftPio9E>

làm việc cá nhân: *Phân tích mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và đề xuất biện pháp bảo tồn di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.*

- HV thực hiện nhiệm vụ xem video và trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: nhận xét, phân tích ví dụ (*khu Hoàng thành Thăng Long*): 1) Khu di tích Hoàng thành Thăng Long là nguồn sử liệu quan trọng cho ta biết về đời sống sinh hoạt, kiến trúc, vị thế chính trị,... dưới thời Lí - Trần - Lê Sơ. Đồng thời công tác bảo tồn, gìn giữ di tích giúp cho các nhà Sử học có một nguồn tài liệu vô cùng quý giá để nghiên cứu. 2) Thông qua Sử học, ta có thể biết về thời gian xây dựng, tồn tại, tu sửa, vị trí của khu Hoàng Thành Thăng Long xưa. Đồng thời, đánh giá chính xác về giá trị của Hoàng Thành Thăng Long để bảo tồn, phát triển tốt nhất:

+ *Mối quan hệ giữa sử học và công tác bảo tồn di sản văn hóa: Các loại hình di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể, hỗn hợp,...) đóng vai trò là nguồn sử liệu quan trọng đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử. Di sản văn hóa là một bộ phận của lịch sử được lưu giữ trong quá khứ, còn được bảo tồn đến ngày nay và có giá trị trên nhiều mặt: lịch sử, văn hóa, kiến trúc, kinh tế, phát triển du lịch,....*

+ *Giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên có mối quan hệ hai chiều:*

- Sử học nghiên cứu về lịch sử hình thành, phát triển của di sản văn hóa, di sản thiên nhiên; xác định vị trí, vai trò ý nghĩa của di sản với cộng đồng.

- Sử học cung cấp những thông tin có giá trị và tin cậy liên quan đến di sản văn hóa, di sản thiên nhiên để phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản.

- Sử học xác định giá trị của các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cần bảo tồn, đề xuất những hình thức, phương pháp bảo tồn bền vững, hiệu quả.

+ Công tác bảo tồn giúp giữ gìn được những giá trị lịch sử của di sản cho cộng đồng và nhân loại.

+ Một số biện pháp bảo tồn di sản văn hoá, di sản thiên nhiên:

- Bổ sung và sửa đổi Luật Di sản văn hóa; bổ sung các điều, khoản về vai trò của cộng đồng đối với bảo tồn di sản; vai trò và quyền lợi của cộng đồng trong giữ gìn và phát huy giá trị di sản.

- Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với di sản.

- Di tích có giá trị, nhưng không có điều kiện bảo tồn tại chỗ, trong khi yêu cầu xây dựng công trình phát triển kinh tế - xã hội thấy cần được ưu tiên.

- Tổ chức hoạt động du lịch, lễ hội gắn với các di tích lịch sử cách mạng.

- Tuyên truyền, giáo dục truyền thống công tác giữ gìn, bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

Như vậy, sử học có vai trò to lớn trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. Các di sản này được bảo tồn và phát huy sẽ giúp cho sử học khai thác được giá trị của di sản và đưa giá trị đó đến với nhân dân.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vai trò của sử học với sự phát triển du lịch

1. Mục tiêu: Giải thích được vai trò của sử học với sự phát triển du lịch và tác động của du lịch đối với việc bảo tồn di sản, văn hóa, di sản thiên nhiên.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh trong SGK/ làm Phiếu học tập hoặc GV/HV tự chuẩn bị

- GV yêu cầu HV quan sát 1 hình ảnh thành phố du lịch thế giới, 1 thành phố du lịch ở Việt Nam và trao đổi câu hỏi:

1. Sức hấp dẫn của những địa danh này đối với việc phát triển du lịch là gì? (yếu tố lịch sử, giá trị văn hóa, truyền thống, cảnh quan,...)

2. Muốn quảng bá và phát triển du lịch, đưa văn hóa tới cộng đồng thì cần phải làm như thế nào? (cần thiết phải lồng ghép những tri thức lịch sử).

HV hoàn thành Phiếu học tập: *Trình bày vai trò của sử học với sự phát triển du lịch và tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di sản, văn hóa, di sản thiên nhiên.*

Nêu vai trò của lịch sử đối với sự phát triển du lịch	Tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử
.....
.....
.....

- HV thực hiện nhiệm vụ được giao.

- HV báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1) *Những quốc gia có thu nhập cao từ ngành Du lịch như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, I-ta-li-a, Pháp,...đều rất khéo léo đưa tri thức lịch sử lồng ghép gắn với các địa danh mà du khách đến tham quan, trải nghiệm.*

2) *Ở Việt Nam, nhiều tỉnh, thành như: Quảng Ninh, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế, Hà Nội, Quảng Bình, Kiên Giang, Lào Cai,...có tổng thu cao từ du lịch là nhờ có sức hấp dẫn của các địa danh, biết khai thác những tri thức lịch sử và giá trị của di sản văn hóa, di sản thiên nhiên để quảng bá, phát triển du lịch bền vững:*

Nêu vai trò của lịch sử đối với sự phát triển du lịch	Tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử
<p>- Là nguồn di sản, tài nguyên quý giá để phát triển ngành Du lịch, đem lại những nguồn lực lớn.</p> <p>- Cung cấp tri thức lịch sử văn hóa để hỗ trợ quảng bá, thúc đẩy du lịch phát triển bền vững.</p> <p>- Cung cấp bài học kinh nghiệm, hình thành ý tưởng để lên kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch.</p>	<p>- Mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa.</p> <p>- Cung cấp thông tin của ngành để Sử học nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững.</p> <p>- Quảng bá lịch sử, văn hóa cộng đồng ra bên ngoài; kết nối và nâng cao vị thế các ngành du lịch, lịch sử.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và sử học với sự phát triển du lịch.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học qua bài học để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập. Ví dụ:

Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Giả sử một công trình di sản văn hóa ở địa phương em bị xuống cấp nghiêm trọng, cần được bảo tồn. Có hai quan điểm: 1) Xây dựng công trình tương tự với kiến trúc, quy mô và hiện đại hơn trên nền di tích cũ. 2) Bảo tồn nguyên trạng di tích. Nếu được giao nhiệm vụ tư vấn để bảo tồn di tích đó, em đồng ý với ý kiến nào? Tại sao?

+ Giả sử Câu lạc bộ Sử học trung tâm em tổ chức hội thảo với chủ đề du lịch di sản là: “Di sản - lợi ích về kinh tế hay văn hóa lịch sử? Lợi ích lâu dài hay trước mắt?”. Dựa vào những kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy viết 1 bài khoảng 200 từ thể hiện quan điểm của em về vấn đề được nêu.

- HV vận dụng thực tế, liên hệ bản thân, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học theo tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH		
Nội dung	Tiêu chí	Điểm (10đ)
Cách thức trình bày (2 điểm)	- Trình bày lưu loát, không đọc, không phụ thuộc vào tài liệu	
	- Tự tin, có sử dụng cử chỉ, có kết nối, giao tiếp với người nghe	
	- Tốc độ nói vừa phải, diễn đạt dễ hiểu, có điểm nhấn, thu hút	
	- Thái độ thuyết trình nghiêm túc	
	- Không vi phạm thời gian tối thiểu/tối đa	
Nội dung (5 điểm)	- Cấu trúc hợp lý, bố cục rõ ràng	
	- Đảm bảo đầy đủ kiến thức cơ bản về nhiệm vụ được giao	
	- Thông tin chính xác, khoa học, ghi nguồn đầy đủ	
	- Mở rộng kiến thức, dẫn chứng, ví dụ thực tế	
	- Cập nhật các vấn đề mới liên quan đến nhiệm vụ được giao	
Trả lời câu hỏi (3 điểm)	- Trả lời đúng trọng tâm các câu hỏi do nhóm khác/GV đặt ra	
	- Thuyết phục được người đặt câu hỏi	
Tổng điểm thuyết trình (10đ):		

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về vấn đề sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và sử học với sự phát triển du lịch.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

- GV yêu cầu HV: *Kể tên 5 di sản văn hóa của Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới. Hãy giới thiệu về các giá trị lịch sử, văn hóa liên quan đến những di sản đó.*
- HV làm việc tại nhà, gửi sản phẩm cho GV trước tiết học sau.

- GV nhận xét, đánh giá:

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên	Hình thành NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Phân tích được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu vai trò của sử học đối với sự phát triển du lịch	Hình thành NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Giải thích được vai trò của sử học với sự phát triển du lịch và tác động của du lịch đối với việc bảo tồn di sản, văn hóa, di sản thiên nhiên.	Quan sát	Bản ghi chép
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nhận thức lịch sử	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 1

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 1. *Định hướng nghề nghiệp* gồm hai đơn vị kiến thức: 1) *Lịch sử và sử học*; 2) *Vai trò của sử học*, được dạy trong 5 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và trung tâm GDTX.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo Công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: Chủ đề 1. *Định hướng nghề nghiệp* – một chủ đề đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với học sinh nói chung, HV Trung tâm GDTX nói riêng, cung cấp cho người học nhận thức đúng đắn về khoa học lịch sử, từ đó lựa chọn định hướng học tập. Tuy nhiên, đây là chủ đề khó. GV có thể tổ chức bài Thực hành lịch sử dưới hình thức *Ôn tập kiến thức của chủ đề* bằng việc tổ chức cho HV làm bài tập lịch sử (bài tập trắc nghiệm khách quan và tự luận). Hoặc có thể tổ chức bài Thực hành lịch sử dưới hình thức *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Tìm hiểu vai trò của sử học đối với sự phát triển của du lịch văn hóa*.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Chủ đề 2: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

Thời gian thực hiện: 4 tiết

Chủ đề này gồm 3 đơn vị kiến thức: 1) *Khái niệm văn minh*. 2) *Một số nền văn minh phương Đông cổ trung đại* và *Một số nền văn minh phương Tây cổ trung đại*, được dạy trong 4 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 hoặc 3 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 4. KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được khái niệm văn minh.
- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa.
- Biết cách sử dụng tư liệu để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Thông qua khai thác, sử dụng tư liệu trực quan và tư liệu viết để trình bày được khái niệm văn minh; phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa và nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập; của văn minh Trung Hoa; ý nghĩa của văn minh Ấn Độ thời cổ trung đại.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu nêu được ý nghĩa của văn minh Ai Cập; văn minh Trung Hoa; văn minh Ấn Độ thời cổ trung đại.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học* để lựa chọn giới thiệu được một thành tựu tiêu biểu của mỗi nền văn minh: Ai Cập; Trung Hoa; Ấn Độ thời cổ trung đại.
- *Tự học và tự chủ*: Thông qua tự khai thác tư liệu để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong bài học.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua trao đổi, thảo luận vấn đề đặt ra trong bài học, đặc biệt là vấn đề gắn với thực tiễn.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn giá trị của các văn hoá phương Đông thời cổ trung đại.

- Nhân ái: tôn trọng, ghi nhận, gìn giữ và phát huy những giá trị của các văn hoá phương Đông thời cổ trung đại để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- *Khái niệm văn minh*

- *Thành tựu của một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại*

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái niệm văn minh

- Không đi sâu vào tìm hiểu các khái niệm văn minh. Chỉ tập trung thống nhất sử dụng khái niệm chung về văn minh và phân biệt được giữa văn hóa với văn minh.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái niệm văn minh; phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa.

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

- Không tìm hiểu tất cả các thành tựu của một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại. Chỉ đi sâu nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc; của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo; của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc; của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo; của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo và ý nghĩa của những thành tựu văn minh này.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về văn minh thông qua thành

tự của một số nền văn minh tiêu biểu.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được một nền văn minh.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV yêu cầu HV đọc thông tin tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh về một số thành tựu của các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại để: *Kể tên và nêu hiểu biết về những thành tựu văn minh này.*

- HV đọc thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời đáp án.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Đây là thành tựu của một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại. Vậy, *thế nào là văn minh? Ngoài những thành tựu này thì văn minh Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ còn có những thành tựu nào?.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm văn minh

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm văn minh và phân biệt được sự khác nhau giữa văn hóa và văn minh.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được khái niệm văn minh.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh một số thành tựu văn hóa và thành tựu văn minh đặt câu hỏi: *Thế nào là văn minh, thế nào là văn hóa? Phân biệt khái niệm văn minh và văn hóa.*

- HV thực hiện nhiệm vụ: và trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo, trình bày khái niệm văn minh, văn hóa, phân biệt điểm giống và khác nhau giữa văn minh và văn hóa.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Văn minh là những thành tựu cùng trạng thái tiến bộ cả về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, là sự phát triển cao của nền văn hóa.*

+ *Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.*

+ *Phân biệt sự khác nhau giữa văn minh và văn hóa :*

	Văn hóa	Văn minh
Giống nhau	<i>Đều là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử</i>	
	<i>Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra</i>	<i>Những thành tựu cùng trạng thái tiến bộ về vật chất và tinh thần mà con</i>

Khác nhau	<i>từ khi con người xuất hiện cho đến nay (từ thời xã hội nguyên thủy)</i>	<i>người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội (từ khi xã hội có giai cấp và nhà nước)</i>
-----------	----------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập; văn minh Trung Hoa; văn minh Ấn Độ.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị,... để HV nhận thức được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập; văn minh Trung Hoa; văn minh Ấn Độ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/xem video,... về một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập; văn minh Trung Hoa; văn minh Ấn Độ.

+ *Nhóm 1. Tìm hiểu và giới thiệu thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.*

+ *Nhóm 2. Tìm hiểu và giới thiệu thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.*

+ *Nhóm 3. Tìm hiểu và giới thiệu thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.*

Yêu cầu sản phẩm: tập san, sơ đồ tư duy, bài thuyết trình, infographic.

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

a. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập:

- *Chữ viết: Chữ tượng hình. Chữ viết tượng hình chưa đủ để ghi mọi khái niệm của cuộc sống nên dần dần xuất hiện những hình vẽ biểu hiện âm tiết. Lâu dần, những chữ chỉ âm tiết trở thành chữ cái. Tổng số chữ tượng hình của Ai Cập cổ đại có khoảng 1000 chữ, trong đó có 24 chữ cái. Chữ viết cổ này thường được viết trên đá, gỗ, đồ gốm, vải gai, da... nhưng chất liệu phổ biến nhất là giấy papyrus. Bút được làm từ thân cây sậy. Mực được làm từ bồ hóng; Điêu khắc: các Pharaông thường sai các nghệ nhân tạc tượng của mình và những người trong vương thất. Tượng thường được tạc trên đá, gỗ hoặc được đúc bằng đồng. Bức tượng đẹp nhất là tượng nữ hoàng Nefectiti. Còn độc đáo nhất là tượng Nhân sư, những bức tượng mình sư tử đầu người hoặc dê. Những tượng này thường được đặt trước cổng đền miếu).*

- *Khoa học tự nhiên:*

+ Thiên văn học:

++ Người Ai Cập cổ đại đã biết đến 12 cung hoàng đạo, biết về các hành tinh như sao Thủy, sao Kim, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ. Để đo thời gian, họ đã phát minh ra cái nhật khuê. Tuy nhiên, dụng cụ này chỉ xem được thời gian khi có ánh mặt trời. Về sau, người ta phát minh ra đồng hồ nước xem được cả ngày lẫn đêm.

++ Thành tựu quan trọng nhất là việc đặt ra lịch, dựa trên kết quả quan sát tinh tú và quy luật dâng nước của sông Nin. Họ chia một năm có 365 ngày. Một năm được chia làm 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, 5 ngày còn thừa để cuối năm ăn tết.

+ Toán học: Người Ai Cập cổ đã biết dùng phép đếm lấy 10 làm cơ sở. Họ chỉ mới biết phép cộng và phép trừ, chưa biết đến phép nhân và chia. Về hình học, họ đã biết cách tính diện tích hình tam giác, diện tích hình cầu, biết được số pi (φ) là 3,16. Họ cũng biết tính thể tích hình tháp đáy vuông.

+ Y học: Người Ai Cập có những hiểu biết rất rõ về cấu tạo của cơ thể người do tục ướp xác xuất hiện từ rất sớm. Y học phát triển mạnh, chia thành nhiều chuyên môn, mỗi thầy thuốc có một chuyên môn riêng, chữa một loại bệnh riêng.

- Kiến trúc:

+ Kim tự tháp: Các ngôi mộ của các Pharaông, được xây dựng ở vùng sa mạc phía tây nam Cairô. Kim tự tháp bắt đầu được xây dựng từ thời vua đầu tiên của vương triều III. Trải qua gần 5000 năm, các Kim tự tháp vẫn đứng sừng sững trên sa mạc bất chấp thời gian và mưa nắng.

+ Tượng và phù điêu của Ai Cập cổ cũng là những thành tựu rất đáng chú ý. Tiêu biểu là tượng nhân sư.

b. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa:

- Chữ viết: Sáng tạo ra chữ viết từ sớm (nhà Thương), gọi là chữ tượng hình.

- Tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo được hình thành từ thời Hán do Khổng Tử khởi xướng, có ảnh hưởng sâu sắc đến hệ tư tưởng phong kiến Trung Quốc, là công cụ chính trị của chế độ phong kiến Trung Quốc. Phật giáo được du nhập vào Trung Quốc từ rất sớm và phát triển mạnh dưới thời Đường.

- Sử học: Sử học phát triển sớm, thời Tây Hán trở thành lĩnh vực nghiên cứu độc lập, người đặt nền móng là Tư Mã Thiên. Những bộ sử: Sử kí, Tư khố toàn thư,...

- Văn học, nghệ thuật:

+ Văn học: Đa dạng, nhiều thể loại, nội dung phản ánh bộ mặt xã hội tiêu biểu là thơ Đường đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, một số tác giả: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, ... Tiểu thuyết phát triển vào thời Minh, Thanh, tiêu biểu Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Tây du kí, Hồng Lâu Mộng, ...

+ Nhiều công trình kiến trúc đặc sắc: Vạn Lí Trường thành, một số tượng Phật còn đến ngày nay.

- Khoa học tự nhiên:

+ Toán học: tiêu biểu là cuốn Cửu chương toán thuật, phương pháp tính diện tích, khối lượng, Tiêu biểu là Tổ Xung Chi.

+ Kỹ thuật: Người Trung Quốc có 4 phát minh quan trọng là la bàn, in, thuốc súng và kỹ thuật làm giấy.

+ Ngoài ra còn đạt nhiều thành tựu trong các lĩnh vực khác như: thiên văn học, y học, ... phát minh ra nông lịch. Có nhiều thầy thuốc giỏi: Hoa Đà, Lý Thời Trân, ...

c. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ:

- Chữ viết: Ngôn ngữ Ấn Độ rất phức tạp, nhưng đó là những đóng góp đặc sắc của cư dân nền văn minh sông Ấn là tạo ra chữ viết khắc trên 3.000 con dấu. Loại chữ viết này là chữ ghi âm và ghi vần, viết từ phải sang trái, có 62 dấu sau còn 22.

+ Ấn Độ còn có chữ Brami. Chữ Brami là cơ sở để tạo chữ Sankrit (chữ Phạn), là ngôn ngữ Ấn - Âu. Trên cơ sở chữ Brami họ tạo ra chữ viết Sankrit.

+ Trên cơ sở chữ viết của Ấn Độ, một số quốc gia ở Đông Nam Á đã lấy đó làm nền tảng cho sự ra đời chữ viết của dân tộc mình.

- Văn học nghệ thuật:

+ Văn học Ấn Độ phong phú và giàu bản sắc: các lễ hội, tôn giáo, tập tục dân gian là cơ sở cho sự ra đời của các bản trường ca và văn học. Phần lớn tác phẩm văn học cổ điển Ấn Độ đều được biểu hiện bằng tiếng Phạn dưới hai dạng chủ yếu là kinh Vệđa và sử thi.

+ Kinh Vệđa: có 4 tập, 3 tập đầu là những bài ca và những lời cầu nguyện phản ánh quá trình người Arian xâm nhập Ấn Độ, sự tan rã của chế độ thị tộc và cuộc đấu tranh chinh phục tự nhiên. Còn tập 4 chủ yếu đề cập đến sự phân biệt đẳng cấp và cả tình yêu lứa đôi.

+ Cư dân cổ để lại 2 bộ sử thi lớn, nổi tiếng: Mahabharata và Rayamayana. Hai bộ sử thi này là hai viên ngọc quý nhất trong kho tàng văn học Ấn Độ cổ đại.

- Kiến trúc: Được coi là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của lịch sử văn minh Ấn Độ, kiến trúc Ấn mang sắc thái riêng độc đáo với các kiểu loại hình kiến trúc: cột đá, mộ tháp, chùa chiền, hình tháp, cung điện...

- Điêu khắc: Ấn Độ cũng có những tiến bộ đáng kể chủ yếu là khắc tượng Phật và các tượng thần của đạo Hindu. Các nước Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền kiến trúc và điêu khắc Ấn Độ như Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia và Việt Nam.

- Khoa học tự nhiên:

+ Thiên văn học: Ra đời từ rất sớm ở Ấn Độ, tác phẩm thiên văn học cổ nhất là Xitdanca ra đời năm 425 TCN. Họ đã biết đến nhật thực, nguyệt thực, hạ chí, đông chí, xuân thu và phân thu; quả đất, mặt trăng đều là hình cầu, biết sự vận động của các ngôi sao chính cũng

nghư phân biệt được 5 hành tinh: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Hải tinh. Đặc biệt người Ấn Độ biết chia một năm làm 12 tháng theo chu kỳ mặt trăng, mỗi tháng 30 ngày, cứ 5 năm có một tháng nhuận.

+ *Toán học: Người Ấn Độ cổ đại có đóng góp quan trọng trong việc phát minh ra cách đếm của hệ số 10, trong đó có số 0 mà người Ấn Độ gọi là Synhia (tiếng không). Hệ số đếm của Ấn Độ được coi là hệ số hoàn thiện nhất trong tất cả mọi hệ số đếm thời cổ đại.*

+ *Y học: đạt nhiều thành tựu lớn, các thầy thuốc Ấn Độ đã biết dùng phẫu thuật để chữa bệnh như cắt màng mắt, lấy sỏi thận, nắn lại các chỗ xương gãy...*

- *Tư tưởng, tôn giáo: Ấn Độ là nơi khởi phát của nhiều tôn giáo. Trong đó 2 tôn giáo có ảnh hưởng nhất là Hindu giáo và Phật giáo.*

+ *Hindu giáo: Trên cơ sở đạo Ba la môn, đạo Hindu phát triển cả về kinh điển, giáo lý, những lễ nghi, con đường giải thoát. Đạo Hindu vừa phản ánh đúng thực tại xã hội lại vừa có những điểm có lợi cho giai cấp thống trị nên nó bắt rễ sâu vào đời sống xã hội Ấn Độ. Hindu giáo thờ ba vị thần thượng đẳng: Brama (sáng tạo), Vishnu (bảo tồn) và Shiva (hủy diệt). Ngoài ra, còn thờ các thần lớn, nhỏ khác nhau đều là hóa thân của Vishnu và Shiva. Hindu giáo ngày càng phát triển và lớn mạnh, trở thành quốc giáo của Ấn Độ (chiếm 80% dân số).*

+ *Phật giáo: Ra đời từ thế kỉ VI TCN, Nội dung học thuyết của Đạo Phật là lí giải về nỗi khổ đau và giải thoát nỗi khổ đau... chỉ chủ yếu là sự cứu vớt. Đến thời Gupta, thế kỉ V, đạo Phật không giữ được vị trí như các thời kì trước mà dần dần nhường chỗ cho Ấn Độ giáo - Đạo Hindu.*

Ngoài những tôn giáo lớn trên đây Ấn Độ còn có hàng trăm tôn giáo, tín ngưỡng khác, các tôn giáo tuy có những điểm khác biệt thì ngàn đời nay vẫn chung sống hòa bình với nhau, làm nên đời sống tâm linh vô cùng phong phú ở Ấn Độ.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: *Củng cố được tri thức; Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến khái niệm văn minh và một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.*

2. Cách tổ chức hoạt động: *GV sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau dựa theo gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về khái niệm văn minh và một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại để HV luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học.*

- *GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm lập bảng thống kê/thiết kế trò chơi/viết bài giới thiệu/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.*

Ví dụ: 1) Lập bảng thống kê thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại theo các nội dung sau:

Thành tựu Nền văn minh	Chữ viết/ văn học	Tư tưởng, tôn giáo	Khoa học tự nhiên	Kiến trúc, điều khắc
Ai Cập cổ đại				
Trung Hoa cổ - trung đại				
Ấn Độ cổ - trung đại				

Hoặc 2) Lựa chọn và viết bài giới thiệu một công trình kiến trúc, điều khắc tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại (Gợi ý: bài viết giới thiệu được: Tên công trình, địa điểm, giá trị đặc sắc về kiến trúc/điều khắc...).

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về khái niệm văn minh và một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Sưu tầm tư liệu giới thiệu một công trình kiến trúc ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại (Gợi ý: bài viết giới thiệu được: Tên công trình, giá trị đặc sắc về kiến trúc, ...).

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái niệm văn minh	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử;	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
	NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được khái niệm văn minh.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)

	- Phân biệt được khái niệm văn minh với văn hóa		
Tìm hiểu một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu và giới thiệu được một số thành tựu của các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.	Quan sát	Bảng ghi chép sự kiện thường nh
		Vấn đáp	Câu hỏi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu khái niệm văn minh và thành tựu của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực tra giữa hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về khái niệm văn minh và thành tựu của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1)

Bài 5. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại.

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử* thông qua sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu để nêu được thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã và thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng.

- *Năng lực nhận thức tư duy lịch sử* thông qua giải thích được ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã và văn minh thời Phục hưng.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học* để lựa chọn giới thiệu được một thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã và văn minh thời Phục hưng.

- *Tự học và tự chủ*: thông qua tự khai thác tư liệu để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra.

- *Giao tiếp và hợp tác*: thảo luận nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua trao đổi, thảo luận vấn đề đặt ra trong bài học, đặc biệt là vấn đề gắn với thực tiễn.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn giá trị của văn minh Hy Lạp - La Mã và văn minh thời Phục hưng.

- Nhân ái: tôn trọng, ghi nhận, gìn giữ và phát huy những giá trị của văn minh Hy Lạp - La Mã và văn minh thời Phục hưng để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Thành tựu tiêu biểu, ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại.

- Thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại

- Không tìm hiểu thành tựu chung, chỉ tập trung vào một số thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được một số thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.

2. Thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng

- Không tìm hiểu thành tựu chung của văn minh thời Phục hưng. Chỉ tập trung nêu được

nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về văn minh Hy Lạp - La Mã và văn minh thời Phục hưng.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng thông tin tư liệu trong SGK hoặc do GV chuẩn bị hình ảnh/trò chơi,... để HV nhận thức được nền văn minh Hy Lạp - La Mã.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu HV đọc thông tin tư liệu về nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại và văn minh thời Phục hưng để:

Đoán tên các vị thần trong thần thoại Hy Lạp hoặc kể tên và nêu hiểu biết về những thành tựu văn minh này.



- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Hy Lạp và La Mã là hai nền văn minh cổ ở khu vực Địa Trung Hải. Văn minh Hy Lạp hình thành từ thiên niên kỉ III, đạt đến đỉnh cao ở thế kỉ V TCN, trong đó từ thế kỉ II TCN người La Mã đã tiếp nhận nền văn minh Hy Lạp và phát triển thành một dòng chảy văn minh liên tục với những thành tựu cao hơn. Mỗi một vị thần phụ trách một lĩnh vực và là biểu hiện sức mạnh của nhà nước Hy Lạp – La Mã thời cổ đại. Vậy, văn minh văn minh phương Tây thời cổ trung đại và văn minh thời Phục hưng còn có những thành tựu nào?

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin/xem video (<https://www.youtube.com/watch?v=Sziv5FQlMaA>) trả lời câu hỏi: *Nêu những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã. Hoặc chia nhóm giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã.*

- HV thực hiện nhiệm vụ: theo cá nhân hoặc theo nhóm.

- HV trả lời câu hỏi hoặc báo cáo giới thiệu các thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã theo từng nhiệm vụ nhóm được phân công chuẩn bị.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Thành tựu:

+ *Chữ viết:* Người Hy Lạp cổ đại đã xây dựng bảng chữ cái ghi âm của mình từ khoảng thế kỷ IX-VIII TCN. Người La Mã đã dựa trên cơ sở chữ viết của người Hy Lạp để xây dựng một loại chữ cái được gọi là chữ La-tinh

+ *Văn học:* bộ sử thi nổi tiếng I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me; văn xuôi, thơ, kịch... với nhiều tác giả nổi tiếng: A-chi-lút (kịch), Xô-pô-clo (kịch), Ô-vi-đi-ót (thơ),...

+ *Sử học:* Hê-rô-đốt (ông tổ của nền sử học thế giới).

+ *Kiến trúc điêu khắc hội họa:* Đạt được nhưng thành tựu rực rỡ: đền Pác-tê-nông, đền A-tê-na, nhà hát Đê-ô-ni-xốt, tượng thần Dớt, tượng nữ thần A-tê-na,...

+ *Khoa học, kĩ thuật:* người Hy Lạp - La Mã cổ đại đã có những công hiến vĩ đại về khoa học, kĩ thuật.

++ *Lịch pháp:* tính 1 năm 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày \rightarrow gần như lịch ngày nay.

++ *Thiên văn học:* biết trái đất hình cầu.

++ *Toán học:* định lí Ta-lét, Pi-ta-go, tiên đề O-cơ-lít, Ac-si-met,...

++ *Y học:* Hi-pô-crat (cha đẻ của nền y học phương Tây).

++ *Kĩ thuật:* chế tạo bê tông, đòn bẩy, chế tạo máy bắn đá, máy bơm nước.

+ *Tư tưởng:* Hy Lạp và La Mã cổ đại là quê hương của triết học phương Tây. Với nhiều nhà triết học tiêu biểu: Ta-let, Pi-ta-go, Pla-tông, ...

+ *Tôn giáo: Người Hy Lạp và La Mã cổ đại thờ đa thần. Cơ Đốc giáo được hình thành vào thế kỷ ở phần lãnh thổ phía Đông đế quốc La Mã.*

+ *Thể thao: Đại hội Ô-lym-pic (Hi-Lạp), Đại hội thể thao Pa-na-thê-nai-a được tổ chức 4 năm/lần ở A-ten; các cuộc đấu sĩ với đấu sĩ, đấu sĩ với dã thú.*

Ý nghĩa: có những cống hiến lớn đối với sự phát triển của văn minh nhân loại và là cơ sở đầu tiên cho nền văn minh phương Tây sau này trên tất cả các mặt.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,... để HV nhận thức được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc nhóm:

+ *Nhóm 1. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu về tư tưởng, văn học.*

+ *Nhóm 2. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu nghệ thuật.*

+ *Nhóm 3. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu về khoa học kỹ thuật, thiên văn học.*

Yêu cầu sản phẩm: tập san, sơ đồ tư duy, bài thuyết trình, infographic...

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Tư tưởng, văn học:*

▪ *Phê phán phong kiến và Giáo hội, đề cao con người và khoa học tự nhiên.*

▪ *Thơ, tiểu thuyết, kịch. Tác phẩm nổi tiếng như Đan-tê với “Thần Khúc”, Pê-tra-ca với tập thơ “Tình yêu”.*

+ *Nghệ thuật: khắc họa bức tranh hiện thực về xã hội Tây Âu, đồng thời thể hiện thái độ châm biếm toàn bộ xã hội phong kiến và thể hiện khát vọng mãnh liệt về sự công bằng, bác ái. Nghệ thuật hội họa, điêu khắc, kiến trúc với đặc điểm nổi bật là thể hiện sinh động nội tâm nhân vật:*

▪ *Hội họa có thể kể đến như Lê-ô-na đơ Vanh-xi (các tác phẩm như Nàng Giôcôngđơ, Bữa tiệc cuối cùng, Đức mẹ đồng trinh trong hang đá), Ra-pha-el (trần thánh thất Xit-tin), ...*

▪ *Điêu khắc, kiến trúc: phản ánh sự phục hồi cổ điển. Tiêu biểu là: Lâu đài Chambord ở Pháp, lâu đài Azay le Rideau, bảo tàng Louvre, nóc vòm nhà thờ thánh Peter, nhà thờ thánh Phêrô ở Vatican, ...*

+ *Về khoa học - kỹ thuật:*

▪ *Khoa học – kĩ thuật: Xây dựng thành công lò gang nấu quặng, không chỉ nấu được gang mà luyện được thép; Cải tiến bánh xe nước cùng nhiều phát minh mới thúc đẩy ngành công nghiệp.*

▪ *Thiên văn học: Cô-péc-ních với thuyết Mặt trời là trung tâm, G.Bru-nô, G.Ga-li-ê.*

+ *Ý nghĩa thành tựu của văn minh thời Phục hưng: là bước tiến vượt bậc nền văn minh châu Âu và nền văn minh nhân loại nói chung. Đã đập tan rào cản về giai cấp, những tư tưởng giáo điều, cũ kĩ mở ra một chân trời mới cho sự phát triển của loài người. Văn minh thời Phục hưng là một mốc son đưa cả châu Âu thoát khỏi “đêm trường trung cổ” với những thành tựu nổi bật có sức ảnh hưởng lớn của nhân loại.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại và thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK và dựa trên kiến thức đã học về thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại và thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

- HV làm việc cá nhân/nhóm vẽ sơ đồ tư duy/lập bảng thống kê/thiết kế trò chơi/viết bài giới thiệu/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập. Ví dụ:

Lập bảng thống kê thành tựu tiêu biểu của các nền văn minh Ai Cập cổ đại, Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại theo các nội dung sau:

<i>Thành tựu</i> <i>Nền văn minh</i>	<i>Chữ viết/ văn học</i>	<i>Tư tưởng, tôn giáo</i>	<i>Khoa học tự nhiên</i>	<i>Kiến trúc, điêu khắc</i>
Hy Lạp – La Mã cổ đại				
Thời Phục hưng				

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại và thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và viết bài giới thiệu một công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của các nền văn minh Hy Lạp - La Mã hoặc văn minh thời Phục hưng. (Gợi ý: bài viết giới thiệu được: Tên công trình, địa điểm, giá trị đặc sắc về kiến trúc/điêu khắc, ...).

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại và	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)

	thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.		
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ trung đại và thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 2

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 2. *Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ trung đại* gồm ba đơn vị kiến thức: 1) *Khái niệm văn minh.* 2) *Một số nền văn minh phương Đông cổ trung đại* và *Một số nền văn minh phương Tây cổ trung đại*, được dạy trong 4 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 2. Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ trung đại* cung cấp cho người học hiểu biết về những nền văn minh thế giới ở hai khu vực phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại. GV có thể tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *So sánh văn minh của khu vực phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại*.

Chủ đề 3. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Thời gian thực hiện: 6 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Cách mạng công nghiệp thời Cận đại*; 2) *Cách mạng công nghiệp thời hiện đại*, được dạy trong 6 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 6. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.
- Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Trình bày, nhận xét đánh giá những thành tựu và ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng được những kiến thức lịch sử đã học để giải quyết tình huống thực tiễn từ những thành tựu và ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.
- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về thành tựu và ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.

2. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng những phát minh, thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp để lại. Có ý thức kế thừa và phát huy những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai.

- Chăm chỉ: luôn cố gắng học tập, lao động góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

- Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.

- Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và Cách mạng công nghiệp lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

- Không tìm hiểu tất cả những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất mà chỉ tìm hiểu những thành tựu cơ bản.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

2. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

- Không tìm hiểu tất cả những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai mà chỉ tìm hiểu những thành tựu cơ bản.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.

3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa

- Không tìm hiểu ý nghĩa chung ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai, chỉ tìm hiểu ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết về Cách mạng công nghiệp thời cận đại.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/hoàn thành Phiếu học tập KWL ... để nêu được hiểu biết về Cách mạng công nghiệp thời cận đại. Ví dụ:

Hoàn thành Phiếu học tập KWL:

PHIẾU HỌC TẬP KWL

K
Em đã biết gì về các cuộc CM Công nghiệp thời cận đại?

W
Em có mong muốn và đề xuất gì khi học bài Các cuộc CM Công nghiệp thời cận đại?

L
Em đã học thêm được điều gì sau khi học xong bài này?

Họ và tên: _____ Lớp: _____

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Đây là những hiểu biết về Cách mạng công nghiệp. Ngoài những hiểu biết này Cách mạng công nghiệp còn đạt được những thành tựu thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vậy chúng ta cùng tìm hiểu thành tựu và ý nghĩa của các cuộc Cách mạng công nghiệp thời cận đại.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất thông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và giới thiệu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.*

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu P.P, sơ đồ tư duy, tập san...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

<i>Năm</i>	<i>Người phát minh</i>	<i>Thành tựu</i>
1764	James Hargreaves	Máy kéo sợi Jenny
1769	Thomas Arkwright	Máy kéo sợi chạy bằng sức nước
1779	Cromton	Máy kéo sợi cải tiến, kéo được sợi nhỏ, chắc, dệt vải đẹp và bền
1784	James Watt	Máy hơi nước
1785	Edmund artwright	Máy dệt chạy bằng sức nước
1814	Goerge Stephenson	Đầu máy xe lửa đầu tiên trên thế giới
1825	Các kĩ sư Anh	Đoạn đường sắt đầu tiên nối liền Manchester với Liverpool.

Hoạt động 2. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai thông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và giới thiệu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.*

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu P.P, sơ đồ tư duy, tập san...

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

<i>Thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai</i>	
<i>*Các phát minh về điện</i>	- Nhờ các phát minh về điện của các nhà bác học như Ghê-oóc Xi-môn Ôm, Pha-ra-đây, Pre-xcôt Giun, Lên-xơ đã mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới. - Năm 1879, Thô-mát Ê-đi-xơn đã phát minh ra bóng đèn điện. - Năm 1891, Đô-rô-vôn-xki đã chế tạo thành công máy phát điện và động cơ xoay chiều.
<i>*Các phát minh về luyện kim</i>	Kĩ thuật luyện kim được cải tiến với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác tanh.
<i>*Công nghiệp hóa học</i>	Phục vụ cho ngành nhuộm, phân bón và thuốc nổ, điện lực và in ấn...
	- Dầu đi-ê-zen được sử dụng và cung cấp nguyên liệu mới cho giao thông vận tải.

* <i>Giao thông vận tải</i>	- Năm 1886, chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới được Các Ben phát minh. - Năm 1903, Hai anh em người Mỹ là Vin-bơ Rai và Oóc-vin Rai đã chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên
-----------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

1. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa thông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và phân tích ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.*

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình thuyết trình, bài trình chiếu P.P, sơ đồ tư duy ...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa	
* <i>Về kinh tế</i>	- <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. Những tiến bộ về kỹ thuật đã mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng.</i> - <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã thay thế lao động tay chân của con người bằng lao động của máy móc, chuyển nền sản xuất thủ công sang cơ khí hóa.</i> - <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa.</i> - <i>Cách mạng công nghiệp đã góp phần thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong các ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải.</i>
* <i>Về xã hội</i>	- <i>Hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản: tư sản và vô sản hình thành.</i> - <i>Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm xuất hiện nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân.</i>

*Về văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hóa toàn cầu. - Rút ngắn khoảng cách không gian, thời gian. - Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người. - Hình thành lối sống, tác phong công nghiệp
-------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống về Cách mạng công nghiệp thời cận đại.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học vẽ sơ đồ trực/lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.... Ví dụ: Tổ chức trò chơi trên các phần mềm P.P, Kahoot, Quizzi,...

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, phát minh kỹ thuật nào đã tạo ra bước chuyển căn bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa?

- A. Máy dệt. B. Máy kéo sợi Gien-ni.
C. Đầu máy xe lửa. D. Máy hơi nước.

Câu 2. Những thành tựu đạt được trong cuộc Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX) đã đưa con người bước sang thời đại

- A. văn minh nông nghiệp. B. văn minh công nghiệp.
C. văn minh thông tin. D. văn minh trí tuệ.

Câu 3. Một trong những đặc trưng cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX) là gì?

- A. Ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn.
B. Sử dụng năng lượng nước, hơi nước để cơ giới hoá sản xuất.
C. Sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hoá sản xuất.
D. Xu thế công nghệ mới với Internet kết nối vạn vật trong vật lí, kỹ thuật số,...

Câu 4. Nguồn năng lượng bắt đầu được sử dụng từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. điện. B. than đá. C. thủy điện. D. dầu mỏ.

Câu 5: Ý nào phản ánh hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp?

- A. Nâng cao năng suất lao động, xã hội hóa quá trình lãnh đạo của chủ nghĩa tư bản
B. Làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản

- C. Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ của các ngành kinh tế khác.
D. Làm xuất hiện hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản là tư sản và vô sản

Câu 6: Một trong các ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước là gì?

- A. Tạo ra nguồn động lực mới, làm tăng sức lao động cơ bắp của con người.
 B. Lao động bằng thủ công đã được thay thế bằng máy móc.
 C. Làm cho năng suất lao động ngày càng tăng.
 D. Làm thay đổi bộ mặt xã hội của nước Anh.

Câu 7: Người phát minh ra đầu máy xe lửa là

- A. Giêm Hagrivơ. B. Áccraitơ. C. Giêm Oát. D. Xtiphenson.

Câu 8: Thành tựu chủ yếu của nước Anh những năm 60 của thế kỉ XVIII đến những năm 40 thế kỉ XIX là gì?

- A. Những phát minh trong ngành công nghiệp nhẹ.
 B. Những phát minh trong ngành công nghiệp dệt.
 C. Những phát minh về luyện kim và hoá chất.
 D. Những phát minh trong ngành công nghiệp nặng.

- HV các nhóm tham gia trò chơi.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học Cuộc cách mạng công nghiệp thời Cận đại.

2. Cách tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và giới thiệu một thành tựu của Cách mạng công nghiệp thời cận đại mà theo em là có tác động to lớn đến sự phát triển của xã hội.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ

Tìm hiểu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu hững thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối học kì 1)

Bài 7. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.
- Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.
- Có ý thức tuân thủ những quy định của pháp luật khi tham gia các mạng xã hội trên Internet.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Trình bày, nhận xét đánh giá những thành tựu và ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng được những kiến thức lịch sử đã học để giải quyết tình huống thực tiễn từ những thành tựu và ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu cách mạng công nghiệp thời hiện đại.

2. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng những phát minh, thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp để lại. Có ý thức kế thừa và phát huy những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư.
- *Chăm chỉ*: luôn cố gắng học tập, lao động góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

- Không tìm hiểu tất cả những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba mà chỉ tìm hiểu những thành tựu cơ bản.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

2. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Không tìm hiểu tất cả những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà chỉ tìm hiểu những thành tựu cơ bản.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa

- Không tìm hiểu ý nghĩa chung ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư, chỉ tìm hiểu ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết về Cách mạng công nghiệp thời hiện đại.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh,... để nêu được hiểu biết về Cách mạng công nghiệp thời hiện đại. Ví dụ: Xem video về rô-bốt Sô-phi-a và *Nêu hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại* (Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=C-HZOYWdA7E>)

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Sô-phi-a là một rô-bốt được chế tạo và thiết kế năm 2015, hình dáng giống con người. Ngày 25-10-2017, Sô-phi-a là rô-bốt đầu tiên được Chính phủ Ả-rập Xê-út cấp quyền công dân như con người. Đây*

được xem là sản phẩm của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư, đồng thời là dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của nhân loại. Vậy cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư có những thành tựu, ý nghĩa như thế nào?

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần ba

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ bathông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và giới thiệu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.*

Yêu cầu sản phẩm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu PP, sơ đồ tư duy,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ ba:

- *Chế tạo ra máy tính điện tử, quá trình cơ giới hóa được thay thế bằng tự động hóa trong sản xuất.*

- *Internet ra đời năm 1957 ở Mỹ đặt nền tảng cho mạng Internet ngày nay, tạo ra bước ngoặt xuất hiện www (word wide web) thu thập thông tin.*

- *Vật liệu mới, chinh phục vũ trụ, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, năng lượng mới, công nghệ sinh học, ... cũng đạt nhiều thành tựu...*

Hoạt động 2. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,

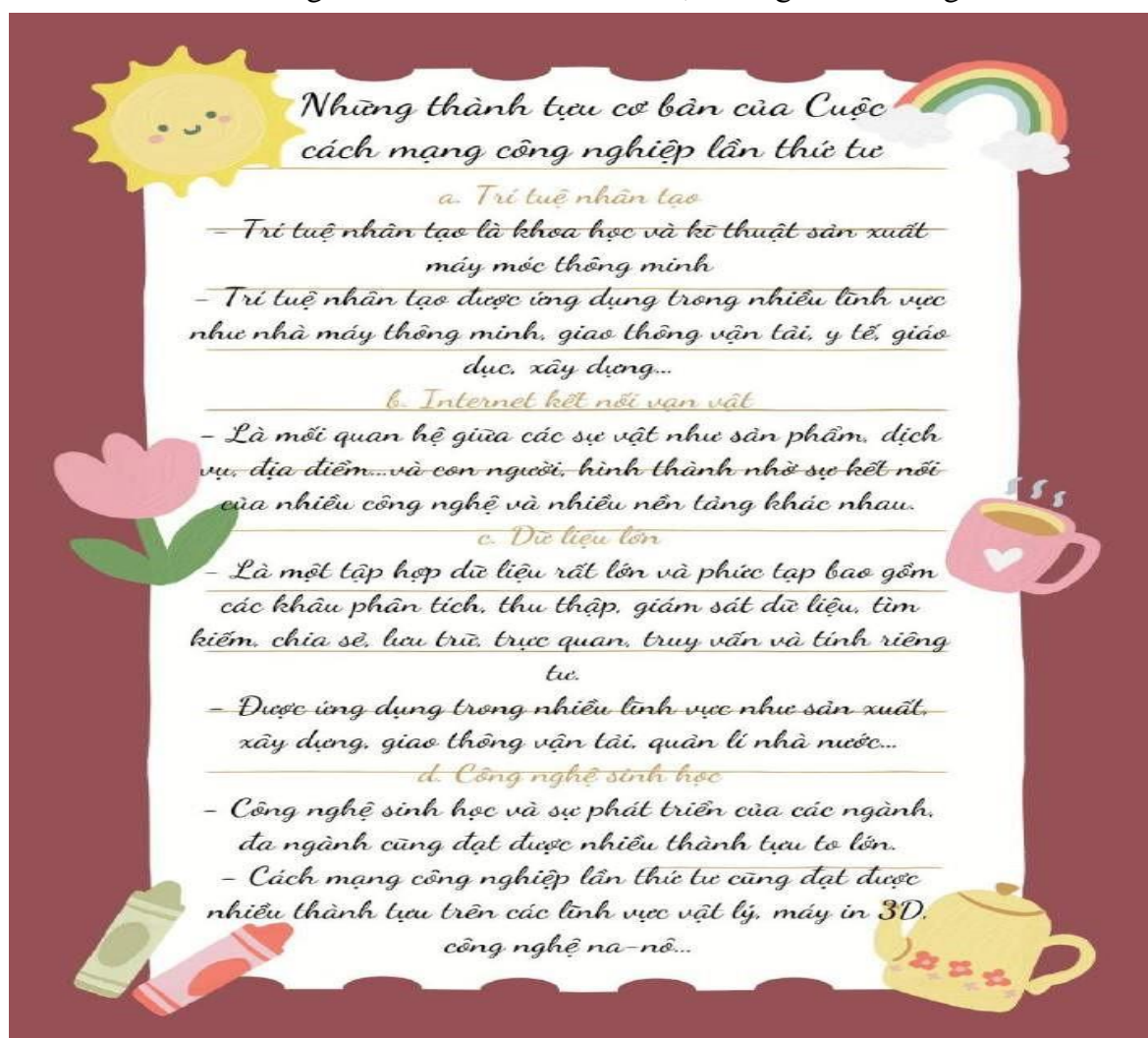
- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và giới thiệu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình chiếu P.P, sơ đồ tư duy, tập san...

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:



Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

1. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa thông qua tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để *Nêu và phân tích ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.*

Yêu cầu sản phẩm của các nhóm: sản phẩm đa dạng: bài trình thuyết trình, bài trình chiếu P.P, sơ đồ tư duy,...

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa

* Về kinh tế:

- Tạo ra các ngành sản xuất tự động, năng suất lao động tăng cao. Có thể giải quyết một tổ hợp lớn các bài toán sản xuất công nghiệp hiện đại và đem lại hiệu quả kinh tế to lớn.
- Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, thứ tư đưa nhân loại sang nền văn minh thông tin.
- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.



Sơ đồ 9.3. Năm trụ cột chính của toàn cầu hoá

* Về xã hội:

- Tự động hóa giúp giải phóng sức lao động của con người (đặc biệt là những công việc nguy hiểm và độc hại), nâng cao đời sống của con người.
- Số lượng công nhân có tri thức, kỹ năng, trình độ chuyên môn cao tăng, công nhân lao động phổ thông giảm dần.
- Vai trò của giai cấp công nhân hiện đại càng được khẳng định là lực lượng chính trị - xã hội chủ yếu trong cuộc đấu tranh chính trị.
- Sự phân hóa xã hội, khoảng cách giàu – nghèo càng lớn.

* Về văn hóa:

- Sự giao lưu văn hóa giữa các khu vực, quốc gia, dân tộc trên thế giới ngày càng thuận lợi.
- Có những tác động tiêu cực đến đời sống, văn hóa của con người: lệ thuộc vào công nghệ, phát sinh tình trạng văn hóa “lai căng”, nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống, xung đột giá trị văn hóa...

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống về Cách mạng công nghiệp thời hiện đại.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học vẽ sơ đồ trực/lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập/....

Ví dụ: HV tham gia trò chơi “**Nhanh như chớp**” trên Quizizz

(<https://quizizz.com/join/quiz/636b188c46ee8e001e275062/start?studentShare=true>)

- HV các nhóm tham gia trò chơi.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học Cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại đại.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Nêu và phân tích một tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp thời hiện đại đến cuộc sống của bản thân em.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần ba.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu hững thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)

Tìm hiểu ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 3

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 3. *Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới* gồm hai đơn vị kiến thức: 1) *Cách mạng công nghiệp thời Cận đại*; 2) *Cách mạng công nghiệp thời hiện đại*, được dạy trong 6 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa

chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 3. Các cuộc cách mạng trong lịch sử thế giới* cung cấp cho người học hiểu biết về các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại và các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại. GV có thể tổ chức tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức *Xem video, phim tư liệu* về thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp trong đời sống ngày nay*.

CHỦ ĐỀ 4: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ TRUNG ĐẠI

Thời gian thực hiện: 4 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại* 2) *Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại*, được dạy trong 4 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 8. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á.
- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết sưu tầm, sử dụng các tư liệu để tìm hiểu về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Trình bày được hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề đặt ra liên quan đến hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Bồi dưỡng lòng tự hào về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á tại Việt Nam cũng như các nước Đông Nam Á.

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả những vấn đề của văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII, chỉ tìm hiểu những vấn đề khái quát của văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái quát văn minh Đông Nam Á những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII.

2. Văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả những vấn đề của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV, chỉ tìm hiểu những vấn đề khái quát của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái quát văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV.

3. Văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX

- Không đi sâu tìm hiểu tất cả những vấn đề của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX, chỉ tìm hiểu những vấn đề khái quát của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được khái quát văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết về thành tựu của văn minh Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh/xem video để kể tên và nêu hiểu biết về các thành tựu văn minh Đông Nam Á.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ Đây là những thành tựu khẳng định giá trị của các nền văn minh ở khu vực Đông Nam Á thời cổ trung đại.

+ Vậy hành trình phát triển của Đông Nam Á diễn ra như thế nào?

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại

1. Mục tiêu: Khái quát được hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại qua các giai đoạn.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động: sử dụng thông tin tư liệu/hình ảnh trong SGK/xem video hoặc do GV chuẩn bị,....

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để khái quát được hành trình của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại qua các giai đoạn.

+ *Nhóm 1. Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ TCN đến thế kỉ VII.*

+ *Nhóm 2. Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV.*

+ *Nhóm 3. Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII là thời kì ra đời và bước đầu phát triển của văn minh Đông Nam Á.*

+ *Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV là thời kì hình thành những quốc gia thống nhất và lớn mạnh, định hình bản sắc với nhiều thành tựu đặc sắc.*

+ *Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX là thời kì khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến, nhưng về văn minh vẫn đạt được nhiều thành tựu to lớn.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học vẽ sơ đồ trục/lập bảng thống kê/làm bài tập để luyện tập.... Ví dụ:

Thể hiện trên sơ đồ trục thời gian các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- HV các nhóm trao đổi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Sưu tầm tư liệu, hình ảnh và viết bài giới thiệu về quá trình ra đời, phát triển của một số các quốc gia Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Khái quát được văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Khái quát được văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu văn minh Đông Nam Á từ thế	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi:	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

ki XV đến thế kỉ XIX.	- Khái quát được văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kĩ năng đã học khi: Tìm hiểu về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối học kì 1)

Bài 9. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc.

- Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, có ý thức gìn giữ, bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết sưu tầm, sử dụng các tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại. Có khả năng tự tìm hiểu thành tựu văn minh Đông Nam Á ở địa phương.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề đặt ra liên quan đến một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Bồi dưỡng lòng tự hào về thành tựu của văn minh Đông Nam Á.

- *Trách nhiệm*: Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại, tham gia bảo tồn di sản văn minh của Đông Nam Á và Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học. Phiếu học tập, Phiếu đánh giá nhóm.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Tín ngưỡng và tôn giáo

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét tiêu biểu, đặc trưng về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được một số nét tiêu biểu về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

2. Văn tự và văn học

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét tiêu biểu, đặc trưng về văn tự và văn học của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được một số nét tiêu biểu về văn tự và văn học của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

3. Kiến trúc và điêu khắc

- Chỉ tập trung tìm hiểu những nét tiêu biểu, đặc trưng về kiến trúc và điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được một số nét tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về thành tựu của văn minh Đông Nam Á để giới thiệu bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Làm việc cá nhân/nhóm: quan sát tranh ảnh,... để giới thiệu về một thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Đây là một trong những thành tựu khẳng định giá trị của nền văn minh ở khu vực Đông Nam Á thời cổ - trung đại.*

+ *Vậy ngoài thành tựu trên, văn minh Đông Nam Á còn có thành tựu nào? Thành tựu nào còn được lưu giữ đến ngày nay?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin tư liệu/quan sát tranh ảnh/... để nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

+ *Nhóm 1. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.*

+ *Nhóm 2. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu về văn tự và văn học của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.*

+ *Nhóm 3. Giới thiệu thành tựu tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:



Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/ nhóm và dựa vào kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy/lập bảng thống kê/làm bài tập để luyện tập.... Ví dụ:

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu và viết bài giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu của văn

minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại còn tồn tại đến ngày nay.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được thành tựu tiêu biểu về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về văn tự và văn học của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được thành tựu tiêu biểu về văn tự và văn học của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được thành tựu tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.

	thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi: Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối học kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi:	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.	Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối học kì 1)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 4

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 4. *Văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại* gồm hai đơn vị kiến thức: 1) *Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại* 2) *Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại*, được dạy trong 4 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 1 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 4. Văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại* cung cấp cho người học hiểu biết về cơ sở hình thành và những thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. GV có thể tổ chức tiết Thực hành lịch sử dưới hình thức *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề* như *Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn minh Đông Nam Á...* hoặc *Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm* tại một công trình kiến trúc tiêu biểu ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn minh Đông Nam Á...

**Chủ đề 5: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM
(TRƯỚC NĂM 1858)
Thời gian thực hiện: 12 tiết**

Chủ đề này gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Văn minh Chăm-pa; Văn minh Phù Nam và Văn minh Đại Việt* được dạy trong 12 tiết. GV có thể chủ động chia thành các nội dung/bài học cụ thể. Thời lượng của mỗi chủ đề có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng chủ đề này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng nội dung/bài học có thể tiến hành như sau:

**Nội dung 1. CÁC NỀN VĂN MINH CỔ TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM
Bài 10. VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC**

Nội dung này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Cơ sở hình thành của văn minh Văn Lang – Âu Lạc*; 2) *Những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc*. GV có thể chủ động tổ chức học tập. Thời lượng mỗi đơn vị kiến thức có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu để tìm hiểu về nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được cơ sở hình thành và thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: Biết cách sử dụng tư liệu để tìm hiểu về các nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: tự hào về những giá trị truyền thống của dân tộc.

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học (tư liệu về cơ sở hình thành và thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang- Âu Lạc, bản đồ hành chính Việt Nam hiện nay,...)

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

- Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc

- Không phân tích các cơ sở chung chung, chỉ tập trung vào hai cơ sở: điều kiện tự nhiên và cơ sở xã hội.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội dẫn đến hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc

- Không đi sâu phân tích tất cả các thành tựu, chỉ tập trung vào thành tựu hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày, giới thiệu được thành tựu hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Văn Lang – Âu Lạc

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về bài học để tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu cho HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh/đọc tư liệu/xem video,... và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh trên thuộc nền văn minh nào ở nước ta? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các hình ảnh... là thành tựu của nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc. *Vậy, ngoài những thành tựu đó, văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn đạt được những thành tựu gì và nền văn minh này được hình thành trên cơ sở nào?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc

1. Mục tiêu: Vẽ được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV tìm hiểu nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc. Nhấn mạnh: sự hình thành một nền văn minh có thể dựa trên các yếu tố: điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, cơ sở xã hội và một số yếu tố khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị... và hoàn thành Phiếu học tập: *Cơ hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc:*

Điều kiện tự nhiên	Cơ sở xã hội
.....
.....
.....

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo Phiếu học tập.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Cơ hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc:

Điều kiện tự nhiên	Cơ sở xã hội
	- Có nguồn gốc từ nền văn hóa Phùng Nguyên (khoảng 400 năm trước).

Hình thành từ các lưu vực sông: sông Hồng, sông Cả, sông Mã... thuận lợi cho nghề trồng lúa nước và luyện kim.

- Công cụ bằng kim loại xuất hiện làm tan rã xã hội nguyên thủy, nhà nước ra đời.
- Cư dân sống thành làng xã, đây là tiền đề cho sự ra đời của nhà nước.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc

1. Mục tiêu: Nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc và liên hệ được một số thành tựu còn tồn tại đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc và liên hệ được một số thành tựu của nền văn minh này còn tồn tại đến nay. GV nhấn mạnh: đây là nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ, để lại những giá trị to lớn hình thành nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: chia 4 nhóm (Yêu cầu sản phẩm: có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, P.P, Infographics,...).

Nhóm 1. Tìm hiểu hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang – Âu Lạc và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 2. Tìm hiểu đời sống vật chất của cư dân Văn Lang – Âu Lạc và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 3. Tìm hiểu đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc và giới thiệu một thành tựu đời sống tinh thần còn tồn tại đến nay. Nhóm 4. Tìm hiểu tổ chức nhà nước của cư dân Văn Lang – Âu Lạc và nên nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước này.

- HV làm việc theo nhóm: thực hiện nhiệm vụ được giao.
- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:
 - + *Hoạt động kinh tế: Nghề nông trồng lúa nước là chủ yếu. Chăn nuôi, đánh cá, thủ công nghiệp cũng phát triển.*
 - + *Đời sống vật chất:*
 - *Bữa ăn hàng ngày: cơm, cá thịt...*
 - *Trang phục: Phụ nữ mặc váy và áo yếm, đàn ông mang khố. Sử dụng đồ trang sức bằng đá, đồng.*
 - *Nhà ở: Ở nhà sàn.*
 - *Đi lại trên sông là chủ yếu bằng thuyền, bè...*
 - + *Đời sống tinh thần:*
 - *Tín ngưỡng: Thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc...*

- *Nghệ thuật: Đạt đến trình độ cao, vừa thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc vừa thể hiện tính nghệ thuật cao.*

- *Âm nhạc: Phong phú, đa dạng*

+ *Sự ra đời nhà nước:*

- *Nhà nước Văn Lang cách đây khoảng 2700 năm tồn tại đến năm 208 TCN; kinh đô: Phong Châu (Phủ Thọ). Tổ chức nhà nước sơ khai.*

- *Nhà nước Âu Lạc (208 - 179 TCN); Kinh Đô: Cổ Loa (Hà Nội)*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc và thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài luyện tập trong SGK hoặc tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm cặp đôi,... và dựa trên kiến thức đã học để *Lập bảng thống kê những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn tồn tại đến ngày nay.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu cơ sở hình thành	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi:	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật

văn minh Văn Lang - Âu Lạc	- Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc và liên hệ được một số thành tựu còn tồn tại đến nay.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu văn minh Văn Lang – Âu Lạc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về văn minh Văn Lang – Âu Lạc.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì II)

Bài 11. VĂN MINH CHĂM – PA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm - pa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được cơ sở hình thành và thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm-pa.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: sử dụng tư liệu để tìm hiểu về các nền văn minh Chăm - pa.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Chăm - pa.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm, trao đổi với bạn và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Giáo dục tinh thần tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ,...

- *Trách nhiệm*: Có ý thức giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá Chăm - pa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ, tranh ảnh, video về Vương quốc Chăm - pa, Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa.

- Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa

- Không tìm hiểu các cơ sở chung chung, chỉ tập trung vào hai cơ sở: điều kiện tự nhiên và dân cư, không phân tích các cơ sở khác.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được cơ sở tự nhiên và dân cư dẫn đến sự hình thành văn minh Chăm - pa.

2. Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa

- Không đi sâu phân tích tất cả các thành tựu, chỉ tập trung vào thành tựu hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày và giới thiệu được thành tựu kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước của nền văn minh Chăm - pa.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về văn minh Chăm-pa.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác,...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV tổ chức cho HV quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh trên thuộc nền văn minh nào ở nước ta? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các hình ảnh... là thành tựu của văn minh Chăm - pa. *Vậy, ngoài thành tựu đó, văn minh Chăm - pa còn đạt được những thành tựu gì và nền văn minh này được hình thành trên cơ sở nào?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa

1. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... để qua đó HV tìm hiểu nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Chăm - pa. Nhấn mạnh: sự hình thành một nền văn minh có thể dựa trên các yếu tố: điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, cơ sở xã hội và một số yếu tố khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị,... liên quan và hoàn thành Phiếu học tập: *Cơ hình thành nền văn minh Chăm - pa:*

Điều kiện tự nhiên	Dân cư
.....
.....
.....

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo Phiếu học tập.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Cơ hình thành nền văn minh Chăm - pa:

Điều kiện tự nhiên	Cơ sở xã hội
<p>- Vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền có địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp, đường bờ biển dài... thuận lợi cho nghề trồng lúa nước, đánh bắt hải sản và giao lưu văn hóa.</p>	<p>- Cư dân bản địa sinh sống lâu dài ở vùng duyên hải và một phần cao nguyên trung phần miền Trung là những người nói tiếng Môn cổ. - Có một bộ phận cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo.</p>

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa

1. Mục tiêu: Nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa và liên hệ một số thành tựu của nền văn minh này còn tồn tại đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu trong SGK hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV nêu được thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Chăm - pa và liên hệ sự tồn tại đó đến ngày nay. GV nhấn mạnh: đây là nền văn minh của cư dân Chăm cổ, để lại giá trị to lớn hình thành nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ: chia 4 nhóm:

Nhóm 1. Tìm hiểu hoạt động kinh tế của cư dân Chăm - pa và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 2. Tìm hiểu đời sống vật chất của cư dân Chăm - pa và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 3. Tìm hiểu đời sống tinh thần của cư dân Chăm - pa và giới thiệu một thành tựu đời sống tinh thần còn tồn tại đến nay.

Nhóm 4. Tìm hiểu tổ chức nhà nước của cư dân Chăm - pa và nên nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước này.

Yêu cầu sản phẩm: các nhóm có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, P.P, Infographics,...

- HV làm việc theo nhóm/cá nhân: thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Hoạt động kinh tế: đa dạng:*

▪ *Nông trồng lúa nước là chủ yếu, chăn nuôi gia súc, đánh cá. Thủ công nghiệp tiêu biểu với nghề dệt, làm gốm, đóng gạch, trao đổi hàng hóa với bên ngoài.*

▪ *Kỹ thuật làm đồ gốm và xây dựng đền tháp rất phát triển.*

+ *Đời sống vật chất:*

▪ *Bữa ăn hàng ngày: gạo nếp, gạo tẻ, kê, đậu, cá thịt...*

- *Trang phục: đơn giản: nam nữ thường quấn một tấm ngang tấm vải từ lưng trở xuống, tai đeo đồ trang sức.*

- *Nhà ở: vua ở trong lầu cao, dân ở nhà sàn bằng gỗ.*

- *Đi lại: thuyền đi biển phổ biến là loại hai đầu nhọn, có cánh buồm, phần đầu lái và mũi thuyền đều uốn cong...*

+ *Đời sống tinh thần:*

- *Chữ viết Chăm ra đời trên cơ sở chữ Phạn được sử dụng trên các văn bia.*

- *Văn học dân gian: cùng tồn tại nhiều thể loại văn học viết thần thoại, truyền thuyết, sử thi, ...*

- *Tín ngưỡng: chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn độ, cư dân Chăm-pa sùng bái 3 vị thần: Si va, Vi-snu, Bra-ma. Phật giáo cũng được truyền bá rộng rãi...*

- *Âm nhạc và ca múa đặc biệt phát triển với các loại nhạc cụ như đàn cầm, trống, kèn... cùng nhiều điệu múa: Áp-sa-ra, cung đình ở đền miếu nhân dịp lễ hội...*

- *Kiến trúc, điêu khắc, chế tác đồ trang sức...*

+ *Sự ra đời nhà nước:*

- *Cư dân Chăm - pa sống trong các làng xóm, quan hệ cộng đồng và thân tộc.*

- *Nhà nước ra đời khoảng thế kỉ II, được tổ chức theo thể chế quân chủ.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Chăm-pa.

2. Cách tổ chức hoạt động: Có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong SGK hoặc tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi... và dựa vào kiến thức đã học có thể ra bài tập liên quan đến cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Chăm - pa. Ví dụ: *Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm. Hoạt động kinh tế nào ngày nay vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam chú trọng?*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Chăm - pa.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung

bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ: *Lựa chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm - pa còn tồn tại đến ngày nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Chăm - pa.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu thành tựu của văn minh Chăm - pa	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được thành tựu của văn minh Chăm - pa	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về văn minh thành tựu của văn minh Chăm - pa.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về văn minh thành tựu của văn minh Chăm - pa.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì II)

Bài 12. VĂN MINH PHÙ NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.

- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được cơ sở hình thành và thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: thông qua tư liệu giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Phù Nam về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: sử dụng tư liệu để tìm hiểu về các nền văn minh Phù Nam.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: thông qua sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm trao đổi với bạn và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Giáo dục tinh thần tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ,...

- *Trách nhiệm*: Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá Phù Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ, tranh ảnh, video về văn hóa Óc Eo và văn minh Phù Nam.

- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.

- Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Cơ sở hình thành văn minh Phù Nam

- Không phân tích những cơ sở chung chung, chỉ tập trung vào hai cơ sở: điều kiện tự nhiên và dân cư, không phân tích các cơ sở khác..

- Mức độ cần làm rõ: nêu được hai cơ sở tự nhiên và dân cư dẫn đến sự hình thành văn minh Phù Nam.

2. Thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Phù Nam

- Không đi sâu phân tích tất cả các thành tựu, chỉ tập trung vào thành tựu hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày, giới thiệu được thành tựu hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Phù Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác các hình ảnh để nêu được hiểu biết đã có của bản thân HV văn minh Phù Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị hình ảnh, trò chơi khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV tổ chức cho HV quan sát hình ảnh/đọc tư liệu/xem video... và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh...thuộc nền văn minh nào ở nước ta? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các hình ảnh,... là thành tựu của nền văn minh Phù Nam. *Vậy, ngoài thành tựu đó, văn minh Phù Nam còn đạt được những thành tựu gì và nền văn minh này được hình thành trên cơ sở nào?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Phù Nam

1. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu gợi ý có trong SGK hoặc tự sưu tầm/xem video ... để qua đó HV tìm hiểu nêu được cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam. Nhấn mạnh: sự hình thành một nền văn minh có thể dựa trên các yếu tố: điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, cơ sở xã hội và một số yếu tố khác. Văn minh Phù Nam có cơ sở hình thành và quá trình phát triển và đạt được những thành tựu to lớn, từ đó so sánh với các nền văn minh khác như văn minh Sông Hồng, văn minh Chăm - pa

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/ xem video và hoàn thành Phiếu học tập: *Cơ hình thành nền văn minh Phù Nam:*

Điều kiện tự nhiên	Cơ sở xã hội
.....

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và hoàn thành Phiếu học tập.
- GV mời một vài nhóm cặp đôi HV báo cáo Phiếu học tập.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam:

Điều kiện tự nhiên	Cơ sở xã hội
<i>- Lưu vực châu thổ sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đổ ra biển. Dải đất và duyên hải kéo dài hơn 3,000 km xung quanh biển Đông đã được kết nối trong những tương tác sôi động ở các thế kỷ tiếp giáp CN. Thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp, khai thác thủy hải sản, buôn bán, ... Đó là cơ sở cho sự ra đời của văn hóa Óc Eo và Phù Nam.</i>	<i>- Cư dân bản địa người Môn cổ kết hợp một bộ phận cư dân từ bên ngoài vào.</i>

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Phù Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Phù Nam và giới thiệu được một số thành tựu của nền văn minh này còn tồn tại đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV tìm hiểu tư liệu nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Phù Nam và liên hệ được một số thành tựu của nền văn minh này còn tồn tại đến nay. GV nhấn mạnh: đây là nền văn minh của cư dân Môn cổ, để lại giá trị to lớn hình thành nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/ quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ nhóm:

Nhóm 1. Tìm hiểu hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 2. Tìm hiểu đời sống vật chất của cư dân Phù Nam và giới thiệu một thành tựu đời sống vật chất còn tồn tại đến nay.

Nhóm 3. Tìm hiểu đời sống tinh thần của cư dân Phù Nam và giới thiệu một thành tựu đời sống tinh thần còn tồn tại đến nay.

Nhóm 4. Tìm hiểu tổ chức nhà nước của cư dân Phù Nam và nêu nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước này.

Yêu cầu sản phẩm: các nhóm có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, P.P, Infographics...

- Các nhóm HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời một vài nhóm HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:
 - + *Hoạt động kinh tế: đa dạng:*
 - *Cư dân Phù Nam lấy sản xuất nông nghiệp làm chính, kết hợp với đánh bắt thủy - hải sản, chế tác kim hoàn, sản xuất thủ công rất phát triển.*
 - *Cư dân chủ thể là nhóm người Mã Lai- Đa Đảo ven biển. Họ có truyền thống hàng hải, thương nghiệp khá phát triển, có kinh nghiệm và tài nghệ trong làm thủy lợi, khai phá và canh tác ở đồng bằng trũng thấp.*
 - + *Đời sống vật chất:*
 - *Nguồn lương thực chính: lúa, gạo và các loại rau củ quả, thịt cá, gia cầm, thủy hải sản,...*
 - *Trang phục: theo từng tầng lớp xã hội: dân nghèo dùng vải may quần áo: áo chui đầu hoặc để trần, dùng vải quấn làm váy, đi chân đất hoặc dép bằng gỗ cây trầm hương. Nhà giàu dùng gấm, lụa, vua đi dép bằng ngà voi.*
 - + *Cư dân đặc biệt thích đồ trang sức vàng bạc.*
 - *Nhà ở: cư dân ở nhà sàn bằng gỗ.*
 - *Đi lại: thuyền bè trên kênh rạch sông biển,...*
 - + *Đời sống tinh thần:*
 - *Chữ viết đã sử dụng từ sớm trên các loại văn tự có loại giống chữ Hán, chữ Phạn khắc trên bia đá, trên vàng.*
 - *Tín ngưỡng: tôn sùng Hin - đu giáo với 3 vị thần: Si va, Vi-snu, Bra-ma. Phật giáo cũng được truyền bá rộng rãi... Dân gian còn có tín ngưỡng sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn.*
 - *Nghệ thuật: tư duy thẩm mỹ cao thể hiện qua chế tác đồ trang sức,...*
 - + *Sự ra đời nhà nước:*
 - *Cư dân Chăm - pa sống trong các làng xóm (phun, sóc) có quan hệ lỏng lẻo.*
 - *Nhà nước ra đời khoảng thế kỉ I, được tổ chức theo thể chế quân chủ.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Phù Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong SGK hoặc GV tự xây dựng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm cặp đôi... và dựa trên kiến thức đã học để hoàn thành Phiếu bài tập liên quan đến cơ sở hình thành văn minh Chăm - pa và thành tựu của văn minh Chăm - pa.

Đặt câu hỏi vào phiếu học tập liên quan đến những điều em muốn tìm hiểu về văn hóa Óc Eo và văn minh Phù Nam.

What Who

How 5W1H When

Why Where

Tên chủ đề:.....

Name..... Date.....

(Ví dụ: *Who: Cư dân của nền văn hóa này là ai? When: Văn hóa Óc Eo được hình thành khi nào?....*)

- HV đặt câu hỏi vào Phiếu học tập nêu những điều em muốn tìm hiểu về văn minh Phù Nam. GV quan sát và hỗ trợ HV (nếu cần).

- GV mời HV sử dụng Phiếu học tập để đặt câu hỏi (HV đặt câu hỏi liên quan đến văn hóa Óc Eo). GV gợi ý cho HV nhận xét, bổ sung.

- GV đánh giá bằng nhận xét dựa trên sản phẩm, giới thiệu cụ thể về văn hóa Óc Eo và căn cứ vào câu hỏi của HV để khẳng định giá trị văn hóa Óc Eo của Vương quốc Phù Nam.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về cơ sở hình thành và thành tựu của văn minh Phù Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Lựa chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Phù Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tìm hiểu lịch sử khi: - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam	Hình thành NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề khi: - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi, thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về văn minh Phù Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về văn minh Phù Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa cuối kì 1)

Nội dung 2. VĂN MINH ĐẠI VIỆT

Nội dung này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Cơ sở hình thành, quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.* 2) *Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt.* GV có thể chủ động chia bài học thành những bài học/hoặc nội dung học tập. Thời lượng của mỗi bài học/đơn vị kiến thức có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 13. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt.
- Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) để nêu được cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Trình bày, giải thích và nhận xét được cơ sở hình thành và sự phát triển của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống:* Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra từ cơ sở hình thành và sự phát triển của văn minh Đại Việt trong dòng chảy văn hóa Việt Nam hiện nay. Có khả năng tự tìm hiểu cơ sở hình thành và sự phát triển của văn minh Đại Việt ở địa phương mình.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* sưu tầm, khai thác, xử lý các tư liệu lịch sử về cơ sở hình thành và sự phát triển của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm trao đổi với bạn và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* và sáng tạo: đề xuất và giải quyết được vấn đề về cơ sở hình thành và sự phát triển của văn minh Đại Việt.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Bồi dưỡng lòng tự hào về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- *Trách nhiệm:* Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc; có tinh thần tự học, vượt khó; yêu lao động. Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ nội dung dạy học (tư liệu về cơ sở hình thành văn minh Đại Việt...).

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Khái niệm văn minh Đại Việt.
- Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái niệm văn minh Đại Việt

- Chỉ tập trung trình bày khái niệm văn minh Đại Việt, không trình bày khái niệm văn minh nói chung.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt.

2. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

- Không phân tích các cơ sở khác, chỉ tập trung vào ba cơ sở: kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được ba cơ sở hình thành văn minh Đại Việt: kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.

3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

- Không phân tích sâu tất cả các vấn đề của văn minh Đại Việt, chỉ tập trung vào khái quát quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về nền văn minh Đại Việt.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị, sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh/đọc tư liệu/xem video... và trả lời câu hỏi: *Kể tên và nêu hiểu biết về các thành tựu văn minh trên.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Đây là những thành tựu khẳng định giá trị của các nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc; nhà nước Đại Việt và những thành tựu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, Ấn Độ... Những ảnh hưởng của các nền văn minh này còn có giá trị tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của nền văn minh gắn liền với sự ra đời của một quốc gia tồn tại rất lâu dài trong lịch sử dân tộc ta - quốc gia Đại Việt. *Vậy nền văn minh đó là nền văn minh nào? Cơ sở nào dẫn đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh này?*

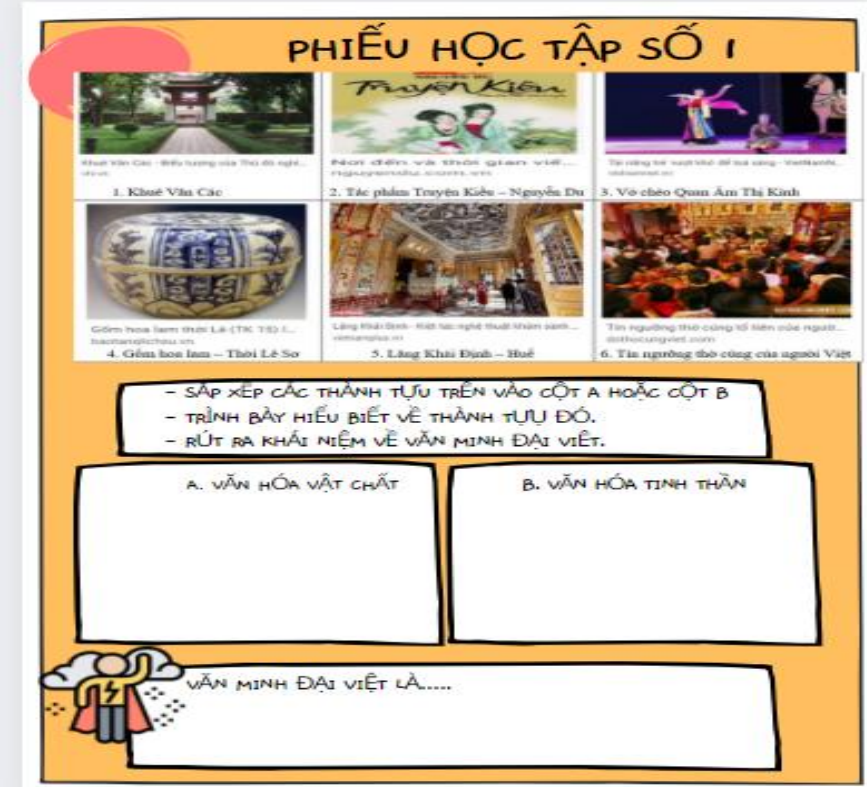
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm văn minh Đại Việt







1. **Mục tiêu:** Giải thích được bản chất của khái niệm văn minh Đại Việt.

2. **Tổ chức hoạt động:** GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV giải thích được bản chất của khái niệm văn minh Đại Việt. Nhấn mạnh: văn minh Đại Việt tiếp nối văn minh Văn Lang – Âu Lạc là một nền văn minh phát triển rực rỡ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video hoặc GV tự chuẩn bị... và hoàn thành Phiếu học tập:



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

 Khuê Văn Các - Biểu tượng của Thủ đô ngàn năm văn hiến. 1. Khuê Văn Các	 Phước duyên với thiên giá... 2. Tác phẩm Truyện Kiều - Nguyễn Du	 Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. 3. Vũ chèo Quan Âm Thị Kính
 Gốm hoa lam thời Lê - (TK 10-14). 4. Gốm hoa lam - Thời Lê Sơ	 Lăng Khải Định - Một tác phẩm tuyệt vời của kiến trúc. 5. Lăng Khải Định - Huế	 Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. 6. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt

- SẮP XẾP CÁC THÀNH TỰU TRÊN VÀO CỘT A HOẶC CỘT B
- TRÌNH BÀY HIỂU BIẾT VỀ THÀNH TỰU ĐÓ.
- RÚT RA KHÁI NIỆM VỀ VĂN MINH ĐẠI VIỆT.

A. VĂN HÓA VẬT CHẤT

B. VĂN HÓA TINH THẦN

VĂN MINH ĐẠI VIỆT LÀ.....

- HV đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh/ và hoàn thành Phiếu học tập.

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Khái niệm văn minh Đại Việt:

+ *Văn minh:* văn (dáng vẻ bề ngoài), minh (sáng): văn minh là trình độ phát triển đến một mức độ nhất định của xã hội loài người, có nền văn hóa vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng.

+ *Văn minh Đại Việt:* là một nền văn hóa vật chất và tinh thần phát triển đến trình độ cao của nhà nước phong kiến Đại Việt suốt trong nhiều thế kỉ (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX). Các công trình kiến trúc Khuê Văn Các tại Văn Miếu Quốc tử giám – Hà Nội; Gốm hoa lam thời Lê Sơ; Công trình lăng vua Khải Định ở Huế) và văn hóa tinh thần (tác phẩm Truyện

Kiều của Nguyễn Du viết bằng chữ Nôm – chữ viết của dân tộc; nghệ thuật chèo - vở chèo Quan Âm Thị Kính và tín ngưỡng thờ cúng của người Việt)... thể hiện sự phát triển cao của văn minh Đại Việt trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

1. Mục tiêu: Trình bày được cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV tìm hiểu tư liệu trình bày được cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/xem video và sưu tầm tư liệu để thực hiện nhiệm vụ theo kỹ thuật các mảnh ghép:

Vòng chuyên gia: GV chia lớp thành 3 nhóm, dựa trên tư liệu (viết và hình ảnh) đã sưu tầm trước ở nhà kết hợp đọc SGK để thực hiện nhiệm vụ:

+ *Nhóm 1: Trình bày và nêu minh chứng về sự hình thành nền văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.*

+ *Nhóm 2: Trình bày và nêu minh chứng về sự hình thành nền văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.*

+ *Nhóm 3: Trình bày và nêu minh chứng về sự hình thành nền văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn minh bên ngoài.*

(Lưu ý: Các nhóm trình bày sản phẩm: Bài thuyết trình, sơ đồ tư duy,...)

Các nhóm nghiên cứu tư liệu, suy nghĩ; trao đổi trao đổi nhóm để hoàn thành sản phẩm. Cả 3 nhóm treo sản phẩm lên bảng.

- Các nhóm báo cáo sản phẩm theo kỹ thuật các mảnh ghép. (Yêu cầu sản phẩm: các nhóm có thể trình bày dưới nhiều hình thức: bài thuyết trình, P.P, Infographics,...)

Vòng mảnh ghép: GV chia lại thành nhóm mảnh ghép dựa trên cơ sở các nhóm chuyên gia: nhóm mảnh ghép hình thành theo quy ước mỗi nhóm đều có thành viên của các nhóm chuyên gia trước đó.

+ *Nhóm Văn Lang – Âu Lạc: các HV có số thứ tự 1,2,3,..*

+ *Nhóm Đại Việt: các HV có số thứ tự 4,5,6...*

+ *Nhóm Trung - Ấn: các HV có số thứ tự 7,8,9...*

Các mảnh ghép báo cáo sản phẩm, các nhóm khác nhận xét sản phẩm và báo cáo theo Phiếu đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NHÓM

Tên nhóm được đánh giá:

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm đánh giá</i>
--------------------------	--------------------	----------------------

1. Nội dung	Nội dung chính xác, đầy đủ theo yêu cầu	20	
	Kiến thức đúng	30	
2. Bố cục trình bày	Bố cục hợp lí, rõ ràng, dễ theo dõi	10	
	Nền chữ và kích thước dễ nhìn	10	
	Chính tả, văn phạm	10	
3. Sản phẩm	Tính độc đáo, sáng tạo cao	10	
4. Hoạt động nhóm	Hiệu quả	10	
TỔNG ĐIỂM		100	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

(Dành cho nhóm trưởng)

Họ và tên thành viên:.....; Nhóm:.....

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm đánh giá</i>
Tham gia tích cực, chủ động trong quá trình học tập nhóm	25	
Tham gia đóng góp ý kiến nhóm	25	
Hoàn thành công việc của nhóm giao có chất lượng	25	
Ý tưởng có giá trị và hợp tác hiệu quả với các thành viên khác trong nhóm	25	
Tổng	100	

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt:

- + *Kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc, đặc biệt là truyền thống tốt đẹp của văn minh Văn Lang – Âu Lạc và những di sản đặc sắc.*
- + *Dựa trên nền độc lập, tự chủ và phát triển của quốc gia Đại Việt:*
 - *Sự ra đời và phát triển của quốc gia Đại Việt độc lập, tự chủ trong suốt nhiều thế kỉ (từ thời Ngô – Đinh – Tiền Lê thế kỉ X đến thời nhà Nguyễn thế kỉ XIX).*
 - *Sự đóng góp của nhân dân để xây dựng và phát triển một nền văn hóa dân tộc rực rỡ trên nhiều lĩnh vực để tạo nên nền văn minh Đại Việt.*
- + *Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh từ bên ngoài:*
 - *Tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.*
 - *Tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ.*



Trong các cơ sở hình thành văn minh Đại Việt kể trên, cơ sở nào là quan trọng nhất? Tại sao?.

Mỗi yếu tố trên đều có vai trò quan trọng đối với sự hình thành của nền văn minh Đại Việt. Đối với sự hình thành nền văn minh Đại Việt, yếu tố đó chính là quốc gia Đại Việt. Bởi vì một nền văn minh chỉ được xây dựng dựa trên cơ sở của sự ra đời và phát triển của chính quốc gia đó. Văn minh Đại Việt hình thành và phát triển dựa trên chính sự ra đời và phát triển của quốc gia phong kiến Đại Việt độc lập, tự chủ (định hình từ nhà Ngô – Đinh – Tiền Lê ở thế kỉ X, trải qua quá trình phát triển thời Lý – Trần, Lê Sơ, Lê Mạt, Lê Trung hưng và đến nhà Nguyễn ở đầu cho đến giữa thế kỉ XIX). Cùng với Nhà nước, để xây dựng nên quốc gia Đại Việt vững mạnh không thể không đề cập đến sự đóng góp của nhân dân trong xây dựng và phát triển một nền văn hóa dân tộc rực rỡ trên nhiều lĩnh vực để tạo nên nền văn minh Đại Việt vừa có tính tiếp nối, kế thừa (văn minh Văn Lang – Âu Lạc), chọn lọc (tinh hoa văn minh Trung - Ấn), vừa mang nét đặc sắc riêng. Trên cơ sở hình thành đó, nền văn minh Đại Việt đã phát triển như thế nào?

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

1. Mục tiêu: Nêu được các giai đoạn phát triển nền văn minh Đại Việt.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/hoặc timeline... để HV tìm hiểu, nêu được các giai đoạn phát triển nền văn minh Đại Việt.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân: đọc SGK thực hiện nhiệm vụ: *Hoàn thiện sơ đồ trục thời gian các giai đoạn phát triển của văn minh Đại Việt.*

- HV nghiên cứu tư liệu, suy nghĩ; trao đổi trao đổi để hoàn thành sản phẩm.

- HV báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến khái niệm, cơ sở hình thành và quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong SGK hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về khái niệm, cơ sở hình thành và quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt để: *Vẽ sơ đồ tư duy để củng cố, hệ thống hóa lại kiến thức về khái niệm, cơ sở hình thành và quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt.*

- HV làm việc cá nhân, nhóm cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.

- HV tham gia trò chơi, báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: nhấn mạnh những điểm quan trọng về sự hình thành và phát triển của văn minh Đại Việt, đồng thời so sánh với sự hình thành của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước đó (văn minh Văn Lang – Âu Lạc; văn minh Chăm-pa; văn minh Phù Nam). Các nền văn minh này hình thành dựa trên cơ sở sự ra đời của các nhà nước Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam và ít nhiều cũng đã chịu tác động của nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để giải thích về khái niệm, cơ sở hình thành và quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

- GV yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ: Câu lạc bộ Sử học của trường phát động cuộc thi viết bài cho Chuyên mục *Dấu ấn văn hóa Việt*. *Em hãy chọn một nội dung về cơ sở hình thành và phát triển của văn minh Đại Việt mà em quan tâm và muốn tìm hiểu để viết bài giới thiệu gửi chuyên mục.* (Gợi ý: có thể chọn một nội dung về cơ sở hình thành hoặc một giai đoạn phát triển để viết bài. Bài viết cần nêu: Tên của vấn đề được lựa chọn; Nội dung chính; Vị trí, tác động, ảnh hưởng... của vấn đề đối với sự phát triển của văn hóa Việt hiện nay).

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BÀI VIẾT

Tên HV được đánh giá:

Tiêu chí đánh giá		Tốt	Đạt
1. Tiêu đề bài viết	Ngắn gọn, rõ ràng		

	Đúng nội dung		
2. Nội dung giới thiệu	Có luận điểm rõ ràng		
	Minh chứng phong phú		
3. Văn phong	Chính tả, văn phạm		
TỔNG			

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái niệm văn minh Đại Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Giải thích được bản chất của khái niệm văn minh Đại Việt	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu cơ sở hình thành văn minh Đại Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	Hình thành NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được các giai đoạn phát triển nền văn minh Đại Việt.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)

Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi:	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.	Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì II)

Bài 14. MỘT SỐ THÀNH TỰU TIÊU BIỂU VÀ Ý NGHĨA CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu thành tựu của văn minh Đại Việt.
- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật.
- Trình bày được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam.
- Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Nhận diện được các loại hình tư liệu; sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để nêu được một số thành tựu của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt, từ đó nhận xét được giá trị của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong việc bảo tồn và phát huy giá trị những thành tựu của văn minh Đại Việt trong dòng chảy văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay. Có khả năng tự tìm hiểu thành tựu của văn minh Đại Việt ở địa phương mình.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Sưu tầm, khai thác, xử lý chính xác các tư liệu lịch sử về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm trao đổi với bạn và với GV phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất và giải quyết được vấn đề thành tựu của văn minh Đại Việt.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Bồi dưỡng lòng tự hào về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc; có tinh thần tự học, vượt khó; yêu lao động. Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu (thư tịch cổ/các nguồn sử liệu khác) phục vụ nội dung dạy học (tư liệu về thành tựu và ý nghĩa của văn minh Đại Việt...).

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Những thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt.
- Ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Những thành tựu cơ bản văn minh Đại Việt

- Chỉ tập trung nêu một số thành tựu cơ bản, tiêu biểu của văn minh Đại Việt, không trình bày dàn trải, tất cả các thành tựu văn minh Đại Việt nói chung.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được các thành tựu văn minh Đại Việt.

2. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt

- Chỉ tập trung vào ý nghĩa sự ra đời, phát triển với nhiều thành tựu của văn minh Đại Việt đối với lịch sử ngàn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV để kể được tên một thành tựu của văn minh Đại Việt còn tồn tại trên quê hương và nêu những hiểu biết về thành tựu văn minh đó.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV sử dụng câu hỏi/hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: *Kể tên một thành tựu của văn minh Đại Việt còn tồn tại trên quê hương em và nêu những hiểu biết về thành tựu văn minh đó.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- HV trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Dựa trên

câu trả lời của HV, GV khẳng định: Đó là một trong số thành tựu (vật chất hoặc tinh thần) của nền văn minh Đại Việt có giá trị trường tồn đến ngày nay. Vậy chúng ta có muốn tiếp tục tìm hiểu thêm *những thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa của nền văn minh Đại Việt và ý nghĩa, giá trị của nền văn minh này không?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số thành tựu của văn minh Đại Việt

1. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV tìm hiểu để nêu được một số thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt. Nhấn mạnh: văn minh Đại Việt tiếp nối văn minh Văn Lang – Âu Lạc là một nền văn minh phát triển rực rỡ với nhiều thành tựu phong phú.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong SGK/xem video và hoạt động nhóm theo phương pháp đóng vai tình huống.

+ *Nhóm 1: Đóng vai chính trị gia phân tích và đánh giá thành tựu của văn minh Đại Việt về chính trị.*

+ *Nhóm 2: Đóng vai phóng viên viết bài phóng sự đánh giá thành tựu kinh tế của văn minh Đại Việt.*

+ *Nhóm 3: Đóng vai nhà nghiên cứu văn hóa đánh giá thành tựu văn hóa của văn minh Đại Việt.*

(Lưu ý: Các nhóm có thể trình bày đa dạng sản phẩm: Phiếu học tập, sơ đồ tư duy, Tập san văn hóa....)

- Các nhóm đọc SGK, tư liệu, phân công thực hiện nhiệm vụ để hoàn thành sản phẩm.

- Các nhóm đóng vai để báo cáo sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công:

+ **Nhóm 1: Đóng vai nhà chính trị trao đổi về: Thành tựu về chính trị của văn minh Đại Việt.**

(Gợi ý: **Tình huống 1.** Đóng vai chính trị gia: trao đổi với nhóm HV yêu thích tìm hiểu nền văn minh Đại Việt về tổ chức nhà nước và luật pháp. Câu hỏi trao đổi:

1. Tổ chức bộ máy của Đại Việt có được xây dựng thống nhất không? Tại sao?

2. Có ý kiến cho rằng tổ chức bộ máy nhà nước của quốc gia Đại Việt ngày càng được hoàn thiện: từ nhà nước sơ khai ở thế kỉ X; bước phát triển ở thời Lý, Trần; phát triển đỉnh cao ở thời Lê sơ và khủng hoảng, suy yếu ở thời Nguyễn. Ý kiến của ông về vấn đề này như thế nào? Tại sao?

3. Ông có thể nói rõ việc quản lý đất nước bằng luật pháp của quốc gia Đại Việt. Nội dung nào thể hiện sự tiến bộ trong các bộ luật được soạn thảo thời quốc gia Đại Việt?).

+ Nhóm 2: Đóng vai phóng viên viết bài phóng sự: *Đánh giá thành tựu kinh tế của văn minh Đại Việt.*

(Gợi ý: **Tình huống 2.** Đóng vai nhóm phóng viên viết bài phóng sự về thành tựu kinh tế của văn minh Đại Việt. Vấn đề cần tập trung cho bài viết:

1. Tình hình kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp của quốc gia Đại Việt phát triển như thế nào qua các thời kì?

2. Điểm chung và chính sách nổi bật trong phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp của quốc gia Đại Việt qua các thời kì được thể hiện như thế nào?

3. Bài học nào có thể rút ra được từ thành tựu phát triển kinh tế của quốc gia Đại Việt có thể vận dụng trong phát triển kinh tế đất nước ta hiện nay?).

+ Nhóm 3: Đóng vai nhà nghiên cứu văn hóa thiết kế Tập san văn hóa: *Đánh giá thành tựu văn hóa của nền văn minh Đại Việt.*

(Gợi ý: **Tình huống 3.** Đóng vai nhà nghiên cứu văn hóa thiết kế Tập san văn hóa: Thành tựu văn hóa của văn minh Đại Việt. Nội dung chuyên mục của tập san tập trung vào:

1. Xã luận tổng quan: Giới thiệu thành tựu văn hóa của văn minh Đại Việt.

2. Điểm đặc sắc trong thành tựu văn hóa trên tất cả các lĩnh vực: tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng; Giáo dục; Chữ viết và văn học; Khoa học, kĩ thuật và Nghệ thuật văn minh Đại Việt qua các thời kì là gì? Có hình ảnh kèm theo.

3. Những thành tựu văn hóa nào của văn minh Đại Việt còn tồn tại đến nay? Cần làm gì để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đó ?)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NHÓM

Tên nhóm được đánh giá:

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tình huống đóng vai	Tập trung giải quyết tốt nhiệm vụ nhóm được phân công (kiến thức chính xác, đầy đủ)	30	
	Có minh chứng	20	
	Kịch bản logic, hấp dẫn, lôi cuốn	10	
2. Tình huống đóng vai	Các vai diễn hợp lí, rõ ràng	10	
	Ngôn ngữ chính xác, có điểm nhấn	10	
	Có xúc cảm	10	
3. Phối hợp nhóm	Hiệu quả	10	
TỔNG ĐIỂM		100	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

(Dành cho nhóm trưởng)

Họ và tên thành viên:.....; Nhóm:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm
Tham gia tích cực, chủ động trong quá trình làm việc nhóm	25	
Tham gia đóng góp ý kiến nhóm	25	
Hoàn thành công việc của nhóm giao có chất lượng	25	
Ý tưởng có giá trị và hợp tác hiệu quả với các thành viên khác trong nhóm	25	
Tổng	100	

- GV mời một vài HV trình bày ý kiến.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Các thành tựu của văn minh Đại Việt:

1. Chính trị

* *Tổ chức bộ máy nhà nước:*

- *Từ thế kỉ X – định hình tổ chức nhà nước phong kiến cho đến khi quốc gia Đại Việt ra đời (1054) và phát triển đến giữa thế kỉ XIX tổ chức nhà nước phong kiến Đại Việt đã không ngừng được củng cố, hoàn thiện từ trung ương đến địa phương (Ban đầu thể chế quân chủ còn sơ khai (Ngô, Đinh, Tiền Lê, quân chủ quý tộc (Lý – Trần), rồi quân chủ quan liêu (Hồ - Lê sơ, Lê mạt, Lê Trung hưng, Tây Sơn, Nguyễn).*

- *Vai trò tổ chức, quản lí của nhà nước ngày càng chặt chẽ, tiêu biểu là thời Lê sơ – Lê Thánh Tông.*

* *Luật pháp: được coi là công cụ để nhà nước tăng cường quản lí xã hội. Các luật lệ (Tiền Lê), bộ luật Hình thư (Lý), Hình luật (Trần), Quốc triều hình luật – luật Hồng Đức (Lê sơ), Hoàng triều luật lệ (Nguyễn) ra đời.*

2. Kinh tế

* *Nông nghiệp*

- *Nhà nước chú trọng chăm lo, phát triển với nhiều chính sách tiến bộ: đắp đê, khai hoang, chính sách Quân điền....*

- *Đạt nhiều thành tựu: phương thức và kĩ thuật canh tác có nhiều tiến bộ góp phần tăng năng suất.*

* *Thủ công nghiệp*

- *Nhà nước chú trọng chăm lo, phát triển cả thủ công nghiệp truyền thống trong nhân dân và thủ công nghiệp nhà nước.*

- Đạt nhiều thành tựu:
- + Thủ công nghiệp nhân dân: các ngành dệt lụa, đồ gốm, đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy, nhuộm... xuất hiện cả những nghề mới: tranh sơn mài, làm giấy, khắc bản in, làm đồng hồ...
- + Thủ công nghiệp nhà nước: chú trọng phát triển với Cục bách tác sản xuất đồ dùng phục vụ nhà vua và triều đình: đúc tiền, đóng thuyền lớn, sản xuất vũ khí cho quân đội...
- * Thương nghiệp
- Phát triển do sự phát triển của kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp và sự quan tâm khuyến khích của nhà nước.
- Đạt nhiều thành tựu:
- + Nội thương: buôn bán phát triển thông qua hệ thống chợ làng, chợ huyện. Kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.
- + Ngoại thương: trao đổi, buôn bán với nước ngoài ngày càng mở rộng với thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ, Gia-va, Xiêm... với phương Tây thông qua các cảng và các đô thị: Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An...

3. Văn hóa

- * Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng
- Tư tưởng: yêu nước thương dân “lấy dân làm gốc” là chủ đạo.
- Tôn giáo: đạo Nho, Phật, Đạo giáo, Hồi giáo, Công giáo du nhập và phát triển.
- Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên được duy trì.
- * Giáo dục: Hệ thống giáo dục được mở rộng nhằm đào tạo tầng lớp quan lại. Nhà nước chú trọng phát triển giáo dục: xây dựng Văn Miếu, Quốc Tử Giám...
- * Chữ viết và văn học
- Chữ viết: ngoài chữ Hán, người Việt sáng tạo ra chữ Nôm, chữ Quốc ngữ ra đời (thế kỉ XVII).
- Văn học: chữ Hán, chữ Nôm, văn học dân gian đều phát triển.
- * Nghệ thuật:
- Kiến trúc: phát triển mạnh mẽ: cung điện, thành quách, chùa, tháp, đền, đình... được xây dựng ở nhiều nơi: Hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ, chùa Một Cột...
- Điêu khắc: trên đá, gỗ, gốm thể hiện phong cách đặc sắc, tinh xảo, đặc biệt dưới thời Lý, Trần, Lê sơ...
- Âm nhạc: phát triển mạnh nhạc dân gian, nhạc cung đình... với các nhạc cụ phong phú: trống, đàn, sáo... Nghệ thuật sân khấu với nhiều loại hình: chèo, tuồng, ví dặm...
- Lễ hội: tổ chức quanh năm với nhiều hình thức phong phú: hội mùa, Tết Nguyên đán, Lễ Tịch điền, Thanh minh, Đoan ngoạ...
- * Khoa học, kĩ thuật: đạt nhiều thành tựu:

Bảng 15. Thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật

LĨNH VỰC	THÀNH TỰU
Sử học	Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán. Nhiều bộ sử lớn được biên soạn, như <i>Đại Việt sử kí</i> (Lê Văn Hưu), <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê), <i>Đại Việt thông sử</i> (Lê Quý Đôn), <i>Lịch triều hiến chương loại chí</i> (Phan Huy Chú),...
Địa lí	<i>Dư địa chí</i> (Nguyễn Trãi), <i>Hồng Đức bản đồ</i> (triều Lê sơ), <i>Gia Định thành thông chí</i> (Trịnh Hoài Đức), <i>Hoàng Việt nhất thống dư địa chí</i> (Lê Quang Định),...
Quân sự	<i>Binh thư yếu lược</i> , <i>Vạn Kiếp tông bí truyền thư</i> (Trần Quốc Tuấn); <i>Hồ trướng khu cơ</i> (Đào Duy Từ),...
Y học	<i>Nam dược thần hiệu</i> (Nguyễn Bá Tĩnh – Tuệ Tĩnh), <i>Hải Thượng y tông tâm lĩnh</i> (Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác),...
Toán học	<i>Đại thành toán pháp</i> (Lương Thế Vinh), <i>Lập thành toán pháp</i> (Vũ Hữu),...
Kĩ thuật	Đúc súng thần cơ, đại bác, đóng thuyền chiến (Cổ lâu), xây dựng thành lũy (Hoàng thành Thăng Long, kinh thành Huế),...

Nhiều thành tựu (cả vật chất và tinh thần) của văn minh Đại Việt còn lưu lại đến nay. Các thành tựu đó tồn tại quanh ta, là những thành tựu đã đi vào trong cuộc sống, sinh hoạt của mỗi gia đình, tồn tại trên quê hương mình. Vậy những thành tựu của văn minh có những ý nghĩa và hạn chế nào?

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ý nghĩa của văn minh Đại Việt

1. Mục tiêu: Nêu được ưu điểm, hạn chế và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Đại Việt.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong SGK hoặc tự sưu tầm/ xem video,... trao đổi, đàm thoại để trình bày được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc toàn lớp trao đổi vấn đề: Từ những thành tựu của văn minh Đại Việt vừa tìm hiểu hãy: *Nêu nhận xét về ưu điểm/hạn chế và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Đại Việt.*

- HV suy nghĩ, nêu nhận xét riêng.

- GV mời một HV nêu ý kiến nhận xét về ưu điểm/hạn chế và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Đại Việt. HV khác trao đổi, bổ sung.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: với sự phát triển vượt bậc (so với các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước đó), văn minh Đại Việt có những ưu điểm, nhưng đồng thời vẫn còn có những hạn chế và có ý nghĩa giá trị đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc Việt Nam hiện nay.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến một số thành tựu cơ bản và ý nghĩa của văn minh Đại Việt.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để thực hiện các nội dung luyện tập đạt được yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý luyện tập trong SGK hoặc do GV chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo cá nhân/nhóm cặp đôi... và dựa trên kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ. Ví dụ: *Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức về thành tựu và ý nghĩa của văn minh Đại Việt.*

- HV làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

- HV báo cáo kết quả.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: GV nhận xét, nhấn mạnh những điểm quan trọng về thành tựu và ý nghĩa của văn minh Đại Việt, đồng thời so sánh với sự hình thành của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước đó (văn minh Văn Lang – Âu Lạc; văn minh Chăm - pa; văn minh Phù Nam). Các nền văn minh này hình thành dựa trên cơ sở sự ra đời của các nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, Chăm - Pa, Phù Nam và ít nhiều cũng đã chịu tác động của nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng những điều đã học để liên hệ được về thành tựu cơ bản và ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ sau đây:

1. Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu một thành tựu văn minh Đại Việt còn tồn tại đến nay ở địa phương em hoặc em ấn tượng nhất.

(Gợi ý: Bài giới thiệu cần nêu được: Tên thành tựu; Giá trị của thành tựu đến ngày nay; Thiết kế tour đến...)

2. Chọn và khảo sát một thành tựu văn minh Đại Việt ở địa phương em hoặc em biết còn tồn tại đến nay và viết báo cáo đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị của thành tựu đó.

(Gợi ý: Báo cáo cần nêu được: Tên thành tựu; Giá trị của thành tựu; Thực trạng khảo sát; Đề xuất phương án bảo tồn, tôn tạo...).

- HV tiếp nhận nhiệm vụ, đăng kí lựa chọn cho bài tập.

- Thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Nộp bài qua zalo, mail....

- GV đánh giá sản phẩm, nhận xét về ý thức, chất lượng bài làm của HV.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được một số thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu ý nghĩa của văn minh Đại Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Nêu được ưu điểm, hạn chế và ý nghĩa của những thành tựu văn minh Đại Việt.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu văn minh Đại Việt.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về văn minh Đại Việt.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì II)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 5

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 5. *Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước (năm 1858)* gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Văn minh Chăm - Pa; Văn minh Phù Nam và Văn minh Đại Việt*, được dạy trong 12 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 3 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.

- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 5. Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước (năm 1858) cung cấp cho người học hiểu biết về cơ sở hình thành và những thành tựu tiêu biểu của ba nền văn minh: văn minh Văn Lang – Âu Lạc; văn minh Chăm - pa; văn minh Phù Nam. GV có thể tổ chức 3 tiết Thực hành lịch sử tương ứng với ba nền văn minh, hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về ba nền văn minh dưới hình thức *Tổ chức dạy học theo dự án* như *Tìm hiểu Kinh đô của các nền văn minh...* hoặc *Tổ chức làm bài tập lịch sử để ôn tập kiến thức...**

CHỦ ĐỀ 6: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 6 tiết

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) Các dân tộc trên đất nước Việt Nam; 2) Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam, dạy trong 6 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 15. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
- Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
- Trình bày được nét chính đời sống vật chất cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Nêu được nét chính đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử*: Biết sưu tầm, sử dụng các tư liệu để thành phần dân tộc theo dân số của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để giải quyết vấn đề đặt ra liên quan đến các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu về các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: phát huy tinh thần tập thể để cùng giải quyết nhiệm vụ theo ý tưởng sáng tạo của nhóm nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt và theo tiêu chí mà GV đưa ra thông qua việc sử dụng ngôn ngữ, làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: giáo dục niềm tự hào về sự phong phú, đa dạng của cộng đồng các dân tộc, tự hào về tình đoàn kết, khối thống nhất của các dân tộc Việt Nam.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và sự đoàn kết dân tộc.

- *Chăm chỉ*: Có ý thức học tập, tìm hiểu về cộng đồng các dân tộc Việt Nam để hiểu hơn về lịch sử, truyền thống dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Suu tầm tư liệu, ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Thành phần dân tộc theo dân số.

- Việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.

- Nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Tập trung tìm hiểu thành phần dân tộc theo dân số.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.

2. Thành phần dân tộc theo ngữ hệ

- Tập trung tìm hiểu thành phần dân tộc theo ngữ hệ.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.

3. Nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Tập trung tìm hiểu đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

4. Nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Tập trung tìm hiểu đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Nêu được thành tựu của văn minh Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin tư liệu/ quan sát tranh ảnh/sử dụng phiếu KWD (điều em đã biết, điều em muốn biết, điều em cần làm)... để được những điều đã biết và những điều muốn biết về các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Đây là những hiểu biết ban đầu về các dân tộc Việt Nam. *Vậy các dân tộc Việt Nam phân chia theo thành phần dân tộc, theo ngữ hệ như thế nào? Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam ra sao?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu thành phần dân tộc theo dân số

1. Mục tiêu: Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng bảng thống kê/hoặc xem [video](#) ... để:

1) Kể tên một số dân tộc trên đất nước Việt Nam mà em biết;

2) Hãy kể tên các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có số dân trên 1 triệu người và các dân tộc có số dân dưới 5000 người;

3) Nêu nhận xét về thành phần, qui mô dân số theo dân tộc ở Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Việt Nam có 54 dân tộc anh em, dân tộc có số dân đông nhất là người Kinh và có 53 dân tộc thiểu số, trong đó có 6 dân tộc có số dân trên 1 triệu người (Thái, Mường, Khơme...), có 11 dân tộc có số dân dưới 5000 người.*

+ *Nhận xét: Các dân tộc theo dân số ở Việt Nam có sự chênh lệch khá lớn: dân tộc có số dân đông nhất là người Kinh và có dân tộc có số dân dưới 5000 người. Các dân tộc cư trú phân tán và đan xen, đặc biệt ở vùng núi phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long.*

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu thành phần dân tộc theo ngữ hệ

1. Mục tiêu: Nêu được thành phần dân tộc theo ngữ hệ.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: sử dụng sơ đồ... để hoàn thành Phiếu học tập:

1) Kể tên những ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam.


2) Nêu nhận xét được thành phần các dân tộc Việt Nam theo ngữ hệ.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

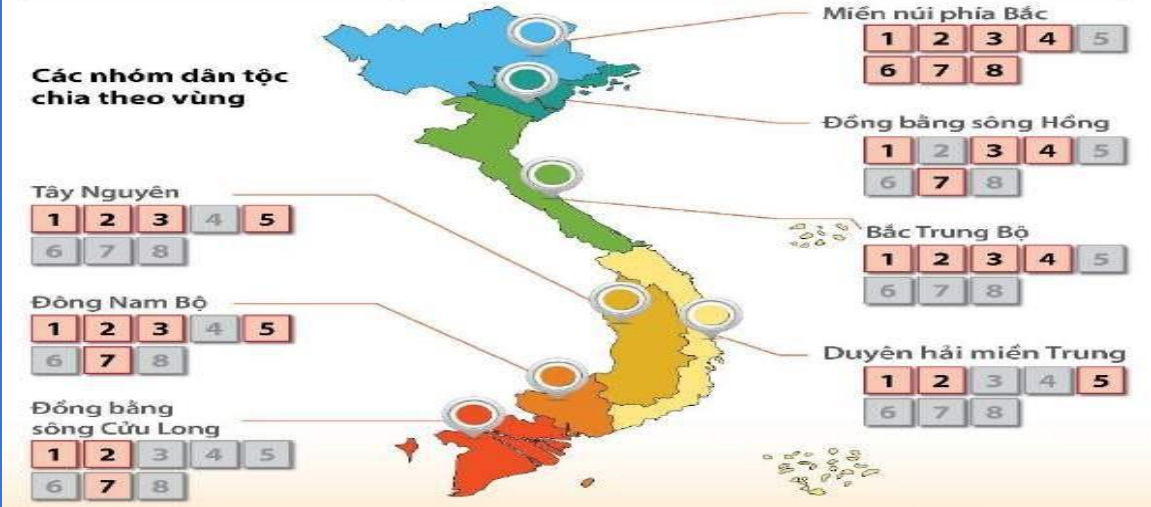
Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Nước ta có thành phần 54 dân tộc. Cộng đồng các dân tộc được xếp theo 8 nhóm văn hóa ngôn ngữ tộc người khác nhau, có ngôn ngữ và văn hóa truyền thống đặc sắc riêng.



	Nhóm Văn hoá Ngôn ngữ	Dân tộc
1	Việt - Mường (4 dân tộc)	Kinh, Mường, Thổ, Chứt.
2	Môn - Khmer (21 dân tộc)	Khmer, Ba na, Xơ đăng, Cơ ho, H'rê, Mnông, X'tiêng, Bru Vân kiều, Cơ tu, Gié Triêng, Mạ, Khơ mú, Co, Tà ôi, Chơ ro, Kháng, Xinh mun, Mảng, Brâu, Ô đư, Rơ măm.
3	Tày - Thái (8 dân tộc)	Tày, Thái, Nùng, Sán Cháy, Giáy, Lào, Lự, Bô y.
4	H'mông - Dao (3 dân tộc)	Dao, H'mông, Pà thên.
5	Mã Lai - Đa Đảo (5 dân tộc)	Chăm, Chu ru, Gia rai, Ê đê, Ra glai.
6	Tạng - Mianma (6 dân tộc)	Hà nì, La hủ, Phù lá, Lô lô, Cống, Si la.
7	Hán (3 dân tộc)	Hoa, Ngái, Sán đìu.
8	Ka Đai (4 dân tộc)	Cờ lao, La chí, La ha, Pu péo.

Các nhóm dân tộc chia theo vùng



Nguồn: Ủy ban Dân tộc; TTXVN.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng tư liệu ... đóng vai Hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:

Nhóm 1. Giới thiệu hoạt động kinh tế đặc sắc (nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhận xét vị trí, vai trò của kinh tế nông nghiệp, thủ công và thương nghiệp trong đời sống cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nhóm 2. Giới thiệu đời sống vật chất (ăn, ở, mặc, đi lại) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhận xét về vị trí, vai trò đời sống vật chất (ăn, ở, mặc, đi lại) trong đời sống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Các nhóm HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời các nhóm HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Các hoạt động kinh tế đặc sắc (nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:*

▪ *Hoạt động kinh tế chính của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là sản xuất nông nghiệp: cây lương thực chính là lúa tẻ, lúa nếp, ngô. Cộng đồng các dân tộc đều kết hợp trồng trọt và chăn nuôi.*

▪ *Thủ công nghiệp: phát triển nhiều nghề thủ công nghiệp: dệt vải, làm gốm, rèn đúc nông cụ, đồ gỗ... sản phẩm mang nét đặc trưng của các dân tộc.*

▪ *Hoạt động thương nghiệp ở trong nước với nước ngoài cũng phát triển mạnh thông qua hệ thống các chợ địa phương và các trung tâm buôn bán.*

+ *Đời sống vật chất (ăn, ở, mặc, đi lại) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:*

▪ *Ăn: Com tẻ, các loại thủy hải sản, uống nước chè... là truyền thống của đồng bào các dân tộc.*

▪ *Ở: người Kinh thường ở nhà trệt, xây dựng kiên cố; đồng bào các dân tộc thiểu số thường ở nhà sàn, cấu trúc nhà ở rất đa dạng.*

▪ *Mặc: Mỗi dân tộc đều có những nét riêng về kiểu dáng, màu sắc, hoa văn...*

▪ *Phương tiện đi lại: rất đa dạng*

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng tư liệu ... để giới thiệu về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:

Nhóm 1. Giới thiệu các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhận xét về các hoạt động đó.

Nhóm 2. Giới thiệu phong tục, tập quán, lễ hội của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhận xét về phong tục, tập quán, lễ hội đó.

Nhóm 3. Giới thiệu các loại hình nghệ thuật của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhận xét về các loại hình nghệ thuật đó.

- Các nhóm HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời các nhóm HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Tín ngưỡng, tôn giáo:*

▪ *Cộng đồng dân tộc đều có tín ngưỡng, tôn giáo riêng:*

▪ *Người Kinh: tôn thờ những tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp: vạn vật hữu linh, thờ cúng tổ tiên, thờ người có công, thờ Mẫu, thờ thành hoàng làng...*

▪ *Tôn giáo: tiếp thu Phật giáo, Công giáo và đạo Tin lành...*

▪ *Các dân tộc: duy trì tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh, tô tem giáo...*

▪ *Tôn giáo: đã và đang tiếp thu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới: Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo...*

+ *Phong tục, tập quán, lễ hội: mỗi cộng đồng dân tộc có phong tục, tập quán, lễ hội đặc sắc riêng:*

▪ *Người Kinh: có nhiều phong tục tập quán liên quan đến vòng đời (sinh đẻ, cưới hỏi, ma chay), chu kỳ canh tác (xuống đồng, cày mướn...), chu kỳ thời gian/lễ tiết (Tết Nguyên đán, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung thu...)*

▪ *Lễ hội: phong phú, đa dạng (lễ hội tôn giáo, tưởng nhớ các anh hùng,... như Giỗ tổ Hùng Vương...).*

▪ *Các dân tộc thiểu số: duy trì phong tục tập quán liên quan đến vòng đời (sinh đẻ, cưới hỏi, ma chay), chu kỳ canh tác (làm đất, gieo trồng, thu hoạch...).*

▪ *Lễ hội: tổ chức với quy mô làng bản, tộc người. Các lễ hội phổ biến: lễ tế thần, lễ hội cày mướn, chùa chiền (người Khơ me...).*

+ *Các loại hình nghệ thuật:*

▪ *Người Kinh: các loại hình nghệ thuật phong phú: múa rối nước, chèo, tuồng, đờn ca tài tử, ca trù, hát xoan, dân ca Quan họ...*

▪ *Các dân tộc thiểu số: các làn điệu, điệu múa và nhạc cụ riêng: dân ca, múa xòe, thổi các loại khèn, sáo, sử dụng trống và các bộ gõ bằng tre, nứa...*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Cùng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của

bài học. Có thể dựa vào gợi ý hoạt động luyện tập trong SGK hoặc do GV đề xuất.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/theo nhóm và dựa trên kiến thức đã học để vẽ sơ đồ trực/lập bảng thông kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.... Ví dụ:

Hoàn thành Phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP KWL

K

Em đã biết gì về các dân tộc trên đất nước Việt Nam?

W

Em có mong muốn và để xuất gì khi học về bài Các dân tộc trên đất nước Việt Nam?

L

Em đã học thêm được điều gì sau khi học xong bài này?

Họ và tên: _____ Lớp: _____

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để giới thiệu được về cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Sưu tầm tư liệu, hình ảnh và viết bài giới thiệu một nét đặc sắc về đời sống vật chất hoặc tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu thành phần	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm

dân tộc theo dân số	lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được thành phần dân tộc theo dân số	Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu thành phần dân tộc theo ngữ hệ	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được thành phần dân tộc theo ngữ hệ	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)

Bài 16. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

- Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

- Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

- Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh.

- Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

1. Năng lực

- *Tìm hiểu lịch sử:* Thông qua khai thác và sử dụng các thông tin, tư liệu nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam; nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh.

- *Nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua các nguồn sử liệu đã khai thác, phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Từ những kiến thức đã học và quá trình tự tìm hiểu liên hệ vào cuộc sống (có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc).

- *Hình thành năng lực tự chủ và tự học:* có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* làm việc nhóm, trao đổi để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua tìm hiểu tư liệu lịch sử, giao tiếp và làm việc nhóm để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến xây chủ đề khối đại đoàn kết dân tộc trong Lịch sử Việt Nam.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Tự hào về những giá trị tốt đẹp mà khối đại đoàn kết dân tộc mang lại, có ý thức góp công sức của bản thân vào sự nghiệp của đất nước.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong học tập, hình thành bước đầu ý thức của một công dân Việt Nam với bề dày lịch sử đoàn kết dân tộc, hành động đúng đắn góp phần duy trì khối đại đoàn kết dân tộc tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan,... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc.
- Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.
- Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

- Tập trung tìm hiểu những vấn đề chung về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: Nêu được sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

2. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc

- Tập trung tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.
- Mức độ cần làm rõ: Nêu được tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

- Tập trung tìm hiểu chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.
- Mức độ cần làm rõ: Nêu được chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về khối đại đoàn kết dân tộc để rút ra được tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: quan sát tranh ảnh,... để rút ra được tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Từ những cho hoạt động trên cho thấy nhiều bài học có thể rút ra về khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. *Vậy khối đại đoàn dân tộc Việt Nam được xây dựng như thế nào? Khối đại đoàn dân tộc Việt Nam có vai trò, tầm quan trọng như thế nào? Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách gì để củng cố và phát huy giá trị của khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam?*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân: đọc thông tin trong SGK để:

1) *Trình bày cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc;*

2) *Nêu khái quát quá trình hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV báo cáo sản phẩm, làm rõ:

+ Một trong những dấu ấn quan trọng trong quá trình phát triển của khối đại đoàn kết dân tộc là sự ra đời và phát triển của các hình thức mặt trận dân tộc phù hợp với những thời kì cách mạng. Trong cuộc kháng chiến đánh đối Nhật – Pháp, Mặt trận Việt Minh được thành lập để tập hợp, đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân cùng thực hiện một nhiệm vụ là giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc.

+ Hình Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời đã hạp, đoàn kết, tổ chức, lãnh đạo các hoạt động đấu tranh, góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Khối đại đoàn kết dân tộc được hình thành trước hết trên cơ sở tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước. Quá trình đoàn kết trong các cuộc đấu tranh xã hội, chống ngoại xâm và chinh phục thiên nhiên đã tạo nên truyền thống yêu nước, đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*

+ *Thời kì cổ trung đại, các vương triều luôn coi trọng việc đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân và sự hoà thuận trong nội bộ triều đình, đồng thời đề cao mối quan hệ giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia để tạo dựng sức mạnh đoàn kết chống ngoại xâm.*

+ *Thời kì cận - hiện đại, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), khối đại đoàn kết dân tộc được phát huy thông qua các hình thức mặt trận phù hợp với từng thời kì cách mạng: Mặt trận dân chủ Đông Dương; Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt.... Trải qua*

các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong thời kì đổi mới đất nước, khối đại đoàn kết dân tộc đã đưa cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam

1. Mục tiêu: Thông qua việc xem video, trao đổi, thảo luận để HV nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: sử dụng video... để trao đổi về: *Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn dựng nước, giữ nước và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ Trong thời kì dựng nước:

- Sự gắn kết cộng đồng của người Việt cổ trong các hoạt động trị thủy, xây dựng các công trình công cộng, hình thành xóm làng,... một trong những cơ sở quan trọng cho sự ra đời của các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

- Quá trình dựng nước trên cơ sở đoàn kết để chinh phục thiên nhiên và nhu cầu chống ngoại xâm đã nhanh chóng phát triển thành sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, trở thành truyền thống trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

+ Trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước:

- Đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định, giữ nhân dân Việt Nam đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

- Ở thời kì hoà bình, đoàn kết dân tộc là nhân tố ổn định xã hội, tạo nền tảng xây dựng, phát triển đất nước.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

1. Mục tiêu: Sử dụng tư liệu để tư liệu lịch sử để nêu và nhận xét được những quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể dựa vào gợi ý trong SGK hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có nhiều cách thức, phương pháp để tổ chức hoạt động. Có thể làm việc nhóm/cá nhân: sử dụng tư liệu ... để:

1) Hoàn thành Phiếu học tập:

HỌ TÊN HỌC SINH:

Những quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

BÌNH ĐẲNG	ĐOÀN KẾT	TÔN TRỌNG LẪN NHAU

2) *Nêu nội dung cơ bản những chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:
- + *Các nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước:*



+ *Nội dung chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước: toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...*

++ *Chính sách kinh tế: tập trung phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số để đưa đồng bào dân tộc vùng thiểu số cùng cả nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

++ *Chính sách xã hội: tập trung vào các vấn đề giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế... để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo tiền đề cho các dân tộc có đầy đủ điều kiện tham gia quá trình phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào.*

++ *Chính sách liên quan đến quốc phòng – an ninh: hướng đến củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết vấn đề đoàn kết dân tộc và quan hệ dân tộc trong mối quan hệ giữa các tộc người và quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/theo nhóm dựa trên kiến thức đã học về qua vẽ sơ đồ trực/lập bảng thống kê/làm bài tập trắc nghiệm/tự luận để luyện tập.

Ví dụ: Sử dụng trò chơi trên P.P hoặc thiết kế trên Quizizz/Kahoot/Bloocket,... các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam được hình thành trước hết dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A. Quá trình trị thủy, chống ngoại xâm.
- B. Quá trình đấu tranh giải quyết các mâu thuẫn xã hội.
- C. Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương, đất nước.
- D. Quá trình giao lưu văn hoá với bên ngoài.

Câu 2. Trong thời kì cận - hiện đại, khối đoàn kết dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ thông qua

- A. quá trình tiếp thu văn hoá bên ngoài.
- B. hợp tác kinh tế với nước ngoài.
- C. các hình thức mặt trận.
- D. kế thừa truyền thống của dân tộc.

Câu 3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách dân tộc nhất quán theo nguyên tắc nào sau đây?

- A. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển.
- B. Chủ trọng phát triển kinh tế các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.
- C. Chính sách dân tộc là chiến lược cơ bản, lâu dài, là vấn đề cấp bách.
- D. Các dân tộc tự lực, tự cường, giữ gìn từng bản sắc riêng.

Câu 4. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công” là câu nói của ai?

A. Hồ Chí Minh.

B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng.

D. Trường Chinh.

Câu 5. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay trong vấn đề xã hội hướng đến mục tiêu nào dưới đây?

A. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

B. Tạo tiền đề, cơ hội cho các dân tộc cùng phát triển.

C. Giải quyết tốt vấn đề mối quan hệ giữa các tộc người.

D. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của các dân tộc thiểu số.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để liên hệ được khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong SGK hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất... Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

“Trường em/tổ dân phố nơi em đang sinh sống phát động cuộc thi vẽ tranh/viết bài tham gia Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Hãy giới thiệu trước lớp bức tranh hoặc bài viết của em.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi trao đổi thảo luận
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu vai trò, tầm quan	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi:	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.	- Trình bày được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Tìm hiểu chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học khi: - Trình bày được chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu khối đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về khối đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì II)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHỦ ĐỀ 6

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chủ đề 6. *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam* gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Các dân tộc trên đất nước Việt Nam*; 2) *Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*, được dạy trong 6 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chủ đề 6. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam* cung cấp cho người học hiểu biết về các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam và khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. GV có thể tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử tương ứng với hai nội dung bài học, hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam và khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chủ đề như *Sưu tầm tranh ảnh và viết bài giới thiệu về khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam...*

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Chuyên đề 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Chuyên đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực* và *Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam*, được dạy trong 10 tiết. GV có thể chủ động chia thành 2 bài học cụ thể (trong 9 tiết, 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề) hoặc có thể chia thành 3 bài học (2 bài học 7 tiết 1 bài thực hành lịch sử trong 2 tiết, 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề). Thời lượng mỗi bài có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 1. THÔNG SỬ VÀ LỊCH SỬ THEO LĨNH VỰC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.
- Trình bày được khái niệm thông sử.
- Nêu được nội dung chính của thông sử.
- Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử.
- Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.
- Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được các khái niệm thông sử; Nêu được nội dung chính của thông sử; Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua tư liệu tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống qua ví dụ cụ thể; Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử; Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề thông sử và lịch sử theo lĩnh vực, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng giá trị của việc học tập lịch sử và các vấn đề thông sử và lịch sử theo lĩnh vực đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ*: tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ những tư liệu, tài liệu lịch sử; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại nói chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Một số cách trình bày lịch sử truyền thống.

- Khái niệm và nội dung chính của thông sử.

- Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử và ý nghĩa việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

- Khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống

- Không đi sâu phân tích các cách khác nhau về các cách trình bày lịch sử, chỉ yêu cầu đi sâu vào một số cách trình bày lịch sử truyền thống.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được một số cách trình bày lịch sử truyền thống.

2. Khái niệm, nội dung chính của thông sử

- Không giải thích khái niệm và nội dung chung về thông sử, chỉ yêu cầu trình bày trực tiếp vào khái niệm thông sử và nêu các nội dung chính của thông sử.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được khái niệm thông sử và nêu được các nội dung chính của thông sử.

3. Các lĩnh vực của lịch sử và ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực

- Không đi sâu phân loại các lĩnh vực của lịch sử và ý nghĩa của việc phân chia lịch sử nói chung, chỉ yêu cầu nêu các lĩnh vực của lịch sử và ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được các lĩnh vực của lịch sử và trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

4. Khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới

- Không đi sâu tìm hiểu các khái niệm và nội dung chung của lịch sử dân tộc và thế giới, chỉ tập trung nêu trực tiếp khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc và thế giới.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác hiểu biết đã có của bản thân HV về bài học để tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu cho HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý từ sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: yêu cầu tham gia trò chơi và phổ biến luật chơi “*Đoán ý đồng đội*”. Lớp chia làm bốn đội, mỗi đội chọn một gói câu hỏi với các từ khóa sắp xếp ngẫu nhiên, mỗi đội cử 2 đại diện tham gia trò chơi (đứng quay lưng vào nhau): 1 HV diễn tả từ khóa, 1 học viên đoán từ khóa. (*Yêu cầu người gợi ý không được sử dụng từ gợi ý trùng với từ khóa. Thời gian chuẩn bị là 1 phút, thời gian chơi cho mỗi đội là 5 phút. Đội nào đoán được nhiều từ khóa nhất là đội chiến thắng*).

- HV thực hiện nhiệm vụ tham gia trò chơi.

- HV đoán các sự kiện lịch sử.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Thông qua từ khoá gợi ý chúng ta thấy lịch sử thường được trình bày bằng những cách nào? Lịch sử được phân chia theo những lĩnh vực nào? Thế nào là lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới? Nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới; đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế Việt Nam là gì? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực trong **chuyên đề 1: Các lĩnh vực của sử học**.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát một số cách trình bày lịch sử truyền thống

1. Mục tiêu: Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua các ví dụ cụ thể.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/vẽ sơ đồ tư duy ... qua đó HV tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống. Nhấn mạnh: việc sử dụng cách trình bày lịch sử truyền thống làm cho kiến thức lịch sử trở nên gần gũi hơn. Ví dụ: Cách trình bày dưới dạng công trình nghiên cứu sử học; kể chuyện lịch sử; các lễ hội ca múa, phim, kịch...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và trả lời câu hỏi:

1. Có những cách nào để trình bày lịch sử truyền thống?

2. Nêu những ví dụ/biểu hiện của các cách trình bày lịch sử truyền thống.

Hình thức trình bày lịch sử truyền thống	Thể loại	Ví dụ

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trả lời câu hỏi.
- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: có nhiều cách trình bày lịch sử truyền thống.

Hình thức trình bày lịch sử truyền thống	Thể loại	Ví dụ
Các công trình nghiên cứu lịch sử (chữ viết)	Biên niên, thực lục, cương mục, lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới	- Đại nam thực lục - Việt sử thông giám cương mục - Đại Việt sử ký toàn thư - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử thế giới - Lịch sử Đông Nam Á ...
Chuyện kể lịch sử (truyền miệng)	Truyền thuyết, chuyện cổ tích, chuyện dân gian...	- Con rồng cháu tiên - Sơn tinh, thủy tinh - Bánh chưng, bánh dầy - Sử thi của một số dân tộc ...
Thông qua các hình thức nghệ thuật, lễ hội	Phim, kịch, ca múa nhạc, ảnh	- Phim: thái sư Trần Thủ Độ, Đêm hội long trì, Hà Nội 12 ngày đêm - Chèo: Bài ca giữ nước - Cải lương: Tiếng trống Mê Linh...

1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống

- Sách: Việc biên soạn những tác phẩm lịch sử bằng chữ viết thông qua việc tạo ra những cuốn sách dưới nhiều hình thức và vật liệu khác nhau
- Ngoài sách việc tái hiện lịch sử và trình bày còn được thể hiện bằng nhiều hình thức khác như: Chuyện kể lịch sử, lễ hội, ca múa, hình ảnh, phim kịch...

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu khái niệm thông sử và nội dung chính của thông sử

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV trình bày được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử. GV nhấn mạnh: mỗi cuốn sách/tác phẩm thông sử được xem như một công trình khoa học có đối tượng nghiên cứu, nhân vật, sự kiện riêng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh... về khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử và trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày quan niệm về thông sử.*

+ *Thông sử có đối tượng nghiên cứu không? Tại sao?*

+ *Nội dung một cuốn thông sử đề cập đến vấn đề nào và theo tiến trình thời gian như thế nào?*

+ *Các nhân vật, sự kiện và các quá trình lịch sử được giới thiệu trong cuốn thông sử có đặc điểm gì nổi bật?*

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ/... và trả lời câu hỏi.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Những cuốn sách như *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập của Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến năm 2000; World history - Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử thế giới từ khởi nguyên đến nay...* là sách thông sử đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ của đất nước Việt Nam và của thế giới từ khởi nguyên đến nay.

2. Thông sử

a. *Thông sử là hình thức trình bày lịch sử chung nhất, đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ từ khởi nguyên đến ngày nay (lịch sử địa phương, lịch sử quốc gia, lịch sử khu vực, lịch sử thế giới).*

b. *Nội dung chính của thông sử: trình bày tổng hợp và toàn diện về lịch sử, chú trọng các nhân vật sự kiện và quá trình lịch sử quan trọng nhất như chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hóa. Các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử được lựa chọn trình bày theo thời gian từ trước đến sau, từ xưa đến nay.*

Hoạt động 3. Tìm hiểu lịch sử theo lĩnh vực

1. Mục tiêu: Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề/quan sát tranh hoặc tự sưu tầm/ xem video...

đề qua đó HV nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. GV nhấn mạnh: sử học chia thành nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi lĩnh vực phản ánh một mặt đời sống của con người và xã hội loài người.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh... về nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực và trả lời câu hỏi:

- 1) *Hãy nêu khái quát về một số lĩnh vực của lịch sử.*
- 2) *Giải thích ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.*



- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

3. Lịch sử theo lĩnh vực

- *Lịch sử còn được trình bày theo từng lĩnh vực khác nhau như lịch sử chính trị, lịch sử ngoại giao, lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng, lịch sử kinh tế, lịch sử xã hội.*

- *Ý nghĩa: nghiên cứu lịch sử theo lĩnh vực mang lại cho người đọc nhận thức sâu sắc cụ thể về một lĩnh vực nào đó. Đây cũng là một cơ sở giúp hiểu biết đầy đủ hơn toàn bộ lịch sử địa phương, quốc gia-dân tộc, khu vực hoặc thế giới.*

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

1. Mục tiêu: Nêu được khái niệm, nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức hoạt động cho HV: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... để HV nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới. GV nhấn mạnh: nhận thức đúng khái niệm và xác định được nội dung của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới tạo điều kiện cho HV lĩnh hội kiến thức dễ dàng và hiệu quả hơn.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh/hoàn thành Phiếu học tập về khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới:

1) Trình bày quan niệm về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

2) Nêu nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

PHIẾU HỌC TẬP

<i>Yêu cầu tìm hiểu</i>	<i>Lịch sử dân tộc</i>	<i>Lịch sử thế giới</i>
Khái niệm		
Nội dung chính		
Ví dụ		

- HV làm việc theo nhóm:/cá nhân đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

a. Lịch sử dân tộc

+ *Lịch sử dân tộc là lịch sử của một cộng đồng quốc gia - dân tộc sinh sống trên một lãnh thổ nhất định và được quản lí bởi một nhà nước thống nhất.*

- *Bao gồm các lĩnh vực như: Chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật...*

b. Lịch sử thế giới

- *Lịch sử thế giới là lịch sử của toàn nhân loại hoặc một số khu vực trên thế giới từ khi con người xuất hiện cho tới nay*

- *Nội dung thể hiện quá trình vận động của các lĩnh vực: chính trị quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội....*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để lập bảng/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: hoàn thành bài tập:

Câu 1. Lập bảng thống kê các cách trình bày lịch sử truyền thống và nêu ví dụ.

Câu 2. Giải thích lí do thông sử lại là hình thức trình bày lịch sử phổ biến nhất.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV/các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để liên hệ được các vấn đề về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Lựa chọn và thực hiện một nhiệm vụ sau:

Câu 1. Thu thập sử liệu và trình bày một vấn đề của lịch sử Việt Nam theo một trong số các lĩnh vực chuyên biệt: văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế.

Câu 2. Sưu tầm và giới thiệu về một bộ thông sử Việt Nam hoặc thế giới.

Câu 3. Giả sử em được giao nhiệm vụ Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của ngôi trường em đang học tập. Hãy cùng thảo luận với bạn, xác định một số vấn đề sau đây và báo cáo trước lớp:

- Em sẽ lựa chọn triển khai nhiệm vụ nghiên cứu trên theo hình thức thông sử hay theo lịch sử theo lĩnh vực? Tại sao?

- Đối tượng, phạm vi của vấn đề nghiên cứu trên là gì?

- Nội dung cơ bản của vấn đề nghiên cứu trên là gì?

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái quát một số cách trình bày lịch sử truyền thống	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua các ví dụ cụ thể.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu khái niệm	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật

thông sử và nội dung chính của thông sử	giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu lịch sử theo lĩnh vực	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 2. MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội.
- Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.
- Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế.
- Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam; Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội; Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam; Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam; Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của việc học tập một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước; có tinh thần yêu nước, quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc;

- *Chăm chỉ:* tự giác tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập; tích cực tìm tòi và khám phá kiến thức mới.

- *Trách nhiệm:* có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ những tư liệu, tài liệu lịch sử; có trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân; có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại nói chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến chuyên đề Các lĩnh vực của sử học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu và nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Đối tượng nghiên cứu và nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.
- Đối tượng nghiên cứu và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Lịch sử văn hoá Việt Nam

- Không đi sâu phân tích những vấn đề của lịch sử văn hóa nói chung, chỉ yêu cầu tìm hiểu đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nét chính lịch sử văn hoá Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được đối tượng, phạm vi nghiên cứu và trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam.

2. Lịch sử xã hội Việt Nam

- Không đi sâu phân tích những vấn đề của tư tưởng, xã hội Việt Nam, chỉ yêu cầu trình bày đối tượng nghiên cứu và nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được đối tượng của lịch sử tư xã hội và những nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.

3. Lịch sử kinh tế Việt Nam

- Không đi sâu phân tích những vấn đề của lịch sử kinh tế nói chung, chỉ yêu cầu trình bày đối tượng nghiên cứu và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được đối tượng và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết của HV về một số lĩnh vực của sử học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh về một số nét đặc sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam và đặt câu hỏi: *Tại sao những giá trị trong hình ảnh này lại được xem là một phần của lịch sử văn hóa truyền thống Việt Nam?*

- HV thực hiện nhiệm vụ trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo lí giải.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Đây là những giá trị văn hóa truyền thống đã xuất hiện trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Vậy, chúng ta quan niệm như thế nào về lịch sử văn hoá Việt Nam? Lịch sử xã hội Việt Nam? Lịch sử kinh tế Việt Nam?; Những lĩnh vực này có đối tượng, phạm vi nghiên cứu không? Biểu

hiện những nét chính của các lĩnh vực này như thế nào?. Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam trong **chuyên đề 1: Các lĩnh vực của sử học.**

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu lịch sử văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được đối tượng, phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam và tóm tắt được nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử văn hóa Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/lập bảng/ vẽ sơ đồ tư duy,... để qua đó HV nêu được đối tượng, phạm vi nghiên cứu và tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của lịch sử văn hóa Việt Nam. Nhấn mạnh: xác định đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam là cơ sở để và tóm tắt được các giai đoạn phát triển của văn hóa Việt Nam với một số nét chính của từng thời kì.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: yêu cầu HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị... về một số cách trình bày lịch sử truyền thống và trả lời câu hỏi:

1. Xác định đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam.

2. Trình bày các giai đoạn phát triển của văn hóa Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì.

- HV đọc tài liệu... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Lịch sử văn hóa Việt Nam

a. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của Lịch sử văn hóa Việt Nam

- *Đối tượng:* Là toàn bộ đời sống văn hóa bao gồm các thành tựu giá trị, truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam trong lịch sử.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Là toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay.

b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam

- *Thời kì nguyên thủy:* Trên đất nước Việt Nam đã có con người sinh sống với những bằng chứng dấu tích cư trú và lao động của con người từ thời đồ đá có niên đại cách ngày nay từ khoảng 1 vạn đến 80 vạn năm.

- *Thời kì dựng nước:* Từ gần 3000 năm trước đã hình thành và phát triển 3 trung tâm văn minh gần 3 quốc gia: Văn Lang – Âu Lạc, Chăm - pa và Phù Nam.

- *Thời kì Bắc thuộc:* Gắn chặt với cuộc đấu tranh chống sự đồng hóa của người Hán, giữ gìn bản sắc văn hóa bản địa

- Thời kì quân chủ độc lập: Diễn ra quá trình chọn lọc có tiếp thu tinh hoa văn hóa từ bên ngoài, gắn liền với việc chủ động bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

- Thời kì cận đại: Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ. Tiếp tục đấu tranh bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của cha ông, chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Thời kì hiện đại: Đời sống văn hóa mới thấm đẫm tinh thần yêu nước và cách mạng góp phần to lớn vào những chiến công hiển hách của dân tộc

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu Lịch sử xã hội Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội và những nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm... để qua đó HV trình bày được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh/vẽ sơ đồ/xem video... về đối tượng của lịch sử xã hội và những nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam và thảo luận vấn đề:

1) *Lịch sử xã hội Việt Nam có đối tượng, phạm vi nghiên cứu không? Tại sao?*

2) *Xác định các giai đoạn phát triển của xã hội Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ trực... và thảo luận vấn đề.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Lịch sử xã hội Việt Nam

a. Đối tượng của lịch sử xã hội

- Là toàn bộ đời sống xã hội loài người trong quá khứ bao gồm: cấu trúc xã hội, các gia tầng, quan hệ xã hội...

b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam

- Thời kì dựng nước đầu tiên: Cộng đồng người Việt Nam đã được tổ chức hình thành xã hội có độ gắn kết tương đối cao để cùng sản xuất nông nghiệp, giao thương và đương đầu với thiên tai...

- Thời kì Bắc thuộc: Duy trì hình thức tổ chức xã hội cơ bản của mình là cộng đồng nông thôn (làng/bản) với phạm vi tự chủ khá lớn.

- Thời quân chủ độc lập: Xây dựng xã hội tương đối hài hòa đoàn kết, là cơ sở để kiến tạo một quốc gia quân chủ tập quyền vững mạnh. Xuất hiện một số thành thị: Thăng Long, Hội An, Vân Đồn...

- Thời kì cận đại: Xã hội truyền thống có nhiều biến đổi. Các giai tầng trong cấu trúc xã hội truyền thống tiếp tục tồn tại, song vai trò và vị thế xã hội đã thay đổi.

- Thời kì hiện đại:

+ Giai đoạn 1945-1954: Một chế độ xã hội mới được thiết lập do nhân dân lao động làm chủ, trong đó có các giai cấp, tầng lớp cùng đoàn kết thực hiện thành công nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

+ Giai đoạn 1954-1975: Gồm 2 giai cấp cơ bản: Công nhân và nông dân tập thể, cùng đội ngũ trí thức viên chức...

+ Giai đoạn 1975 – 1986: Cả nước cùng xây dựng xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân, công nhân và trí thức là những thành phần xã hội cơ bản.

+ Giai đoạn 1986 - nay: Cơ cấu xã hội phân nhóm phân tầng phức tạp hơn. Xuất hiện nhóm người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

Hoạt động 3. Tìm hiểu lịch sử kinh tế Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử kinh tế Việt Nam và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề/quan sát tranh hoặc tự sưu tầm để qua đó HV trình bày được đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử kinh tế Việt Nam và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh/xem video... về đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử kinh tế Việt Nam và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam và thảo luận vấn đề: *Hãy xác định đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử kinh tế Việt Nam và giới thiệu những nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

3. Lịch sử kinh tế Việt Nam

a. Đối tượng của lịch sử kinh tế Việt Nam

- Bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các ngành và lĩnh vực kinh tế như: Nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp... các phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất, tổ chức kinh tế.

b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam

- Thời kì dựng nước đầu tiên: Nền kinh tế sơ khai: kinh tế tự nhiên, nông nghiệp trồng lúa nước, giao lưu thương mại (sơ khai).

- Thời kì Bắc thuộc và quân chủ độc lập: Nền kinh tế truyền thống nông nghiệp trồng lúa nước, thủ công nghiệp, thương nghiệp (hạn chế).

- Thời kì cận đại: Nền kinh tế thuộc địa: nông nghiệp trồng lúa nước, công nghiệp thương nghiệp. Yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại đan xen.

- Thời kì hiện đại:

+ Trước 1986: từng bước xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

+ Từ năm 1986 đến nay: Chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhiều thành phần mở năng động hơn.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực để làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: Giáo viên yêu cầu HV hoàn thành một trong 2 bài tập:

Câu 1. Lập bảng thống kê một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam theo tiêu chí: đối tượng, phạm vi nghiên cứu, một số nét tiêu biểu.

Câu 4. Hãy thể hiện nét chính của lịch sử Việt Nam theo các lĩnh vực (văn hoá, xã hội, kinh tế,...) trên trục thời gian.

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học để liên hệ được về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân/nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Thu thập sử liệu và trình bày một vấn đề của lịch sử Việt Nam theo một trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, kinh tế.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu lịch sử văn hóa Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam và tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử văn hóa Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu Lịch sử xã hội Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội và những nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu lịch sử kinh tế Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử kinh tế Việt Nam và nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.

	thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu một số lĩnh vực của sử học Việt Nam.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi:	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số lĩnh vực của sử học Việt Nam.	Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 1.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chuyên đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực và Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam*, được dạy trong 10 tiết với những yêu cầu cần đạt cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chuyên đề 1. Các lĩnh vực của sử học* cung cấp cho người học hiểu biết về thông sử và lịch sử theo lĩnh vực, lịch sử văn hóa, xã hội, kinh tế của Việt Nam. GV có thể lựa chọn nội dung tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử trong chuyên đề hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về các lĩnh vực của sử học dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề*. Ví dụ: *Thu thập sử liệu và giới thiệu một vấn đề của lịch sử văn hóa, xã hội, kinh tế Việt Nam hiện nay*.

Chuyên đề 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 15 tiết

Chuyên đề này gồm 2 đơn vị kiến thức: 1) *Di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa*; 2) *Một số di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (Một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của dân tộc Việt Nam; Một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của dân tộc Việt Nam; Một số di sản văn hoá thiên nhiên tiêu biểu của dân tộc Việt Nam; Một số di sản văn hoá phức hợp tiêu biểu của dân tộc Việt Nam)* được dạy trong 15 tiết. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình, nhiều yêu cầu cần đạt thì thời lượng số tiết nhiều hơn. GV có thể chủ động chia thành 5 bài học, tổ chức giờ học nội khóa để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập (trong 14 tiết, 1 tiết còn lại cho hoạt động KTĐG chuyên đề). Hoặc có thể tổ chức các nội dung này dưới hình thức bài học *Thực hành lịch sử* thông qua *hoạt động trải nghiệm hoặc tổ chức dạy học theo dự án*.

Khi tổ chức các **bài học Thực hành lịch sử** cần lưu ý:

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Ví dụ:

+ Chọn xây dựng bài thực hành trải nghiệm tại các di sản, GV cần:

++ Xây dựng kế hoạch bài dạy thực hành trải nghiệm đảm bảo có kế hoạch chu đáo, có sự phân công nhiệm vụ thực hành cụ thể, có tổ chức hoạt động thực hành, có tổng kết, đánh giá kết quả....

++ Lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

+ Chọn xây dựng bài thực hành theo dự án tại các di sản, GV cần:

++ Xây dựng kế hoạch dự án đảm bảo có kế hoạch chu đáo, có sự phân công nhiệm vụ dự án cụ thể, có tổ chức báo cáo kết quả thực hiện dự án và có tổng kết, đánh giá kết quả dự án....

++ Lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả kết quả dự án học tập.

- Các nội dung chuyên đề tổ chức dưới hình thức các bài học nội khóa thì các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 3. DI SẢN VĂN HÓA, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá.
- Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.
- Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.
- Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được các khái niệm di sản văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam;
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau và trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước Việt Nam.
- *Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học:* Thông qua tư liệu nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến các vấn đề thông sử và lịch sử theo lĩnh vực, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.
- *Chăm chỉ:* tự giác tích cực tham gia các hoạt động để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.
- *Trách nhiệm:* có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài di sản, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài học

- Khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá ở Việt Nam.
- Ý nghĩa của di sản văn hoá Việt Nam.
- Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.
- Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá ở Việt Nam

- Không tìm hiểu quan niệm khác nhau về di sản, bảo tồn di sản văn hóa nói chung, chỉ tập trung thống nhất quan niệm về di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam.
- Mức độ cần làm rõ: trình bày được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam.

2. Ý nghĩa của di sản văn hoá Việt Nam

- Không giải thích ý nghĩa chung của di sản văn hóa, chỉ tập trung xác định ý nghĩa của di sản văn hóa ở Việt Nam dưới góc độ là tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại, được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá Việt Nam là tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.

3. Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam

- Không tìm hiểu công tác bảo tồn di sản văn hoá nói chung, chỉ yêu cầu trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được các cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước Việt Nam.

4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam

- Không tìm hiểu việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá nói chung, chỉ tập trung nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về di sản, bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh (Gợi ý: *Sử dụng hình ảnh một lễ hội ở địa phương để gợi mở vấn đề, kết nối bài học*) và trả lời câu hỏi:

1) Đây là lễ hội nào? Giá trị của lễ hội này là gì?

2) Nó có được xem là một di sản văn hóa cần được bảo tồn không? Tại sao?.

- HV thực hiện nhiệm vụ quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Lễ hội là một di sản văn hóa ở địa phương, có giá trị đặc sắc... *Vậy thế nào là di sản văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam? Vì sao phải bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam? Cần thực hiện những giải pháp nào để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa ở Việt Nam? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài Di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa ở Việt Nam trong chuyên đề 2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát di sản văn hóa, bảo vệ di sản văn hóa ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm tư liệu ... để HV trình bày được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam. GV nhấn mạnh: di sản văn hoá là giá trị của dân tộc Việt Nam, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam là bảo tồn giá trị của dân tộc Việt Nam.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị... (Gợi ý: Có thể sử dụng một vài hình ảnh về di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam) để tổ chức dạy học về khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam:

1) *Những hình ảnh trên phản ánh giá trị nào của dân tộc Việt Nam? Vì sao em biết điều đó?*

2) *Hãy trình bày khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.*

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam

- *Di sản văn hoá Việt Nam chính là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do cộng*

đồng dân tộc Việt sáng tạo, tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau.

- Bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam là bảo vệ và phát huy giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng dân tộc Việt sáng tạo, tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ý nghĩa của di sản văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá Việt Nam: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... để HV nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá. GV nhấn mạnh: Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh (Gợi ý: *Sử dụng một hình ảnh về áo dài Việt Nam*)... về ý nghĩa của di sản văn hóa Việt Nam và đặt câu hỏi câu hỏi: *Di sản văn hóa Việt Nam có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam?*

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với sơ đồ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

2. Ý nghĩa

- Là tài sản vô giá của cộng đồng dân tộc, của quốc gia tạo nên giá trị cốt lõi, đặc sắc của mỗi dân tộc.

- Tạo sinh kế cho cá nhân và cộng đồng, là một nguồn lực phát triển đất nước.

- Thúc đẩy hoà bình, đoàn kết quốc tế thông qua hoạt động giao lưu văn hoá và tôn trọng tính đa dạng.

- Góp phần thiết thực vào quá trình bảo vệ môi trường.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu cơ sở khoa học của bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề/quan sát tranh hoặc GV tự sưu tầm... để HV trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. GV nhấn mạnh: phải xác định đầy đủ giá trị của đối tượng cần bảo tồn. Giá trị đó được xác định trên cơ sở khoa học vững chắc là những nhận thức, tiêu chí, chuẩn mực trong

lí thuyết chuyên ngành hay quy định trong công ước quốc tế. Tuỳ vào đặc điểm, tính chất, tình trạng, vai trò,... của di sản mà có quan điểm, nhận thức bảo tồn phù hợp.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh (Gợi ý: *Lấy một hình ảnh trùng tu một di sản văn hóa*) về một di sản văn hóa và đặt câu hỏi: *Hãy trình bày cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh... trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm, nhấn mạnh thêm mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Bảo tồn là bảo vệ, gìn giữ sự tồn tại và giá trị của di sản theo dạng thức vốn có của nó. Phát huy di sản là hành động nhằm đưa di sản văn hoá vào trong thực tiễn xã hội.*

+ *Muốn phát huy giá trị của di sản trước hết cần phải giữ gìn và bảo vệ sự tồn tại của di sản theo đúng dạng thức vốn có của nó. Do đó bảo tồn được coi là cơ sở nền tảng để phát huy giá trị của di sản.*

+ *Phát huy tốt giá trị của di sản trong đời sống thực tiễn góp phần tạo ra nguồn lực vật chất, tinh thần... để bảo tồn di sản tốt hơn.*

+ *Cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển kinh tế xã hội.*

3. Cơ sở khoa học của bảo tồn, phát huy giá trị di sản

- *Xác định được giá trị của di sản: giá trị lịch sử, văn hoá, giáo dục, kinh tế...*

- *Dựa vào quan niệm, nhận thức, tiêu chí chuẩn mực về bảo tồn được quy định trong các văn bản pháp quy của Nhà nước như Luật Di sản văn hoá, Nghị định của Chính phủ.*

- *Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, khảo sát đặc điểm, hiện trạng của di sản.*

- *Phân tích tổng hòa lợi ích của các bên liên quan.*

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản

1. Mục tiêu: Nêu được giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm... để HV nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: yêu cầu HV đọc thông tin trong sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh (Gợi ý: *Sử dụng hình ảnh trùng tu di sản*) về trùng tu di sản văn hoá Việt Nam và đặt câu hỏi:

1) *Vì sao cần trùng tu di sản? Việc trùng tu di sản có ý nghĩa gì?*

2) *Hãy đề xuất các giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.?*

- HV làm việc nhóm/cá nhân đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh... trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm;

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

4. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo tồn di sản.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho việc nghiên cứu, khảo sát di sản, nâng cao chất lượng quản lí di sản.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản như: năng lực tổ chức quản lí, xã hội hoá công tác bảo tồn, xử lí kịp thời những vi phạm,...

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến vấn đề di sản văn hóa, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc do GV tự chuẩn bị để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân dựa trên kiến thức đã học liên quan đến vấn đề di sản văn hóa, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam để trao đổi vấn đề: *Sự cần thiết phải bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa Việt Nam.*

- HV thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời HV các nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa các lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học liên quan đến vấn đề di sản văn hóa, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Khảo sát thực trạng một di sản văn hóa ở địa phương em và đề xuất các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản ấy.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ

Tìm hiểu khái quát di sản văn hóa, bảo vệ di sản văn hóa ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu ý nghĩa của di sản văn hóa Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá Việt Nam.: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu cơ sở khoa học của bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kĩ năng đã học khi tìm hiểu di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 4. TÌM HIỂU MỘT SỐ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ.
- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu. (Dân ca quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên; Nhã nhạc cung đình Huế; Đờn ca tài tử Nam Bộ).

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu giới thiệu được nét cơ bản về một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu. (Dân ca quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên; Nhã nhạc cung đình Huế; Đờn ca tài tử Nam Bộ).

- *Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học:* Sử dụng bản đồ để xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.
- *Chăm chỉ:* tự giác tích cực tham gia các hoạt động để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.
- *Trách nhiệm:* có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể của dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam. Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài học:

- Khái quát chung về di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.

- Một số nét cơ bản về một trong số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái quát chung về di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam

- Không tìm hiểu mọi vấn đề về di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam, chỉ tập trung vào thống nhất khái niệm di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam và xác định trên lược đồ các vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ.

2. Giới thiệu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

- Không giới thiệu tất cả các di sản văn hoá phi vật thể, chỉ giới thiệu nét cơ bản một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Dân ca quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên; Nhã nhạc cung đình Huế; Đờn ca tài tử Nam Bộ.

- Mức độ cần làm rõ: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Dân ca quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên; Nhã nhạc cung đình Huế; Đờn ca tài tử Nam Bộ.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nếu tổ chức thành bài thực hành, GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam. Mỗi nhóm tìm hiểu khái quát về di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam và tìm hiểu để giới thiệu về di sản văn hoá phi vật thể đó. Việc thiết kế kế hoạch bài dạy thực hành cơ bản giống bài nội khóa trên lớp, chỉ khác là hoạt động HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI được thay bằng HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH và xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động thực hành.

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về bài học để tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu cho HV, kết nối bài học.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc hình ảnh, trò chơi, video khác... Ví dụ: Sử dụng hình ảnh một lễ hội di sản văn hoá phi vật thể ở địa phương để gợi mở vấn đề, kết nối bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

1) Đây là lễ hội nào? Giá trị của lễ hội này là gì?

2) Vì sao nó có được xem là một di sản văn hoá phi vật thể?

- HV thực hiện nhiệm vụ quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Lễ hội nói chung, lễ hội về di sản văn hoá phi vật thể nói riêng là một nét đặc sắc trong di sản văn hoá ở

địa phương, có giá trị... *Vậy thế nào là di sản văn hóa phi vật thể, Ở Việt Nam có những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài Di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam trong chuyên đề 2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm di sản văn hóa phi vật thể và xác định những vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm tư liệu... để HV trình bày được khái niệm di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam và xác định được vùng phân bố các di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam trên lược đồ. Nhấn mạnh: di sản văn hoá phi vật thể là một loại hình di sản văn hóa ở Việt Nam theo phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/quan sát lược đồ/tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị... (*Gợi ý: Có thể sử dụng một vài hình ảnh về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam để tổ chức dạy học*) về khái niệm di sản văn hoá phi vật thể và xác định trên bản đồ vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam và trả lời câu hỏi:

1) *Thế nào là di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam.*

2) *Xác định trên bản đồ các vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.*

- HV đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh ... trả lời câu hỏi và xác định trên bản đồ các vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: xác định đúng khái niệm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam cũng như các vùng di sản văn hóa phi vật thể sẽ là cơ sở cho việc quản lí, bảo vệ, khai thác tốt hơn giá trị của di sản để nhà quản lí đề ra chính sách, biện pháp và có thái độ ứng xử đúng đắn với từng loại di sản, từ đó góp phần quản lí, bảo vệ, phát huy giá trị di sản tốt hơn.

1. Khái quát về di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam

- *Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác bao gồm lễ hội, lối sống, bí quyết truyền nghề, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống.*

- *Di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng dân tộc Việt hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa,*

khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng dân tộc Việt, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác bao gồm lễ hội, lối sống, bí quyết truyền nghề, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống.

- Là quốc gia với 54 dân tộc, các di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng xuất hiện ở nhiều vùng, miền trên cả nước với những di sản văn hoá phi vật thể đặc trưng.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm... để HV giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Dân ca quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên; Nhã nhạc cung đình Huế; Đờn ca tài tử Nam Bộ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong chuyên đề/quan sát tranh ảnh (Gợi ý: *Sử dụng một hình ảnh về Dân ca quan họ Bắc Ninh*) và đặt câu hỏi câu hỏi:

1) *Nêu hiểu biết của em về Dân ca quan họ Bắc Ninh.*

2) *Cùng nhóm bạn đóng vai, tái hiện một làn điệu trong Dân ca quan họ Bắc Ninh.*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/ ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

a. Nhã nhạc cung đình Huế

- Nhã nhạc là nhạc chính thống được biểu diễn trong các buổi tế lễ, lễ hội của triều đình. Xuất hiện dưới thời Lý - Trần, phát triển dưới thời Nguyễn.

- Giá trị nghệ thuật:

+ Phong phú, đa dạng về loại hình

+ Có quy mô và tính chuyên nghiệp cao

+ Là loại hình nghệ thuật có tính bác học cao

- Giá trị lịch sử:

+ Có lịch sử lâu đời, kế thừa được các thành tựu âm nhạc nói chung và của cung đình Thăng Long nói riêng.

+ Phản ánh quá trình giao lưu, tiếp xúc với văn hóa Trung Quốc, văn hóa Chăm - pa và tiếp thu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo.

- Nhã nhạc cung đình Huế là di sản văn hoá thế giới phi vật thể đầu tiên tại Việt Nam,

được công nhận tháng 11 năm 2003, đến năm 2008 được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

b. Dân ca Quan họ

- Dân ca Quan họ là hình thức hát giao duyên của người dân đồng bằng Bắc bộ. Loại hình nghệ thuật này được hợp thành từ nhiều yếu tố: âm nhạc, lời ca, phục trang, lễ hội... Đã trở thành nét văn hóa rất đặc sắc của người dân Kinh Bắc.

- Giá trị nghệ thuật:

+ Nghệ nhân Quan họ là những người có kỹ năng hát “vang rền, nền, nảy” rất điêu luyện, thuộc nhiều bài, hát nhiều giọng...

+ Lời ca Quan họ giàu tính ẩn dụ, trong sáng, phản ánh đời sống, tâm tư của người dân.

- Giá trị cổ kết cộng đồng:

+ Trong các làng Quan họ, các liền anh, liền chị luôn gắn bó, chia sẻ lẫn nhau.

+ Giữa các làng quan họ, các liền anh, liền chị kết bạn theo nguyên tắc khác phái. Từ đó cộng đồng được gắn kết không chỉ trong một làng mà còn với nhiều làng.

- Lưu truyền tri thức dân gian:

+ Các giá trị nghệ thuật của dân ca Quan họ, cách thức ứng xử của các làng Quan họ đã trở thành những tri thức dân gian được lưu truyền qua nhiều thế hệ.

+ Dân ca Quan họ có giá trị lưu truyền tri thức dân gian, luôn biến đổi, thích nghi với hoàn cảnh mới. Đây là cơ sở để dân ca Quan họ được lưu truyền và phát triển bền vững.

- Dân ca Quan họ là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, được công nhận ngày 30/9/2009.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Cùng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc theo nhóm/cá nhân dựa vào kiến thức đã học liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Lập bảng thống kê các di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân: và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Viết bài giới thiệu một di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở địa phương em hoặc em biết.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được khái niệm di sản văn hóa phi vật thể và xác định những vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam trên bản đồ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng		Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí

	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------	-------------------------------------

Bài 5. MỘT SỐ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được vị trí các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ.
- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu (Trống đồng Đông Sơn; Thành Cổ Loa; Hoàng thành Thăng Long; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội); Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thành Nhà Hồ; Cố đô Huế; Tháp Chăm).

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu (Trống đồng Đông Sơn; Thành Cổ Loa; Hoàng thành Thăng Long; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội); Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thành Nhà Hồ; Cố đô Huế; Tháp Chăm).

- *Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học:* Sử dụng bản đồ để xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam.

- *Chăm chỉ:* Tự giác tích cực tham gia các hoạt động để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam.

- *Trách nhiệm:* Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá vật thể của dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam. Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài học

- Xác định được nét khái quát chung về di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam.
- Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái quát chung về di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam

- Không tìm hiểu mọi vấn đề về di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam, chỉ tập trung vào thông nhất khái niệm di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam và xác định trên lược đồ các vùng di sản di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ.

2. Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

- Không giới thiệu tất cả các di sản văn hoá vật thể, chỉ giới thiệu nét cơ bản một trong số những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Trống đồng Đông Sơn; Thành Cổ Loa; Hoàng thành Thăng Long; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội); Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thành Nhà Hồ; Cố đô Huế; Tháp Chăm.

- Mức độ cần làm rõ: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Trống đồng Đông Sơn; Thành Cổ Loa; Hoàng thành Thăng Long; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội); Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thành Nhà Hồ; Cố đô Huế; Tháp Chăm.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nếu tổ chức thành bài thực hành, GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam. Mỗi nhóm tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam và tìm hiểu để giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể đó. Việc thiết kế kế hoạch bài dạy thực hành cơ bản giống bài nội khóa trên lớp, chỉ khác là hoạt động HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI được thay bằng HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH và xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động thực hành.

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của HV về di sản văn hóa vật thể.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh (*Gợi ý: Sử dụng hình ảnh một di sản văn hóa vật thể ở địa phương hoặc em biết để gợi mở vấn đề, kết nối bài học*) và trả lời câu hỏi:

1) Đây là di sản văn hóa nào? Giá trị của di sản văn hóa này là gì?

2) Vì sao nó được xem là một di sản văn hóa vật thể?

- HV thực hiện nhiệm vụ quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa vật thể nói riêng là một nét đặc sắc trong di sản văn hóa ở địa phương, có giá trị... Vậy thế nào là di sản văn hóa vật thể, Ở Việt Nam có những di sản văn hóa vật thể tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài Di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam trong **chuyên đề 2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.**

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam. Mỗi nhóm đều tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam và tìm hiểu để giới thiệu về di sản văn hóa vật thể đó. Ví dụ:

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm di sản văn hóa vật thể và xác định những vùng di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong SGK hoặc tự sưu tầm tư liệu... để HV trình bày được khái niệm di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam và xác định được vùng phân bố các di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam. Nhấn mạnh: di sản văn hoá vật thể là một loại hình di sản văn hóa ở Việt Nam phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị (*Gợi ý: Có thể sử dụng một vài hình ảnh về di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam để tổ chức dạy học*) về khái niệm di sản văn hoá vật thể và xác định trên bản đồ vùng di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam và trả lời câu hỏi:

1) Thế nào là di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.

2) Xác định trên bản đồ vị trí các vùng di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam.

- HV đọc tài liệu/bản đồ/ quan sát tranh ảnh... trả lời câu hỏi và xác định trên bản đồ vị trí các vùng di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: xác định đúng khái niệm di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam cũng như các vùng di sản văn hóa vật thể sẽ là cơ sở cho việc quản lí, bảo vệ, khai thác tốt hơn giá trị của di sản để nhà quản lí đề ra chính sách, biện pháp và có thái độ ứng xử đúng đắn với từng loại di sản, từ đó góp phần quản lí, bảo vệ, phát huy giá trị di sản tốt hơn.

1. Khái quát về di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam

- *Di sản văn hoá vật thể là di sản của các hiện vật vật thể, nó sản phẩm vật chất gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng.*

- *Di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam là di sản của các hiện vật vật thể, sản phẩm vật chất gắn với cộng đồng dân tộc Việt hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng dân tộc.*

- *Là quốc gia với 54 dân tộc, các di sản văn hoá vật thể ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng xuất hiện ở nhiều vùng, miền trên cả nước với những di sản văn hóa vật thể đặc trưng.*

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam như: Trống đồng Đông Sơn; Thành Cổ Loa; Hoàng thành Thăng Long; Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội); Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thành Nhà Hồ; Cố đô Huế; Tháp Chăm.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong chuyên đề/quan sát tranh ảnh (*Gợi ý: Sử dụng một hình ảnh về Hoàng thành Thăng Long*) và đặt câu hỏi câu hỏi:

1) *Nêu hiểu biết về Hoàng thành Thăng Long.*

2) *Cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về Hoàng thành Thăng Long (Lịch sử hình thành, giá trị đặc sắc, biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị...).*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

a. *Thánh địa Mỹ Sơn*

- Thánh địa Mỹ Sơn là quần thể di sản mang kiến trúc của người Chăm - pa cổ thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Khu vực này có đường kính rộng khoảng 2km với hơn 70 ngôi đền tháp khác nhau mang nhiều nét kiến trúc lịch sử tiêu biểu cho từng giai đoạn phát triển của Chăm - pa cổ. Được xây dựng từ TK IV đến TK XIII. Hầu hết các công trình được xây dựng ở đây đều chịu ảnh hưởng của Hin đư giáo. Mỗi vị vua Chăm - pa sau khi lên ngôi đều đến đây làm lễ tế thần linh.

- Thánh địa Mỹ Sơn với hơn 70 ngôi đền được chạm khắc tinh xảo, cầu kỳ mang nhiều dòng chữ quan trọng bằng tiếng Phạn và tiếng Chăm. Ngoài ra, ấn tượng đặc biệt khác khiến thánh địa Mỹ Sơn nổi tiếng đó chính là phần gạch dùng để xây nên các tòa tháp cổ. Những viên gạch được nung và cắt khối, sau đó xếp chồng lên nhau một cách khéo léo mà không hề sử dụng bất kỳ các loại chất kết dính nào. Trải qua nhiều thế kỷ, công trình thánh địa Mỹ Sơn không bị phong hóa mà chỉ bị nứt một phần rất nhỏ.

- Năm 1999 Thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa thế giới với tiêu chí: là điển hình nổi bật thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á, phản ánh sinh động tiến trình phát triển của văn hóa Chăm - pa.

b. Khu đô thị cổ Hội An

- Đô thị cổ Hội An nằm ở vùng hạ lưu sông Thu Bồn (Quảng Nam). Vùng đất này từng là một cảng thị trọng yếu của Vương quốc Chăm - pa. Từ khoảng cuối thế kỉ XV, cư dân Đại Việt đã tới Hội An sinh sống. Thương cảng Hội An được hình thành vào khoảng thế kỉ XV - XVI, sau đó đã trở thành đô thị/thương cảng phồn thịnh, trung tâm mậu dịch lớn nhất Đàng Trong và cũng là một trong những thương cảng sầm uất ở vùng biển Đông Nam Á.

- Hội An đã thu hút nhiều thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc, Đông Nam Á và một số nước châu Âu đến buôn bán, mở chợ,... Nhiều thương nhân Trung Quốc và Nhật Bản đã được chúa Nguyễn cho ở lại lập phố, sinh sống theo phong tục riêng, tạo nên những “phố Nhật”, “phố Khách”... bên cạnh các khu cư trú của người Việt.

- Quá trình giao lưu kinh tế, văn hoá đó đã để lại cho Hội An hệ thống di sản phong phú và được bảo tồn khá nguyên vẹn đến ngày nay như những công trình kiến trúc, hệ thống giao thông, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật, ẩm thực đặc sắc.

- Năm 1999, Đô thị cổ Hội An được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá thế giới dựa trên hai tiêu chí là di sản nổi bật của sự giao lưu các nền văn hoá qua các thời kì tại một thương cảng quốc tế và là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn khá nguyên vẹn.

c. Khu di tích Hoàng thành Thăng Long

- Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn liền với lịch sử Thăng Long - Hà Nội, phản ánh tiến trình lịch sử lâu dài của nước ta từ thời Bắc thuộc, trải qua các triều đại

Lý, Trần, Lê, Mạc, Nguyễn cho đến ngày nay. Nơi đây cũng gắn liền với lịch sử nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

- *Quần thể kiến trúc Hoàng thành Thăng Long được xây dựng trải qua nhiều giai đoạn và trở thành di tích quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích ở Việt Nam. Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội bao gồm Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và Khu di tích Thành cổ Hà Nội.*

- *Tại Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu đã phát hiện dấu tích nền móng của các công trình kiến trúc cổ, cùng nhiều hiện vật có giá trị và đồ dùng, vật dụng của nước ngoài.*

- *Khu di tích Thành cổ Hà Nội bao gồm nhiều di tích lịch sử và khảo cổ học tiêu biểu như: Điện Kính Thiên, Cửa Bắc, Tường bao, Tám cổng hành cung thời Nguyễn, Cột cờ Hà Nội, Hậu Lâu, Đoan Môn, Di tích Nhà và hầm D67,...*

Ngoài giá trị về kiến trúc, Hoàng thành Thăng Long còn mang giá trị về lịch sử và là minh chứng cho quá trình giao lưu văn hóa của người Việt với bên ngoài.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Cùng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học. Có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong chuyên đề hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Lập bảng thống kê các di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân: và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ: *Viết bài giới thiệu một di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở địa phương em hoặc em biết.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được khái niệm di sản văn hóa vật thể và xác định những vùng di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam trên bản đồ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 6. MỘT SỐ DI SẢN THIÊN NHIÊN TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ.
- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu (Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Cát Tiên).

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử thiên nhiên tiêu biểu (Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Cát Tiên).

- *Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học:* Sử dụng bản đồ để xác định được vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết cách xử lý thông tin, sử dụng để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

- *Chăm chỉ:* tự giác tích cực tham gia các hoạt động để bảo tồn và phát huy giá trị di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

- *Trách nhiệm:* có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản thiên nhiên của dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài học

- Xác định được nét khái quát chung về di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

- Giới thiệu được một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái quát chung về di sản thiên nhiên ở Việt Nam

- Không tìm hiểu mọi vấn đề về di sản thiên nhiên ở Việt Nam, chỉ tập trung vào thống nhất khái niệm di sản thiên nhiên ở Việt Nam và xác định trên lược đồ các di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: xác định được vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ.

2. Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam

- Không giới thiệu tất cả các di sản thiên nhiên, chỉ giới thiệu nét cơ bản một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam như: Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Cát Tiên.

- Mức độ cần làm rõ: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam như: Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Cát Tiên.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nếu tổ chức thành bài thực hành, GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản thiên nhiên ở Việt Nam. Mỗi nhóm tìm hiểu khái quát về di sản thiên nhiên ở Việt Nam và tìm hiểu để giới thiệu về di sản thiên nhiên đó. Việc thiết kế kế hoạch bài dạy thực hành cơ bản giống bài nội khóa trên lớp, chỉ khác là hoạt động HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI được thay bằng HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH và xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động thực hành.

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được sự hiểu biết đã có của bản thân HV về di sản thiên nhiên Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm, sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh (Gợi ý: *Sử dụng hình ảnh một di sản thiên nhiên ở địa phương để gợi mở vấn đề, kết nối bài học*) và trả lời câu hỏi:

1) Đây là di sản thiên nhiên nào? Giá trị của di sản thiên nhiên này là gì?

2) Vì sao nó được xem là một di sản thiên nhiên?

- HV thực hiện nhiệm vụ quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo câu trả lời.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học. Di sản văn hóa nói chung, di sản thiên nhiên nói riêng là một trong những nét đặc sắc trong di sản

văn hóa ở địa phương, có giá trị... *Vậy thế nào là di sản văn hóa thiên nhiên. Ở Việt Nam có những di sản văn hóa thiên nhiên tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài Di sản văn hóa thiên nhiên ở Việt Nam trong chuyên đề 2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản thiên nhiên ở Việt Nam hoặc xây dựng dự án học tập. Mỗi nhóm đều tìm hiểu khái quát di sản thiên nhiên và tìm hiểu để giới thiệu về di sản thiên nhiên ở Việt Nam. Ví dụ:

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát về di sản thiên nhiên ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm di sản thiên nhiên và xác định những di sản thiên nhiên ở Việt Nam trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm tư liệu... để qua đó HV trình bày được khái niệm di sản thiên nhiên ở Việt Nam và xác định được các di sản thiên nhiên ở Việt Nam. Nhấn mạnh: di sản thiên nhiên là một loại hình di sản do tạo hóa ban tặng ở Việt Nam theo phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề (Gợi ý: *Có thể sử dụng một vài hình ảnh về một di sản thiên nhiên ở Việt Nam để tổ chức dạy học*) về khái niệm di sản thiên nhiên và xác định trên bản đồ các di sản thiên nhiên ở Việt Nam và trả lời câu hỏi:

1) *Thế nào là di sản thiên nhiên ở Việt Nam.*

2) *Xác định trên bản đồ vị trí phân bố các di sản thiên nhiên ở Việt Nam.*

- HV đọc tài liệu/bản đồ/quan sát tranh ảnh... trả lời câu hỏi và xác định trên bản đồ vị trí các di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: xác định đúng khái niệm di sản thiên nhiên ở Việt Nam cũng như các di sản thiên nhiên sẽ là cơ sở cho việc quản lí, bảo vệ, khai thác tốt hơn giá trị của di sản để nhà quản lí đề ra chính sách, biện pháp và có thái độ ứng xử đúng đắn với từng loại di sản, từ đó góp phần quản lí, bảo vệ, phát huy giá trị di sản tốt hơn.

1. Khái quát về di sản văn hoá thiên nhiên ở Việt Nam

- *Di sản thiên nhiên là các danh lam thắng cảnh tiêu biểu có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hóa và thiên nhiên, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (sau đây gọi chung là UNESCO) ghi vào Danh mục Di sản thế giới.*

- *Di sản thiên nhiên ở Việt Nam là các danh lam thắng cảnh tiêu biểu có giá trị nổi bật ở Việt Nam UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.*

- Là quốc gia có địa hình đa dạng, các di sản thiên nhiên Việt Nam phong phú, xuất hiện ở nhiều vùng, miền trên cả nước với những di sản thiên nhiên đặc trưng.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam như: Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Cúc Phương; Vườn quốc gia Cát Tiên.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong chuyên đề/quan sát tranh ảnh (*Gợi ý: Sử dụng một số hình ảnh về Vịnh Hạ Long*) và đặt câu hỏi câu hỏi:

1) *Nêu hiểu biết về Vịnh Hạ Long.*

2) *Cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về Vịnh Hạ Long (Lịch sử hình thành, giá trị đặc sắc, biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị...).*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/ ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Một số di sản văn hoá thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam

a. Vịnh Hạ Long

- *Di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long: thuộc tỉnh Quảng Ninh, là một bộ phận của Vịnh Bắc Bộ. Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO ghi danh bởi những giá trị tự nhiên nổi bật, được bầu chọn là một trong bảy kì quan thiên nhiên mới của thế giới năm 2013.*

- *Vịnh Hạ Long chứa đựng nhiều giá trị nổi bật về: địa hình, địa mạo (có nhiều tháp các-xtơ đá vôi rộng lớn và phát triển tốt nhất thế giới); cảnh quan thiên nhiên (được tạo bởi hàng nghìn đảo lớn nhỏ trên mặt biển với hình thù khác nhau); đa dạng sinh học (hơn 2 900 loài động, thực vật được bảo tồn); lịch sử, văn hoá (phát hiện gần 20 di tích khảo cổ học niên đại từ 3 500 năm - 14 000 năm, là một trong những cái nôi của người Việt cổ).*

b. Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng

- *Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: thuộc tỉnh Quảng Bình, hai lần được UNESCO ghi danh với các giá trị địa chất, địa mạo, sinh học khác nhau.*

- *Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng chứa đựng nhiều giá trị nổi bật về: địa chất, địa mạo (được ví như bảo tàng địa chất khổng lồ có lịch sử 400 triệu năm, liên kết với Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia Hin Nam-no của Lào); đa dạng sinh học (có gần 3 nghìn loài thực vật và gần 1400 loài động vật); lịch sử, văn hoá (có 33 di chỉ khảo cổ niên đại từ*

3000 - 12 000 năm, có nhiều di tích lịch sử - văn hoá quan trọng khác: Đường mòn Hồ Chí Minh, Bến phà Nguyễn Văn Trỗi, ... đặc biệt, phát hiện dấu tích chữ Chăm - pa trong đồng).

c. Cao nguyên đá Đồng Văn

- Cao nguyên đá Đồng Văn: thuộc tỉnh Hà Giang, được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu năm 2010.

- Cao nguyên đá Đồng Văn có nhiều giá trị nổi bật về: địa chất, địa mạo (là nơi lưu giữ nhiều sự kiện địa chất quan trọng của khu vực và thế giới); đa dạng sinh học (gồm nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm, trong đó có loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam); lịch sử, văn hoá (phát hiện nhiều công cụ thuộc văn hoá Sơn Vi cách ngày nay 10 000 năm đến 30 000 năm, là địa bàn sinh sống của 17 dân tộc anh em).

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề Di sản văn hóa thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong chuyên đề và dựa trên kiến thức đã học liên quan đến vấn đề Di sản thiên nhiên ở Việt Nam thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập.

Ví dụ: *Lập bảng thống kê các di sản thiên nhiên ở Việt Nam.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học liên quan đến vấn đề Di sản thiên nhiên ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Viết bài giới thiệu một di sản thiên nhiên tiêu biểu ở địa phương em hoặc em biết.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái quát về di sản thiên nhiên ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được khái niệm di sản văn hóa phi vật thể và xác định những vùng di sản thiên nhiên ở Việt Nam trên bản đồ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 7. MỘT SỐ DI SẢN PHỨC HỢP TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ.
- Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu (Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình); Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh)).

1. Năng lực

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hóa phức hợp tiêu biểu (Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình); Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh)).

- *Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học:* Sử dụng bản đồ để xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách xử lý thông tin, sử dụng để học tập, khám phá lịch sử;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng giá trị của di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.

- *Chăm chỉ:* Tự giác tích cực tham gia các hoạt động để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phức hợp ở Việt Nam.

- *Trách nhiệm:* Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản phức hợp của Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh/ảnh, đồ dùng trực quan, tư liệu lịch sử (thư tịch cổ hoặc các nguồn sử liệu khác)... phục vụ cho nội dung dạy học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề học tập Lịch sử 10.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài học:

- Xác định được nét khái quát chung về di sản phức hợp ở Việt Nam.

- Giới thiệu được một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Khái quát chung về di sản phức hợp ở Việt Nam

- Không tìm hiểu mọi vấn đề về di sản phức hợp ở Việt Nam, chỉ tập trung vào thông nhất khái niệm di sản phức hợp và xác định trên lược đồ các di sản phức hợp ở Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ: xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp Việt Nam tiêu biểu trên bản đồ.

2. Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam

- Không giới thiệu tất cả các di sản phức hợp, chỉ giới thiệu nét cơ bản một trong số những di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam như: Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình); Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh).

- Mức độ cần làm rõ: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam như: Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình); Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh).

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nếu tổ chức thành bài thực hành, GV chia nhóm, tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản phức hợp ở Việt Nam. Mỗi nhóm tìm hiểu khái quát về di sản phức hợp ở Việt Nam và tìm hiểu để giới thiệu về di sản phức hợp đó. Việc thiết kế kế hoạch bài dạy thực hành cơ bản giống bài nội khóa trên lớp, chỉ khác là hoạt động HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI được thay bằng HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH và xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động thực hành.

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về một di sản phức hợp ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV sử dụng hình ảnh, trò chơi, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát hình ảnh (*Gợi ý: Sử dụng hình ảnh một di sản phức hợp để gợi mở vấn đề, kết nối bài học*) và trả lời câu hỏi:

1) Đây là di sản phức hợp nào? Hãy nêu hiểu biết về di sản này.

2) Vì sao nó được xem là một di sản phức hợp?

- HV thực hiện nhiệm vụ quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo câu trả lời.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Di sản văn hóa nói chung, di sản phức hợp nói riêng là một trong những nét đặc sắc trong di sản văn hóa ở Việt Nam, có giá trị... *Vậy thế nào là di sản phức hợp? Ở Việt Nam có những di sản phức hợp tiêu biểu nào? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài Di sản văn hóa phức hợp ở Việt Nam trong chuyên đề 2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

GV chia nhóm, xây dựng dự án học tập hoặc tổ chức thực hành trải nghiệm tại một di sản văn hóa phức hợp ở Việt Nam. Mỗi nhóm đều tìm hiểu khái quát di sản văn hóa phức hợp và giới thiệu về di sản văn hóa phức hợp ở Việt Nam. Ví dụ:

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát về di sản phức hợp ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm di sản phức hợp và xác định những di sản phức hợp ở Việt Nam trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm tư liệu... để qua đó HV trình bày được khái niệm di sản phức hợp ở Việt Nam và xác định được các di sản phức hợp ở Việt Nam. Nhấn mạnh: di sản phức hợp cũng là một loại hình di sản do con người và tạo hóa ban tặng ở Việt Nam.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh (*Gợi ý: Có thể sử dụng một vài hình ảnh về một di sản phức hợp ở Việt Nam để tổ chức dạy học*) về khái niệm di sản phức hợp và xác định trên bản đồ các di sản phức hợp ở Việt Nam và trả lời câu hỏi:

1) Thế nào là di sản phức hợp ở Việt Nam.

2) Xác định trên bản đồ vị trí phân bố các di sản phức hợp ở Việt Nam.

- HV đọc tài liệu/bản đồ/quan sát tranh ảnh ... trả lời câu hỏi và xác định trên bản đồ vị trí các di sản phức hợp ở Việt Nam.

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: xác định đúng khái niệm di sản phức hợp ở Việt Nam cũng như các di sản phức hợp sẽ là cơ sở cho việc quản lí, bảo vệ, khai thác tốt hơn giá trị của di sản để nhà quản lí đề ra chính sách, biện pháp và có thái độ ứng xử đúng đắn với từng loại di sản, từ đó góp phần quản lí, bảo vệ, phát huy giá trị di sản tốt hơn.

1. Khái quát về di sản phức hợp ở Việt Nam

- Di sản phức hợp (hay còn gọi là di sản kép) là di sản có những giá trị nổi bật cả về văn hoá và thiên nhiên, được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.

- Di sản phức hợp ở Việt Nam là di sản có những giá trị nổi bật cả về văn hoá và thiên nhiên ở Việt Nam được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.

- Là quốc gia có địa hình đa dạng, có 54 dân tộc sinh sống tạo nên cho Việt Nam các di sản phức hợp rất phong phú.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam

1. Mục tiêu: Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV

giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam: Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình); Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh).

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc thông tin trong chuyên đề/quan sát tranh ảnh (*Gợi ý: Sử dụng một số hình ảnh về khu di tích Tràng An*) và đặt câu hỏi:

1) *Nêu hiểu biết về Di tích Tràng An.*

2) *Cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về Di tích Tràng An (Lịch sử hình thành, giá trị đặc sắc, biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị...).*

- HV làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam

a. Quần thể danh thắng Tràng An

- *Quần thể danh thắng Tràng An: thuộc tỉnh Ninh Bình, là Di sản thế giới hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á được ghi danh.*

- *Quần thể danh thắng Tràng An có nhiều giá trị nổi bật về: địa chất, địa mạo (nhiều cảnh quan ngoạn mục: tháp các-xơ, hang động, nhũ đá,...); đa dạng sinh học (nhiều loài động, thực vật quý hiếm, trong đó, có 10 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam); Lịch sử, văn hoá (phát hiện 30 di tích thời đá cũ, đá mới, kim khí; là hình mẫu nổi bật về sự tương tác, thích ứng của con người với biến đổi khắc nghiệt của môi trường trải qua hơn 30 000 năm phát triển).*

b. Quần thể di tích Yên Tử (Quảng Ninh)

Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh) là một phức hợp các di sản văn hoá và thiên nhiên của Việt Nam. Nơi đây nổi bật với các giá trị về: lịch sử, văn hoá, tư tưởng và cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ.

- *Về giá trị lịch sử - tư tưởng:*

+ *Di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử là nơi hình thành, ra đời và phát triển của Trung tâm Phật giáo Thiền Tông thuần Việt, do người Việt trực tiếp sáng tạo ra. Đây là một trong những di tích lớn và ra đời sớm ở nước ta. Hệ thống chùa, am, tháp, bia, tượng... ở Yên Tử là những tư liệu lịch sử vật chất quý báu, gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp tu hành của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông và các thế hệ thiền sư tu hành tại đây.*

+ *Đặc biệt các văn bia ở Yên Tử đều chứa đựng một lượng thông tin rất lớn, qua nghiên cứu các văn bia ở đây chúng ta có thể lập lại được một phần hệ những nhà sư đã tu hành tại đây cùng với lược sử của họ, từ đó có thể nghiên cứu được tình hình phát triển của Phật giáo Trúc Lâm qua từng thời kỳ.*

+ *Trải qua các thời kỳ: Lý, Trần, Lê, Nguyễn, danh sơn Yên Tử trở thành nơi hội ngộ của các bậc thiền sư đạo cao đức trọng như Tổ Chân Nguyên, ni sư Đàm Thái, Đệ Nhất Tổ Trần Nhân Tông, Đệ Tam Tổ Huyền Quang...*

- Về giá trị văn hóa:

+ Sự ra đời và phát triển của Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử đã để lại cho hậu thế những bản kinh văn và các bản sách quý giá, những sách dạy cho các tăng môn và dân chúng của Thiên phái Trúc Lâm tu tập, sám hối, tu hành thập thiện như: Thiên tâm thiết chủ ngữ lục, Đại Hương Hải ấn thi tập, Tăng già Toái sự, Thạch thất Mỹ Ngữ, Truyền Đăng Lục, Thượng Sĩ hành trang... Đây là những di sản văn hoá phi vật thể quý giá đang đồng hành cùng sự phát triển của lịch sử dân tộc.

+ Bên cạnh đó, Thiên phái Trúc Lâm cũng để lại cho đời sau nhiều công trình văn hoá vật thể quý báu: chùa chiền, am, tháp hình thành trong quá trình ra đời và phát triển của chốn tổ Trúc Lâm tại Yên Tử. Những di sản vật thể quý báu đó đã phản ánh khá rõ nét về sự phát triển của kiến trúc, mỹ thuật, điêu khắc Việt Nam qua các triều đại Lý - Trần - Lê - Nguyễn. Đó là những báu vật, cổ vật có một không hai trong kho tàng văn hoá Việt Nam.

- Về giá trị cảnh quan:

+ Yên Tử - một trong những linh sơn của đất nước, bên cạnh cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, còn là nơi bảo tồn được rất nhiều loài động thực vật quý hiếm mà không một vùng núi nào có được, đặc biệt là các loài cây quý như Tùng, Trúc, Mai và các loại cây thuốc nam quý hiếm.

+ Vẻ đẹp của Yên Tử là sự kỳ vĩ của núi non hoà với nét cổ kính, trầm mặc của chùa tháp, là sự thơ mộng của suối nước trời mây chen trong cây cỏ hoa lá và chim muông, là sự phong phú của thảm thực vật đa dạng và những loại cây dược liệu có giá trị.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề Di sản hỗn hợp ở Việt Nam.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý ở phần luyện tập trong chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học liên quan đến vấn đề Di sản phức hợp Việt Nam lập bảng thống kê/thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ:

1. Lập bảng thống kê về một số di sản tiêu biểu của Việt Nam được UNESCO ghi danh theo gợi ý:

TT	Tên di sản	Địa điểm (tỉnh, thành phố)	Loại hình di sản
1	Di tích Tràng An	Ninh Bình	Hỗn hợp
2	?	?	?
3

2. *Nêu ý nghĩa những di sản của Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước và cộng đồng sinh sống ở vùng di sản. Hãy đề xuất một số biện pháp để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của các di sản đó.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân: và hoàn thành bài tập
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.
- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. **Mục tiêu:** Vận dụng được những điều đã học liên quan đến vấn đề Di sản phức hợp ở Việt Nam

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong chuyên đề hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ: (có thể chọn 1 trong 2 nhiệm vụ để thực hiện):

1. *Ngoài các di sản đã được UNESCO ghi danh, em hãy kể tên những di sản tiêu biểu khác ở địa phương em hoặc ở Việt Nam theo loại hình.*

2. *Nếu được chọn là đại diện cho HV Việt Nam giới thiệu về một di sản văn hoá nổi tiếng của đất nước với bạn bè quốc tế, em sẽ lựa chọn di sản nào? Vì sao? Tìm hiểu thông tin và giới thiệu về di sản đó theo cách của em (làm bài thuyết trình, xây dựng đoạn phim ngắn, thiết kế đồ hoạ,...).*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái quát về di sản văn hóa phức hợp ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được khái niệm di sản văn hóa phức hợp và xác định những vùng di sản văn hoá phức hợp ở Việt Nam trên bản đồ.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)

Tìm hiểu một số di sản văn hóa phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu một số di sản văn hóa phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số di sản văn hóa phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Chuyên đề 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

Thời gian thực hiện: 10 tiết

Chuyên đề này gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)*; 2) *Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 – 1976)*; 3) *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; 4) *Một số bản Hiến pháp của Việt Nam từ 1946 đến nay*. GV có thể chủ động chia thành 4 bài học nội khóa (thời lượng 9 tiết, 1 tiết dành cho việc KTĐG chuyên đề) hoặc có thể dành 2 tiết cho bài thực hành lịch sử. Thời lượng của mỗi bài học có thể linh hoạt tùy điều kiện của nhà trường. Việc chia thời lượng các bài học này cần dựa trên YCCĐ của chương trình. Các hoạt động cơ bản trong từng bài học có thể tiến hành như sau:

Bài 8. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- *Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.*

- *Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.*

- *Trình bày được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.*

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) nêu được một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn và trình bày được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến lịch sử và sử học (khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học), hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết cách xử lí thông tin, sử liệu để tìm hiểu và khám phá mô hình các nhà nước Việt Nam trong lịch sử và các bộ luật của Việt Nam (trước năm 1858);

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng sự tồn tại và phát triển của mô hình các nhà nước Việt Nam trong lịch sử và các bộ luật của Việt Nam (trước năm 1858).

- *Trách nhiệm*: Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học như: nhà nước, pháp luật, một số bản hiến pháp Việt Nam.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề

- Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu và đặc điểm của nó thông qua ví dụ cụ thể.

- Một số bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu trước năm 1858

- Không tìm hiểu tất cả các mô hình nhà nước quân chủ trước năm 1858, chỉ đi sâu tìm hiểu một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu trước năm 1858, nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu trước năm 1858 và phân tích đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.

2. Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

- Không đi sâu phân tích tất cả các bộ luật trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858, chỉ trình bày nét chính hai bộ luật: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV tổ chức trò chơi BINGO “*Tìm từ khóa*” *đứng cạnh nhau theo hàng chéo hoặc hàng dọc để ghép thành một cụm có ý nghĩa.*

Nội dung: HV làm việc theo nhóm cặp đôi, suy nghĩ để tìm các từ khóa trong bảng theo hàng ngang, dọc và hàng chéo:

Z	H	N	H	A	N	U	O	C	L	K	V	Q
H	G	I	C	O	N	G	H	O	A	C	N	U
V	Z	K	E	T	O	C	E	O	N	H	T	Â
G	H	T	G	N	F	V	U	A	O	I	G	N
D	V	A	D	I	P	H	S	K	V	C	N	C
T	H	Q	U	O	C	H	O	I	T	U	U	H
F	D	D	F	G	H	B	A	I	T	X	H	U
X	T	T	X	N	G	T	I	P	Z	O	A	O

- HV thảo luận cặp đôi quan sát và tìm từ khóa.

- HV đoán các từ khóa, GV mời một vài cá nhân báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Các từ khóa vừa khám phá là những thuật ngữ liên quan đến thể chế chính trị và các công cụ gắn liền với những nhà nước nhất định trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. *Vậy, nhà nước là gì? pháp luật là gì? Tại sao chúng ta cần tìm hiểu về các nhà nước và hệ thống pháp luật đã tồn tại trong lịch sử Việt Nam? Để trả lời câu hỏi này, sau đây chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu nội dung của chuyên đề 3. Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu trước năm 1858

1. Mục tiêu: Nêu được một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu (Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn) và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu (thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn) và

phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam. Nhấn mạnh: trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam đã tồn tại nhiều mô hình Nhà nước quân chủ, trong đó mô hình Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn là ba mô hình Nhà nước tiêu biểu được tổ chức theo những thể chế có ít nhiều những đặc điểm khác biệt.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị về mô hình các nhà nước quân chủ và trả lời câu hỏi:

1) Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần được tổ chức như thế nào? Có đặc điểm gì?

2) So với Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, Nhà nước quân chủ thời Lê sơ được tổ chức như thế nào? Có điểm gì khác biệt?

3) Nhà nước quân chủ thời Nguyễn được tổ chức như thế nào? Có đặc điểm gì?

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/xem video... và trao đổi.

- GV mời một vài nhóm/HV nêu ý kiến của mình.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu

a. Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần

* **Tổ chức:** Bộ máy nhà nước thời Lý - Trần ngày càng được tổ chức hoàn thiện từ trung ương xuống địa phương. Các cơ quan được phân công chuyên trách về một lĩnh vực nhất định như: cơ quan văn phòng giúp việc cho vua, cơ quan chuyên môn phụ trách các vấn đề y tế, giáo dục,....

- Ở trung ương: Đứng đầu nhà nước là vua; Giúp việc cho vua có các quan đại thân, các cơ quan văn phòng

- Ở địa phương chia thành các phủ, lộ/châu, trại; huyện, hương, giáp, thôn...

* **Đặc điểm:** 1) Mang tính quý tộc: theo chế độ cha truyền con nối, đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước chủ yếu là quý tộc; 2) Mang tính thân dân: thực hiện các chính sách chăm lo phát triển kinh tế nông nghiệp, miễn giảm thuế khi mất mùa, miễn giảm hình phạt... (vua cày ruộng tịch điền, kế sách khoan thư sức dân, lấy dân làm trọng của những người lãnh đạo đất nước,...).

b. Nhà nước quân chủ thời Lê sơ

* **Tổ chức:** Nhà nước quân chủ tập quyền do vua nắm quyền lực tối cao, được tập trung vào chính quyền trung ương; lập thêm nhiều cơ quan giúp việc cho vua và các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương. Bộ máy nhà nước được củng cố, tổ chức quy củ, chặt chẽ, cùng với hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Ở trung ương, nhà Lê thực hiện nhiều biện pháp nhằm tập trung quyền lực cao nhất cho nhà vua.

- Ở trung ương: Đứng đầu nhà nước là vua. Giúp việc cho vua là:

+ **Lục bộ** (sáu cơ quan quan trọng trong bộ máy nhà nước thời quân chủ, được lập ra để giúp nhà vua quản lí các lĩnh vực quan trọng gồm: Bộ Lại (phụ trách việc tuyển dụng, bổ

nhiệm, bãi miễn quan lại); Bộ Lễ (phụ trách các nghi thức, lễ nghi trong triều và nghi thức ngoại giao); Bộ Binh (phụ trách quân đội); Bộ Hình (phụ trách các việc về pháp luật); Bộ Hộ (phụ trách việc quản lí đất đai, cư dân); Bộ Công (phụ trách việc xây dựng cung điện, thành hào, cầu cống, đường sá);

+ *Lục khoa: là sáu cơ quan được đặt ra để giúp nhà vua kiểm tra, giám sát hoạt động của các bộ, gồm: Lại khoa, Lễ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Hộ khoa và Công khoa, mỗi khoa giám sát một bộ theo tên gọi.*

+ *Lục tự: là sáu cơ quan được đặt ra để giúp nhà vua và các bộ trực tiếp thực thi một số công việc cụ thể trong hoạt động của triều đình,...*

+ *Các cơ quan chuyên trách khác như: viện, đài, giám,...*

+ *Các chức quan quan trọng trong triều đình như: Tam thái, Tam thiếu, Tam tư, Giám nghị đại phu, Thượng thư,...*

- *Ở địa phương: Cả nước có 13 đạo thừa tuyên và một phủ Phụng thiên; mỗi địa phương có Thừa ti, Đô ti, Hiến ti.*

⇒ *Nhà nước được tổ chức quy củ, hoàn thiện hơn.*

* *Đặc điểm: Mang tính quan liêu: Bãi bỏ một số chức quan và cơ quan trung gian giữa vua và bộ phận thừa hành; Vua trực tiếp điều hành và can thiệp mọi công việc quản lí.*

c. Nhà nước quân chủ thời Nguyễn

* *Tổ chức:*

- *Ở trung ương: Đứng đầu nhà nước là vua; Giúp việc cho vua là Nội các và Cơ mật viện (Quyền lực của vua ở trung ương được tập trung cao hơn bằng cách trao quyền nhiều hơn cho các cơ quan giúp việc trực tiếp (Nội các, Văn thư phòng,...), cơ quan tư pháp và giám sát (Ngự sử đài, Đô sát viện,...); Quyền lực của nhà vua và triều đình ngày càng mạnh, quản lí trực tiếp đến địa phương, nhất là sau cải cách của Minh Mạng năm 1831 – 1832).*

- *Ở địa phương: Minh Mạng thống nhất cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên (Huế), Đứng đầu tỉnh là tổng đốc hoặc Tuần phủ.*

* *Đặc điểm: Là nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền cao độ, mang tính quan liêu: Bãi bỏ một số chức quan và cơ quan trung gian giữa vua và bộ phận thừa hành; Vua trực tiếp điều hành và can thiệp mọi công việc quản lí.*

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

1. Mục tiêu: Phân tích được những nét chính của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV phân tích được những nét chính của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. GV

nhấn mạnh: Đây là những bộ luật rất có giá trị giúp chúng ta hiểu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và những chính sách đặc trưng của các nhà nước phong kiến thời kì này.

- HV có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... để tìm hiểu về hai bộ luật này và trả lời câu hỏi:

- 1) Các bộ luật này ra đời trong hoàn cảnh nào?
- 2) Cấu trúc, nội dung bộ luật đề cập đến vấn đề gì?
- 3) Nêu điểm giống nhau giữa hai bộ luật.

HV làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập sau sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
<i>Nghiên cứu SGK, em hãy hoàn thiện những nội dung cơ bản của bộ Quốc triều hình luật và bộ Hoàng việt luật lệ trong bảng sau:</i>		
Nội dung	Quốc triều hình luật	Hoàng việt luật lệ
Hoàn cảnh ra đời		
Về cấu trúc		
Về nội dung		
Về điểm chung		

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập/ ... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: cung cấp cho HV những nội dung kiến thức của bài học và giới thiệu thêm một số nội dung về hình luật trong hai bộ luật để giúp HV thấy được sự ưu tiên của các bộ luật phong kiến trong việc bảo vệ chế độ, giai cấp thống trị.

Sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
<i>Trên cơ sở nghiên cứu nội dung SGK, em hãy hoàn thiện những nội dung cơ bản của bộ Quốc triều hình luật và bộ Hoàng việt luật lệ trong bảng sau:</i>		
Nội dung	Quốc triều hình luật	Hoàng việt luật lệ
<i>Hoàn cảnh ra đời</i>	<i>Bộ luật được khởi thảo từ thời vua Lê Thái Tổ, bổ sung qua các thời và được hoàn chỉnh dưới thời vua Lê Thánh Tông.</i>	<i>Hoàng việt luật lệ còn được gọi là luật Gia Long, được ban hành dưới triều vua Gia Long, năm 1815.</i>
<i>Về cấu trúc</i>	<i>Bộ luật gồm 33 chương, 722 điều. Trong đó quy định về nhiều lĩnh vực khác nhau: hình</i>	<i>Bộ luật gồm 398 điều, phân làm 22 quyển được chia thành 6 thể</i>

	<i>sự, dân sự, hôn nhân, gia đình...</i>	<i>loại, tương ứng với phạm vi phụ trách quản lý của 6 bộ.</i>
Về nội dung	<i>Bộ luật có nhiều điều khoản bảo vệ quyền lợi vua, quý tộc, quan lại, địa chủ. Những hành vi chống đối nhà nước, xâm phạm tài sản, tính mạng, sự an toàn của vua, quý tộc và chính quyền đều bị khép vào tội nặng nhất và phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất.</i>	<i>Bộ luật là tổng hợp, quy định và điều chỉnh hầu hết quan hệ xã hội thời đó, tập trung vào bảo vệ chế độ quân chủ, bảo vệ quyền lực và quyền lợi của giai cấp thống trị.</i>
Về điểm chung	<ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung: bảo vệ chế độ, giai cấp thống trị, bên cạnh đó vẫn có nhiều điều khoản tiến bộ - bảo vệ người già, phụ nữ, người tàn tật. - Về cơ sở xây dựng bộ luật: đều tham khảo các bộ luật của Trung Hoa đương thời và có điều chỉnh cho phù hợp với phong tục, tập quán người Việt. - Về kỹ thuật lập pháp: đều có nhiều điểm tiến bộ, thể hiện trong cấu trúc các bộ luật. 	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến vấn đề nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858).

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý bài tập luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ:

1) *Tìm hiểu và giới thiệu nội dung chính của bộ luật Hình thư thời Lý hoặc Quốc triều hình luật thời Trần.*

Hoặc 2) *So sánh điểm giống và khác nhau giữa các mô hình nhà nước quân chủ ở Việt Nam thời Lý – Trần, Lê sơ và thời Nguyễn.*

- HV làm việc theo nhóm hoặc cá nhân và hoàn thành bài tập

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm và nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Lựa chọn và giới thiệu một nội dung của một trong các bộ luật của Việt Nam (trước năm 1858) có thể vận dụng vào thực tiễn xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu trước năm 1858	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Nêu được một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu (Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn). - Phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Tìm hiểu về một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Phân tích được những nét chính của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.

	thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 9. NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1945 – 1976)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Trình bày được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để trình bày được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đồng thời hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách xử lý thông tin, sử dụng để tìm hiểu và khám phá mô hình Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà;

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng sự tồn tại và phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ý nghĩa của nó.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học như: nhà nước, pháp luật, một số bản hiến pháp Việt Nam.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử, vở ghi.
- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

- Không tìm hiểu quá sâu, chỉ tập trung vào bối cảnh Cách mạng tháng Tám dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và chỉ tập trung vào ý nghĩa của sự kiện này đã kết thúc sự tồn tại của chế độ phong kiến ở Việt Nam, xóa bỏ ách áp bức của chế độ thực dân phát xít Pháp – Nhật....

- Mức độ cần làm rõ: nêu được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

2. Đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976

- Chỉ tập trung trình bày đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976

- Mức độ cần làm rõ: đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. *Mục tiêu*: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945-1976).

2. *Tổ chức hoạt động*: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự tìm hiểu: sử dụng hình ảnh khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi đọc tư liệu/quan sát hình ảnh liên quan đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội và đặt câu hỏi: *Đặc điểm của nhà nước Việt Nam được nêu trong Hiến pháp năm 1959 là gì?*

Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1959 đã xác định: “*Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ Cộng hòa của nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Hiến pháp mới quy định chế độ chính trị, kinh tế và xã hội của nước ta, quan hệ bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc trong nước, bảo đảm đưa miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, xây dựng miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà*”

Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1959-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36855.aspx>

- HV làm việc cá nhân/thảo luận cặp đôi quan sát và trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo, nhận xét.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Vậy, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời trong bối cảnh nào? Ý nghĩa, đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta tìm hiểu một trong những nội dung của chuyên đề 3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu, tranh ảnh có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu bối cảnh, ý nghĩa, đặc điểm, vai trò sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhấn mạnh: đây là mô hình Nhà nước dân chủ, đem đến sự thay đổi to lớn trong lịch sử dân tộc ta.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị... về mô hình các nhà nước quân chủ và trả lời câu hỏi:

1) *Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời trong bối cảnh nào?*

2) *Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có ý nghĩa gì?*

Tư liệu: “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.....*

.....Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

(Trích Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh)

- HV làm việc nhóm đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/... và trả lời câu hỏi.
- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

1. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 - 1976)

a. Bối cảnh ra đời:

- Trên thế giới: Ngày 15/8/1945 quân phiệt Nhật Bản đầu hàng đồng minh vô điều kiện; Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, một số nước thuộc địa giành độc lập.

- Trong nước: Tháng 8/1945, quân đội Nhật Bản ở Đông Dương hoang mang, rệu rã; Cách mạng Tháng Tám do ĐCSDD lãnh đạo đã thành công.

b. Ý nghĩa: Là một trong những thành quả quan trọng của Cách mạng tháng Tám năm 1945; Là bước ngoặt của lịch sử dân tộc, chấm dứt chế độ quân chủ; Mở ra chế độ mới - chế độ dân chủ tiến bộ ở Việt Nam.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước (1945 – 1976).

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV trình bày được đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với video... để tìm hiểu đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976 và trả lời câu hỏi: *Trình bày đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.*

Tư liệu: “...Người dân lao động bình thường đã nhận thấy rõ Nhà nước hôm nay đúng là Nhà nước của mình. Đây là một điều hết sức mới lạ. Trong lịch sử đất nước, những triều đình phong kiến, những bộ máy đô hộ bao giờ cũng là công cụ của một số ít, những kẻ cầm quyền của giai cấp bóc lột, để thực hiện sự thống trị với số đông là dân, là những người lao động. Nó bao giờ cũng chỉ mang lại lợi ích cho số ít, và đem lại khổ nhục cho số đông. Ngày

nay, Nhà nước đã trở thành của số đông, của nhân dân lao động. Nó đang hằng ngày, hằng giờ bảo vệ quyền lợi và mang lại hạnh phúc cho dân. Những gì hiện nay nó chưa làm được, thì nhất định nó sẽ làm được trong tương lai...”

(Những ngày đầu của nước Việt Nam mới
trích Những năm tháng không thể nào quên – Võ Nguyên Giáp)

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

2. Đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- Đặc điểm:

+ Là nhà nước theo chế độ dân chủ cộng hòa.

+ Quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước thuộc về nhân dân thông qua Quốc hội - cơ quan do toàn dân bầu ra.

- Tính chất:

+ Là nhà nước dân chủ kiểu mới

+ Do nhân dân bầu ra, đại diện cho ý chí và quyền lợi của nhân dân.

+ Các chính sách và hoạt động của Nhà nước đều hướng tới mục tiêu vì nhân dân.

ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Nhóm thực hiện:.....Ngày:.....

Nhóm đánh giá:.....

Nội dung	Tiêu chí	Điểm	Nhóm tự ĐG	Nhóm được ĐG	ĐG của GV
Hình thức	- Thiết kế sáng tạo, màu sắc trang nhã, sáng sủa	1			
	- Nhất quán trong cách trình bày, tiêu đề và nội dung	1			
Bố cục	- Tiêu đề rõ ràng, trình bày khoa học	1			
	- Thông tin chọn lọc, hợp lý.	1			
Nội dung	- Sử dụng thông tin chính xác, thể hiện được các kiến thức cơ bản, có chọn lọc.	2			
	- Có sự liên hệ, mở rộng kiến thức	1			

Trình bày của HV	- Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút người nghe	1			
	- Trả lời được hết các câu hỏi thêm từ phía giáo viên hoặc bạn học	1			
	- Duy trì được giao tiếp bằng mắt, xử lý tình huống linh hoạt.	0,5			
	- Tác phong tự tin, chủ động.	0,5			
Tổng điểm		10			

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

Nhóm.....

STT	Họ và tên	Nhiệt tình, hiệu quả cao	Nhiệt tình	Bình thường	Chưa nhiệt tình	Điểm	
						Nhóm đánh giá	GV đánh giá
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Nhiệt tình, hiệu quả cao: 8- 10 đ; Nhiệt tình: 7 - 8 đ; Bình thường: 5 – 6 đ; Chưa nhiệt tình: < 5 đ

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 – 1976).

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá và dựa trên kiến thức đã học về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 – 1976) và thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: *Em hãy chỉ ra sự khác nhau về đặc điểm, tính*

chất của nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa với Nhà nước phong kiến? Theo em, sự khác nhau đó nói lên điều gì?

- HV làm việc cá nhân/thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HV báo cáo, nhận xét.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:
 - + Về tên gọi: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (người dân là chủ nhân của đất nước, nhà nước đại diện cho toàn thể nhân dân để điều hành đất nước) khác với nhà nước quân chủ (vua là chủ, là người đứng đầu có quyền cao nhất)
 - + Về cách thức tạo lập: Nhà nước dân chủ cộng hòa (do nhân dân bầu ra thông qua bầu cử) khác với nhà nước quân chủ (cha truyền con nối)
 - + Về quyền lực: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất thuộc về quốc hội – cơ quan do toàn dân bầu ra) khác với nhà nước quân chủ (thuộc về một người là vua hoặc hoàng đế)
 - + Sự khác nhau trên chứng tỏ nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là nhà nước kiểu mới, đó thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặc điểm, tính chất, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 – 1976) vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Vai trò của nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa được tiếp nối và thể hiện như thế nào trong giai đoạn hiện nay?

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)

Tìm hiểu đặc điểm, tính chất và tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được đặc điểm, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976).	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976).	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 10. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu (trực quan và tư liệu viết) trình bày được bối cảnh ra đời và nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Sử dụng tư liệu để trình bày được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nêu được vai trò của Nhà

nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến bối cảnh ra đời, ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sự ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời hoàn thành nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết cách xử lý thông tin, sử dụng để tìm hiểu và khám phá mô hình Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Nhận thức đúng sự tồn tại và phát triển Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ý nghĩa của nó.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử 10, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Bối cảnh và ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Bối cảnh, ý nghĩa sự ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Không tìm hiểu quá sâu, chỉ tập trung vào bối cảnh đất nước sau năm 1975 dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chỉ tập trung vào ý nghĩa của sự kiện này là đã mở ra một thời kì phát triển mới của lịch sử dân tộc; cả nước đi lên xây dựng CNXH trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động....

- Mức độ cần làm rõ: nêu được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế

- Chỉ tập trung trình bày vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

- Mức độ cần làm rõ vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ năm 1976 đến nay).

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của SGK hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: làm việc cá nhân/nhóm cặp đôi quan sát hình ảnh liên quan đến tình hình Việt Nam sau 1975 ở miền Nam và hỏi: *Nêu hiểu biết về sự kiện trong ảnh.*

- HV làm việc cá nhân/thảo luận cặp đôi quan sát và trả lời câu hỏi.

- HV báo cáo, nhận xét.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: *Vậy, Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời trong bối cảnh nào? Ý nghĩa, vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu một trong những nội dung của chuyên đề 3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.*

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

1. Mục tiêu: Trình bày được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... qua đó HV tìm hiểu bối cảnh, ý nghĩa, vai trò sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhấn mạnh: đây là mô hình Nhà nước dân chủ, đem đến sự thay đổi to lớn trong lịch sử dân tộc ta.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc tài liệu/ quan sát tranh ảnh trong sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị... về mô hình các nhà nước dân chủ và trả lời câu hỏi:

1) *Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời trong bối cảnh nào?*

2) *Sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ý nghĩa gì?*

Tư liệu: Nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) là giành lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc, chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt.

(Nguồn : Đại cương lịch sử Việt Nam tập III- NXB Giáo dục-Lê Mậu Hãn chủ biên)

- GV mời một vài HV nêu ý kiến của mình.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học:

+ *Bối cảnh ra đời:*

++ *Sau sự kiện 30-4-1975, Việt Nam mới thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ, mỗi miền còn tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.*

++ *Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử lần thứ hai được tổ chức trong cả nước để bầu quốc hội khóa VI.*

++ *Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước.*

+ *Ý nghĩa:*

++ *Đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước*

++ *Tạo tiền đề thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.*

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế

1. Mục tiêu: Trình bày được vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV trình bày được vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc SGK/quan sát tranh ảnh/làm việc với video... để tìm hiểu vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế và trả lời câu hỏi:

Trình bày vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

- HV làm việc cá nhân/nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: cung cấp cho HV những nội dung kiến thức của bài học và giới thiệu thêm một số nội dung về vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế

Lĩnh vực	Vai trò	Kết quả, ý nghĩa
<i>Nông nghiệp</i>	- <i>Giao khoán đất nông nghiệp:</i> - <i>Khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất</i>	<i>Giải quyết được nhu cầu lương thực trong nước và trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới</i>
<i>Công nghiệp và dịch vụ</i>	- <i>Cho phép phát triển kinh tế tư nhân.</i> - <i>Khuyến khích đầu tư nước ngoài</i> - <i>Ban hành nhiều bộ luật nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế</i>	<i>Hình thành và phát triển nhiều loại hình doanh nghiệp từ nhỏ, vừa đến lớn</i>
<i>Hội nhập quốc tế</i>	- <i>Năm 1995 gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ</i> - <i>Năm 1998 tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC).</i> - <i>Năm 2006 gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO)</i> + <i>Năm 2019 kí hiệp định thương mại tự do với liên minh châu Âu (EU).</i>	- <i>Góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước</i> - <i>Khẳng định, nâng cao vị thế Việt nam trong khu vực và trên thế giới</i>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý luyện tập trong sách chuyên đề hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế để thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ:

1) *Nối cột A với cột B sao cho phù hợp*

A	B
1.30/4/1975	a. <i>Đổi tên nước thành CHXHCN Việt Nam</i>
2.25/4/1976	b. <i>Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa VI</i>
3.2/7/1976	c. <i>Đất nước bước vào thời kì đổi mới</i>

4.1986	d. Gia nhập ASEAN
5.1995	e. Kí hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU)
6.1998	g. Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước
7.2006	h. Gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO
8. 2019	i. Tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC)

Hoặc 2) Hãy chỉ ra sự khác nhau về đặc điểm, tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà so với các nhà nước quân chủ ở nước ta. Theo em, sự khác nhau đó nói lên điều gì?

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: Chọn và giới thiệu một thành tựu của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập. (Gợi ý: Bài giới thiệu nêu được: Tên thành tựu; Những thành tựu/dấu ấn đặc sắc/Bài học rút ra...).

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu bối cảnh ra đời và ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được bối cảnh và ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)

Nam.			
Tìm hiểu vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1976 đến nay.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1976 đến nay.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

Bài 11. MỘT SỐ BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM TỪ NĂM 1946 ĐẾN NAY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

- Trình bày được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lý để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.

- Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,...

- Trình bày được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

- Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị - pháp lí quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,...

- Trình bày được điểm mới của Hiến pháp năm 2013: sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kĩ thuật lập hiến,...

- Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.

1. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Thông qua tư liệu nêu được nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946,1959,1980,1992 và 2013 và trình bày được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam.

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua tư liệu nêu được một số nội dung chính và ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 – hiến pháp đầu tiên và Hiến pháp năm 1992, hiến pháp 2013 – hiến pháp đổi mới.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để giải quyết các nhiệm vụ được giao.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ được những vấn đề liên quan đến một số bản hiến pháp của Việt Nam từ 1946 đến nay.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách xử lí thông tin, sử dụng để tìm hiểu và khám phá các bản hiến pháp của Việt Nam (từ năm 1946 đến nay).

2. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Nhận thức đúng sự tồn tại và phát triển của mô hình các nhà nước Việt Nam trong lịch sử và các bộ luật của Việt Nam (trước năm 1858).

- *Trách nhiệm:* Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tư liệu lịch sử và tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học.

2. Chuẩn bị của học viên

- Sách chuyên đề Lịch sử 10, vở ghi.

- Sản phẩm của nhiệm vụ được GV giao.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của chủ đề:

- Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay
- Một số bản hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ năm 1946 đến nay

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

1. Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

- Không tìm hiểu tất cả vấn đề liên quan các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay, chỉ đi sâu tìm hiểu một số điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946,1959,1980,1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc và một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được một số điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946,1959,1980,1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc và trình bày được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.

2. Một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ năm 1946 đến nay

- Không đi sâu phân tích tất cả các bộ luật trong lịch sử Việt Nam từ 1946 đến nay. Chỉ đi sâu trình bày nét chính và điểm mới của Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên và Hiến pháp 1992, hiến pháp 2013 – Hiến pháp đổi mới.

- Mức độ cần làm rõ: trình bày được nét chính và điểm mới của Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên và Hiến pháp 1992, hiến pháp 2013 – Hiến pháp đổi mới.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Khai thác được hiểu biết đã có của bản thân HV về một số bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay.

2. Tổ chức hoạt động: Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động: có thể sử dụng gợi ý của sách chuyên đề hoặc GV tự chuẩn bị: sử dụng hình ảnh, trò chơi ô chữ, video khác...

- GV giao nhiệm vụ cho HV: GV tổ chức cho HV quan sát hình ảnh (bầu cử Quốc hội...) để đạt câu hỏi: *Theo em, Quốc hội có mối quan hệ như thế nào đối với lập pháp?*

- HV quan sát và suy nghĩ trả lời.

- GV mời một vài HV báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước có vai trò soạn thảo, ban hành Hiến pháp và

giám sát việc thực thi Hiến pháp. Vậy từ năm 1946 đến nay Việt Nam đã ban hành các bản Hiến pháp nào? Hiến pháp đầu tiên và Hiến pháp đổi mới của Việt Nam đề cập đến những nội dung chính nào? Để trả lời câu hỏi này, sau đây chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu nội dung: Một số bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay thuộc **Chuyên đề 3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.**

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

1. Mục tiêu: Trình bày được điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay (bối cảnh ra đời, một số điểm chính).

2. Tổ chức hoạt động: GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc GV tự sưu tầm/xem video... để qua đó HV trình bày được điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay (bối cảnh ra đời, một số điểm chính). GV nhấn mạnh: Sau khi đất nước được độc lập, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm và chú trọng việc ban hành hiến pháp, xem đây là công cụ hữu hiệu để quản lí chính quyền.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc cá nhân/nhóm: đọc sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... để tìm hiểu về điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay (bối cảnh ra đời, một số điểm chính) và trả lời câu hỏi trong Phiếu học tập:

1. Kể tên các bản Hiến pháp Việt Nam ra đời từ 1946 đến nay.
2. Các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay ra đời trong bối cảnh nào?.
3. Nêu một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.

HV làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập sau sau:

PHIẾU HỌC TẬP

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung SGK, em hãy hoàn thiện những nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay trong bảng sau:

Nội dung	Hiến pháp 1946	Hiến pháp 1959	Hiến pháp 1980	Hiến pháp 1992	Hiến pháp 2013
Bối cảnh ra đời					
Một số điểm chung				

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... và trả lời câu hỏi.
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV nhận xét những nội dung chính, sửa lỗi cho HV và kết luận: cung cấp cho HV những nội dung kiến thức của bài học để giúp HV thấy được điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay.

HV làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập sau sau:

PHIẾU HỌC TẬP					
<i>Trên cơ sở nghiên cứu nội dung SGK, em hãy hoàn thiện những nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay trong bảng sau:</i>					
Nội dung	Hiến pháp 1946	Hiến pháp 1959	Hiến pháp 1980	Hiến pháp 1992	Hiến pháp 2013
Bối cảnh ra đời	<i>- Điều được ban hành khi nhà nước mới được thành lập hoặc có những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa. VD: Hiến pháp 1946 được ban hành khi nước ta vừa giành được độc lập, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến. Vì thế cần có một văn bản pháp luật có giá trị cao để ghi nhận, quy định những chủ trương, chính sách lớn của nhà nước và những vấn đề quan trọng khác. Hiến pháp 1992 ra đời khi Việt Nam vừa trải qua thời kì khủng hoảng và bắt đầu công cuộc đổi mới đất nước. Hiến pháp 2013 được ban hành để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc và cần có những chính sách quan trọng để đất nước phát triển trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.</i>				
Một số điểm chung	<i>- Các bản Hiến pháp đều là đạo luật gốc, là cơ sở, nền tảng pháp lí cho toàn bộ hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam. - Hiến pháp quy định các vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của đất nước như: chế độ chính trị, tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước...</i>				

Hoạt động 2. Một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ 1946 đến nay

1. Mục tiêu: Sử dụng tư liệu trình bày được những nét chính của một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ 1946 đến nay.

2. Tổ chức hoạt động:

GV có nhiều cách để tổ chức cho HV đạt mục tiêu của hoạt động: sử dụng tư liệu có trong sách chuyên đề hoặc tự sưu tầm/ xem video... để qua đó HV những nét chính của một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ 1946 đến nay. GV nhấn mạnh: Hiến pháp đầu tiên và Hiến pháp đổi mới là các bản Hiến pháp rất có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam, có giá trị

giúp chúng ta hiểu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và những chính sách đặc trưng của các nhà Việt Nam trong thời kì này.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc nhóm/cá nhân: đọc sách chuyên đề/quan sát tranh ảnh/làm việc tư liệu khác... để tìm hiểu một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ 1946 đến nay.

+ Nhóm 1: Giới thiệu Hiến pháp năm 1946 (nội dung và ý nghĩa).

+ Nhóm 2: Giới thiệu Hiến pháp năm 1992 (nội dung và ý nghĩa).

+ Nhóm 3: Giới thiệu Hiến pháp năm 2013 (nội dung và ý nghĩa).

(Lưu ý: Giải thích Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và Hiến pháp đổi mới năm 2013).

Tư liệu: Hiến pháp 1946

Lời nói đầu ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong việc “giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa”: đồng thời xác định mục tiêu phấn đấu tiếp theo: “đảm bảo lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ”

Chương I (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về chính thể, theo đó Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa, thống nhất, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, quốc ca là bài Tiến quân ca, thủ đô đặt ở Hà Nội.

Chương II (từ Điều 4 đến Điều 21) quy định về quyền và nghĩa vụ công dân, ghi nhận quyền bình đẳng trên một phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; bình đẳng giữa nam và nữ; bình đẳng trước pháp luật; quyền được tham gia chính quyền và công việc kiến quốc tùy theo tài đức; quyền tự do ngôn luận, hội họp, cư trú, đi lại, tín ngưỡng; quyền bầu cử, bãi miễn, phúc quyết; quyền đảm bảo thân thể, nhà ở, thư tín...; nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

Chương III (từ Điều 22 đến Điều 42) quy định về Nghị viện nhân dân (Quốc hội), theo đó, cơ quan lập pháp tối cao là Nghị viện nhân dân gồm các Nghị viện được nhân dân trực tiếp bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng và bỏ phiếu kín. Nghị viện nhân dân chỉ gồm một viện, là “cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”: quyết định những vấn đề chung quan trọng nhất của đất nước, đặt ra luật pháp biểu quyết ngân sách, bầu và giám sát hoạt động của Chính phủ...Chương này cũng quy định cơ cấu, hoạt động của Nghị viện nhân dân; quyền và nghĩa vụ của các nghị viên.

Chương IV (từ Điều 43 đến Điều 56) quy định về Chính phủ, theo đó, “Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất” của quốc gia, gồm Chủ tịch nước, Thủ tướng, các bộ trưởng và thứ trưởng. Chính phủ được lập ra và chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Chương này còn quy định chi tiết cơ cấu, thẩm quyền và phương thức hoạt động của chính phủ.

Chương V (từ Điều 57 đến Điều 62) quy định về hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương do nhân dân địa

phương trực tiếp bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Ủy ban hành chính là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, thực hiện những quyết định của hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp trên. Chương này còn quy định về cơ cấu đơn vị hành chính lãnh thổ Việt Nam.

Chương VI (từ Điều 63 đến Điều 69) quy định về cơ quan tư pháp, theo đó, các tòa án được chia thành 4 cấp, có trách nhiệm xét xử các vụ án hình sự và dân sự. Khi xét xử thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật. Xét xử các vụ án hình sự, phải có phụ thẩm nhân dân tham gia. Thẩm phán do Chính phủ bổ nhiệm. Bị cáo được quyền tự bào chữa, mượn luật sư, dùng tiếng nói riêng và không bị ngược đãi.

Chương VII (Điều 70) quy định về việc sửa đổi Hiến pháp: Hiến pháp chỉ được sửa đổi khi có không dưới 2/3 tổng số Nghị viện yêu cầu, Nghị viện bầu ra Ban Dự thảo những điều thay đổi và toàn dân phúc quyết những điều thay đổi đã được Nghị viện tán thành.

- HV làm việc nhóm hoặc theo cá nhân: đọc tài liệu/quan sát tranh ảnh/làm việc với Phiếu học tập... và trả lời câu hỏi.

- GV mời một vài nhóm/cá nhân báo cáo sản phẩm.

- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học: nhận xét kết luận những nội dung chính: cung cấp cho HV những nội dung kiến thức của bài học và giới thiệu thêm một số nội dung các bản Hiến pháp này.

a) Hiến pháp năm 1946

Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 là một bản hiến văn ngắn, bao gồm lời nói đầu và 7 chương, 70 điều.

- Nội dung:

+ Ghi nhận thành quả vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do.

+ Quy định thể chế của Việt Nam là Dân chủ Cộng hòa.

+ Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân, xác định sự bình đẳng về mọi phương diện của tất cả công dân của công dân VN trước pháp luật.

+ Quy định về tổ chức bộ máy nhà nước, gồm: Nghị viện nhân dân, Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan tư pháp.

- Ý nghĩa: Là Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, mang tính dân chủ và tiến bộ nhất ở Đông Nam Á lúc bấy giờ để ghi nhận thành quả vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và đặt nền móng cho một bộ máy Nhà nước kiểu mới – Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

b) Hiến pháp năm 1992

- Hiến pháp này khẳng định Nhà nước phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân.

- *Nội dung: Bao gồm 12 chương và 147 điều. Trong đó, có các nội dung chính quy định về:*

+ *Chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh (Cụ thể hóa đường lối đổi mới kinh tế của Đảng (phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng XHCN). Thể hiện rõ quan điểm, đường lối đối ngoại mới của Nhà nước là “Hòa bình, hữu nghị, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội khác nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi”.*

+ *Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.*

+ *Cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước.*

+ *Thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ.*

- *Ý nghĩa: Hiến pháp đổi mới này là cơ sở chính trị - pháp lý cơ bản, đóng vai trò quan trọng vào sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

c) Hiến pháp năm 2013

- *Hiến pháp 2013 là Hiến pháp thứ 2 của thời kỳ đổi mới, có nhiều điểm tiến bộ về tổ chức bộ máy nhà nước, về tư tưởng dân chủ và kỹ thuật lập pháp. Hiến pháp 2013 bao gồm 11 chương và 120 Điều, trong đó bao gồm các nội dung chính về:*

+ *Tổ chức bộ máy nhà nước: bổ sung quyền hạn của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, cơ quan tư pháp (phân định rõ thẩm quyền của các cơ quan nhà nước, lần đầu tiên nguyên tắc “kiểm soát quyền lực được ghi nhận”).*

+ *Tiến bộ về tư tưởng dân chủ: khẳng định nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng biện pháp dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện (Hiến pháp 1992 chỉ có hình thức dân chủ đại diện). Khẳng định và mở rộng quyền con người và quyền công dân. Quy định về quyền làm chủ và quyền giám sát của nhân dân là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Quy định về bảo vệ Tổ quốc.*

+ *Sự tiến bộ về kỹ thuật lập hiến: các điều luật được trình bày sắp xếp hợp lý hơn, cập nhật những thành tựu của pháp luật quốc tế.*

- *Hiến pháp 2013 ra đời đánh dấu bước hoàn thiện hoạt động lập pháp của nước nhà trong thời kỳ hội nhập và phát triển.*

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố được tri thức vừa khám phá; Rèn luyện kỹ năng, xử lý tình huống có liên quan đến chủ đề về một số bản Hiến pháp ở Việt Nam từ 1946 đến nay.

2. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để HV thực hiện các nội dung luyện tập đạt được các YCCĐ của bài học. Có thể dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề hoặc do GV tự chuẩn bị.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm/cá nhân và dựa trên kiến thức đã học về dựa vào gợi ý tổ luyện tập trong sách chuyên đề thiết kế trò chơi/làm bài tập trắc

nghiệm hoặc tự luận để luyện tập. Ví dụ: *Lập bảng so sánh các bản Hiến pháp năm 1946, 1992 và 2013 theo gợi ý sau:*

<u>Hiến pháp</u>	1946	1992	2013
Bối cảnh ra đời	?	?	?
Nội dung cơ bản	?	?	?
Ý nghĩa	?	?	?

- HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.
- GV mời một vài cá nhân/nhóm báo cáo sản phẩm.
- GV kết luận những nội dung chính, sửa lỗi của HV, đánh giá hoạt động học.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Vận dụng được những điều đã học về một số bản Hiến pháp ở Việt Nam từ 1946 đến nay vào thực tiễn.

2. Cách tổ chức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có thể là bài tập vận dụng gợi ý trong sách chuyên đề hoặc bài tập vận dụng do GV đề xuất. Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ: *Lựa chọn giới thiệu điểm tiến bộ của một trong các bộ luật của Việt Nam từ năm 1946 đến nay.*

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác khi: - Trình bày được điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ 1946 đến nay (bối cảnh ra đời, một số điểm chính).	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)

Một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ năm 1946 đến nay	Hình thành NL tìm hiểu lịch sử; NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Trình bày được những nét chính của một số bản Hiến pháp Việt Nam tiêu biểu từ 1946 đến nay.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Luyện tập	Hình thành các NL nhận thức và tư duy lịch sử; NL vận dụng thực hành kiến thức kỹ năng đã học khi tìm hiểu về một số bản hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kỹ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra chuyên đề)
Vận dụng	Hình thành các NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về một số bản hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra chuyên đề)

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LỊCH SỬ CHUYÊN ĐỀ 3

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Chuyên đề này gồm 4 đơn vị kiến thức: 1) *Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)*; 2) *Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 – 1976)*; 3) *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; 4) *Một số bản Hiến pháp của Việt Nam từ 1946 đến nay*, được dạy trong 10 tiết với những YCCĐ cụ thể cho từng đơn vị kiến thức. Với thời lượng này, GV có thể chủ động tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử.

- Nội dung, hình thức thực hành có thể tập trung vào các vấn đề sau:

- 1) Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề.
- 2) Ôn tập kiến thức của chủ đề dưới dạng làm bài tập lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy.
- 3) Xem video, phim tư liệu lịch sử.
- 4) Tổ chức dạy học theo dự án.
- 5) Tổ chức hoạt động thực hành trải nghiệm.
- 6) ...

II. NHỮNG LƯU Ý KHI THỰC HIỆN BÀI THỰC HÀNH

- Xác định đúng mục tiêu của bài thực hành về kiến thức, năng lực và phẩm chất (hoặc năng lực và phẩm chất). Mục tiêu của bài thực hành được xác định phụ thuộc vào việc lựa chọn nội dung thực hành căn cứ vào năng lực học tập của HV và điều kiện thực tế của GV và nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy dựa trên nội dung hoạt động thực hành, hình thức dạy học lựa chọn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo linh hoạt theo công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức hiệu quả bài học thực hành.

- Ví dụ: *Chuyên đề 3. Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử* cung cấp cho người học hiểu biết những vấn đề tiêu biểu về Nhà nước và Luật pháp Việt Nam từ khi Nhà nước ra đời. GV có thể lựa chọn nội dung tổ chức 2 tiết Thực hành lịch sử trong chuyên đề hoặc cũng có thể tổ chức những tiết thực hành để tìm hiểu chung về các lĩnh vực của sử học dưới hình thức *Tổ chức làm bài tập lịch sử* để ôn tập kiến thức hoặc *Vận dụng tìm hiểu chuyên sâu một vấn đề của chuyên đề*. Ví dụ: *Tìm hiểu sự kế thừa của Hiến pháp Việt Nam năm 1992 từ Hiến pháp Việt Nam năm 1946*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 2: Sử dụng PPDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Lịch sử*, Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Chương trình ETEP.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 4: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Lịch sử*, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, Chương trình ETEP.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Lịch sử*.
8. Sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.